

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ**

Giảng viên hướng dẫn	: Th.S LÊ THỊ CẨM GIANG
Sinh viên thực hiện	: NGUYỄN THỊ THU HOÀI
Mã số sinh viên	: 2254010020
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thu Hoài
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

Th.s Lê Thị Cẩm Giang, giảng viên Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

Th.s Lê Thị Cẩm Giang

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ	1
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Một số vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
<i>1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>1</i>
<i>1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..</i>	<i>2</i>
1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác</i>	<i>2</i>
<i>1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>2</i>
<i>1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>9</i>
<i>1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.2. Kế toán các khoản chi phí</i>	<i>15</i>
<i>1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>15</i>
<i>1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính</i>	<i>17</i>
<i>1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng</i>	<i>19</i>
<i>1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>22</i>
<i>1.2.2.5. Kế toán chi phí khác.....</i>	<i>25</i>
<i>1.2.2.6. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>26</i>
<i>1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>28</i>
<i>1.2.3.1. Đặc điểm</i>	<i>28</i>
<i>1.2.3.2. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản</i>	<i>30</i>
<i>1.2.3.3. Chứng từ sử dụng</i>	<i>30</i>
<i>1.2.3.4. Phương pháp hạch toán</i>	<i>30</i>
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC	
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT	
BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ.....	31
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị..	31
<i>2.1.1. Giới thiệu về Công ty.....</i>	<i>31</i>
<i>2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty</i>	<i>32</i>
<i>2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty</i>	<i>33</i>
<i>2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý</i>	<i>33</i>

2.1.3.2. Chức năng của từng phòng	33
2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty	35
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty	35
2.1.4.2. Chức năng của bộ máy kế toán	35
2.1.5. Chính sách kế toán và chế độ áp dụng tại Công ty	36
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty.....	36
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	38
2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.....	38
2.1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty	38
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm doanh thu trừ tại Công ty	53
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty	53
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty.....	56
2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.....	56
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty	56
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty	63
2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty	66
2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty	74
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác tại Công ty.....	81
2.2.2.6. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty	83
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	87
2.2.3.1. Đặc điểm của kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	87
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng	87
2.2.3.3. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng.....	87
2.2.3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	87
2.2.3.5. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty.....	87
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ	92
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	92
3.1.1. Ưu điểm	92
3.1.1.1. Công tác tổ chức và quản lý chung.....	92
3.1.1.2. Công tác tổ chức kế toán.....	92

3.1.2. Hạn chế	93
3.1.2.1. Công tác tổ chức và quản lý chung.....	93
3.1.2.2. Công tác tổ chức kế toán.....	93
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	94
3.2.1. Công tác tổ chức và quản lý chung	94
3.2.2. Công tác tổ chức kế toán.....	95

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

PHỤ LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng tại kho	7
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp là bên nhận đại lý	7
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp là bên giao đại lý	8
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp	8
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán giảm trừ doanh thu	10
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	12
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	17
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	19
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng	21
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	26
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	30
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	35
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty	37
Sơ đồ 2.4: Hình thức ghi sổ theo phần mềm máy tính	37

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Giao diện phần mềm	38
Hình 2: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 (Trang1/3)	42
Hình 3: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 (Trang2/3)	43
Hình 4: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 (Trang3/3)	44
Hình 5: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	45
Hình 6:Trích mẫu Sổ Cái TK 5111.....	45
Hình 7: Trích mẫu Hóa đơn giá trị gia tăng số 0004167.....	46
Hình 8: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	47
Hình 9: Trích mẫu Sổ Cái TK 5114	47
Hình 10: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000492	48
Hình 11: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	49
Hình 12: Trích mẫu Sổ Cái TK 5118	50
Hình 13: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung.....	51
Hình 14: Trích mẫu sổ cái TK 511	52
Hình 15: Trích Sao kê Ngân hàng.....	54
Hình 16: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	54
Hình 17: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung.....	55
Hình 18: Trích mẫu Sổ Cái TK 515.....	55
Hình 19: Trích Bảng kê xuất kho.....	58
Hình 20: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	59
Hình 21: Trích mẫu sổ Cái TK 63211	59
Hình 22: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	60
Hình 23: Trích mẫu sổ Cái TK 63214.....	61
Hình 24: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	62
Hình 25: Trích mẫu Sổ Cái TK 6327	62
Hình 26: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung.....	63

Hình 27: Trích mẫu Sổ Cái TK 632	63
Hình 28: Trích Sao kê của Ngân hàng	64
Hình 29: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	65
Hình 30: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung	65
Hình 31: Trích mẫu Sổ Cái TK 635	66
Hình 32: Bảng tính – thanh toán tiền lương cho nhân viên bộ phận bán hàng	68
Hình 33: Bảng tính chi phí BHXH, KPCĐ cho nhân viên bộ phận bán hàng ..	68
Hình 34: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	69
Hình 35: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	69
Hình 36: Trích mẫu Hóa đơn GTGT số 288251	70
Hình 37: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	71
Hình 38: Bảng tính khấu hao TSCĐ năm 2025	71
Hình 39: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	72
Hình 40: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung	72
Hình 41: Trích mẫu Sổ Cái TK 641	73
Hình 42: Bảng tính – thanh toán lương cho cán bộ nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp	75
Hình 43: Bảng tính BHYT, KPCĐ cho cán bộ nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp	75
Hình 44: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	76
Hình 45: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	76
Hình 46: Trích mẫu Hóa đơn GTGT số 00000414	77
Hình 47: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	78
Hình 48: Bảng tính khấu hao TSCĐ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp năm 2025	78
Hình 49: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	79
Hình 50: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung	79
Hình 51: Trích mẫu Sổ Cái TK 642	80
Hình 52: Màn hình nhập liệu trên phần mềm	82

Hình 53: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung.....	82
Hình 54: Trích mẫu Sổ Cái TK 811	83
Hình 55: Trích tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN) trang 1/2 ..	84
Hình 56: Trích tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN) trang 2/2 ..	85
Hình 57: Trích phụ lục 03-1A Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	86
Hình 58: Trích phụ lục 03-2/TNDN chuyển lỗ.....	86
Hình 59: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	88
Hình 60: Màn hình nhập liệu trên phần mềm.....	88
Hình 61: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung.....	89
Hình 62: Trích mẫu Sổ Cái TK 911	90
Hình 63: Trích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	91
Hình 64: Thẻ thành viên tích điểm	97

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	BDS	Bất động sản
2	BH	Bán hàng
3	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
4	BHXXH	Bảo hiểm y tế
5	BTC	Bộ tài chính
6	BVMT	Bảo vệ môi trường
7	CCDC	Công cụ, dụng cụ
8	CCDV	Cung cấp dịch vụ
9	CKTM	Chiết khấu thương mại
10	DN	Doanh nghiệp
11	GGHB	Giảm giá hàng bán
12	GTCL	Giá trị còn lại
13	GTGT	Giá trị gia tăng
14	HMLK	Hao mòn lũy kế
15	K/c	Kết chuyển
16	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
17	LNST	Lợi nhuận sau thuế
18	NSNN	Ngân sách nhà nước
19	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
20	SXC	sản xuất chung
21	SXKD	Sản xuất kinh doanh
22	TK	Tài khoản
23	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
24	TNLĐ	Tai nạn lao động
25	TSCĐ	Tài sản cố định
26	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
27	TTĐB	Thông tư
28	XK	Xuất khẩu
29	XNK	Xuất nhập khẩu

LỜI CẢM ƠN

Để bài báo cáo này đạt được kết quả tốt, lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám Hiệu nhà trường, các thầy cô trong khoa Kinh tế và đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Lê Thị Cẩm Giang.

Qua thời gian học tập tại TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG và có cơ hội thực tập tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị, em nhận thấy được rằng giữa việc học ở trường và sự trải nghiệm thực tập thực tế là vô cùng quan trọng và hữu ích vì nó thực sự giúp bản thân em vận dụng được những kỹ năng, kiến thức trong quá trình dài học tập. Bên cạnh đó em cũng học hỏi được những điều mới trong quá trình làm việc cùng với anh chị ở Công ty. Trong thời gian thực tập, em đã học hỏi được nhiều hơn và cố gắng tìm hiểu để hoàn thành tốt đề tài “KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ”. Thời gian em thực tập tại Công ty, em rất cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tình của các anh chị trong công ty rất nhiều, đặc biệt là chị kế toán trưởng Nguyễn Thị Vĩnh.

Nhưng do trình độ của bản thân em chưa thực sự hoàn thiện, chưa thực sự tốt, kinh nghiệm thực tế còn chưa sâu. Nên bài Báo cáo của em còn có nhiều sai sót. Vì vậy em rất mong sự góp ý của các thầy cô để bài Báo cáo thực tập tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang trải qua những biến đổi sâu sắc với sự lên ngôi của kinh tế số, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt. Việc hội nhập sâu rộng không chỉ mang lại cơ hội mà còn đặt ra thách thức về tối ưu hóa chi phí và hiệu quả quản trị. Để đứng vững trước những biến động thị trường, mỗi doanh nghiệp buộc phải kiểm soát chặt chẽ mọi nguồn lực tài chính nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Dưới góc độ quản lý, kế toán đóng vai trò là hệ thống thông tin định lượng quan trọng nhất để đánh giá chu trình kinh doanh. Thông qua việc vận dụng các chuẩn mực kế toán hiện hành, bộ phận kế toán cung cấp số liệu về doanh thu, chi phí một cách trung thực và khách quan. Đây là những chỉ tiêu tài chính quyết định, giúp nhà quản trị nhận diện rõ cơ cấu thu nhập, đo lường chính xác hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Trong thực tiễn hạch toán, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu then chốt để hoàn thành vòng tuần hoàn vốn. Việc tổ chức tốt công tác này giúp doanh nghiệp theo dõi sát tiến độ thu hồi công nợ, phân bổ hợp lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý vào từng đối tượng cụ thể. Xác định đúng đắn kết quả kinh doanh không chỉ giúp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế mà còn là căn cứ khoa học để tái cấu trúc nguồn vốn, đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài cho đơn vị.

Sau thời gian trau dồi lý luận chuyên ngành và thực tập thực tế tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí tại đây mang đặc thù nghiệp vụ phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả điều hành. Với mong muốn vận dụng kiến thức về bút toán hạch toán, phương pháp phân bổ chi phí và xác định lợi nhuận thực tiễn để góp phần hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại đơn vị, em đã quyết định lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị” làm đề tài Khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: “KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ”.

Phạm vi nghiên cứu:

- Nội dung: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
- Thời gian: Số liệu được lấy từ sổ sách kế toán thực tế của năm 2025 tại phòng kế

toán của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

- Không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

3. Phương pháp nghiên cứu đề tài

- Phương pháp thu thập dữ liệu

+ Nghiên cứu dữ liệu thứ cấp: Thu thập, phân tích hệ thống văn bản pháp lý (Thông tư 200/2014/TT-BTC, Luật Thuế TNDN) và tài liệu nội bộ của đơn vị bao gồm Báo cáo tài chính, Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu 03/TNDN), hệ thống sổ cái và sổ chi tiết các tài khoản liên quan (TK 511, 515, 632, 635, 641, 642, 811, 911) trong kỳ tính thuế năm 2025.

+ Nghiên cứu dữ liệu sơ cấp: Sử dụng phương pháp quan sát thực tế quy trình luân chuyển chứng từ, quản trị kho và thực hiện phỏng vấn sâu bộ phận kế toán để làm rõ các bất cập trong xử lý chênh lệch Kế toán - Thuế.

- Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

+ Phương pháp chuyên ngành kế toán: Áp dụng các kỹ thuật đối ứng tài khoản, tính giá và khóa sổ để kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các khoản doanh thu, chi phí phát sinh.

+ Phương pháp so sánh, đối chiếu: Phân tích biến động số liệu theo chu kỳ thời gian nhằm định lượng áp lực mùa vụ (Quý II, Quý III); đồng thời đối chiếu chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế để xác định sai lệch tại chỉ tiêu B4.

+ Phương pháp tổng hợp và phân tích hệ thống: Mô hình hóa dữ liệu thô thành các bảng biểu đối chiếu số liệu trước và sau điều chỉnh, từ đó nhận diện và đánh giá các rủi ro tài chính, rủi ro pháp lý của doanh nghiệp.

4. Cấu trúc đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

Chương 3: Nhận xét và đánh giá về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Hệ thống cơ sở lý luận trong chương này được xây dựng và cụ thể hóa dựa trên các nguyên tắc hạch toán và phương pháp kế toán quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

1.1. Một số vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác, khái niệm doanh thu được định nghĩa như sau: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 01), chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán, được ghi nhận dưới dạng giảm tài sản hoặc tăng nợ phải trả, dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu (không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông/chủ sở hữu). Chi phí phát sinh từ hoạt động thông thường và các hoạt động khác.

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), xác định kết quả kinh doanh là quá trình tập hợp doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh trong một kỳ (thông qua tài khoản 911) để tính toán chênh lệch, thể hiện lãi hoặc lỗ cuối cùng. Đây là tổng hợp kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và hoạt động khác.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kế toán doanh nghiệp, giúp phản ánh toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Thông qua việc ghi nhận doanh thu và tập hợp, phân bổ chi phí một cách hợp lý, kế toán cung cấp thông tin tài chính đầy đủ, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu và chi phí là cơ sở trực tiếp để xác định kết quả kinh doanh, đảm bảo việc tính toán lợi nhuận được chính xác, trung thực và phù hợp với các nguyên tắc kế toán. Kết quả kinh doanh không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động mà còn là căn cứ quan trọng để đánh giá năng lực tài chính và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Ngoài ra, công tác kế toán này còn góp phần kiểm soát chi phí, phát hiện các khoản chi chưa hợp lý, từ đó giúp doanh nghiệp sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn và nâng cao khả năng cạnh tranh. Đồng thời, các thông tin về doanh thu, chi phí và lợi

nhuận là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và lập báo cáo tài chính cung cấp cho các đối tượng bên ngoài như nhà đầu tư, ngân hàng và cơ quan quản lý.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời các khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Việc ghi nhận phải tuân thủ đúng các nguyên tắc kế toán, đảm bảo doanh thu và chi phí được phản ánh đúng kỳ, đúng bản chất kinh tế.

Bên cạnh đó, kế toán có nhiệm vụ theo dõi, tập hợp và phân bổ chi phí một cách hợp lý theo từng đối tượng chịu chi phí, nhằm phục vụ cho việc tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác. Đồng thời, kế toán cần kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện doanh thu và chi phí, phát hiện kịp thời các sai sót hoặc các khoản chi không hợp lý để đề xuất biện pháp xử lý.

Ngoài ra, kế toán còn thực hiện việc xác định và phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ, đảm bảo cung cấp thông tin trung thực, đáng tin cậy cho việc lập báo cáo tài chính. Thông tin này không chỉ phục vụ cho nhà quản lý doanh nghiệp mà còn đáp ứng yêu cầu của các đối tượng bên ngoài như cơ quan thuế, nhà đầu tư và các bên liên quan.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Đặc điểm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ từ bên thứ 3 không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu (các khoản thuế thu hộ nhà nước, số tiền bán hàng thu được từ hàng nhận bán đại lý ...).

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu

➤ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(Trích tại Điều 79, Thông tư 200/2014/TT-BTC)

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Cơ sở dồn tích: Doanh thu phải được ghi nhận tại thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu hay chưa thu tiền. Do vậy, doanh thu bán hàng được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu.

- Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp, chi phí có liên quan đến doanh thu. Chi phí tương ứng với doanh thu bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

- Thận trọng: Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn và khả năng thu được từ lợi ích kinh tế.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, có sự thay đổi đáng kể khi chuyển từ cách tiếp cận dựa trên việc “chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích” sang cách tiếp cận dựa

trên việc hoàn thành nghĩa vụ với khách hàng. Theo đó, doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ, không phụ thuộc vào thời điểm thu tiền.

d. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

d1. Phương thức bán hàng

➤ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

➤ Phương thức gửi hàng đi bán

Phương thức gửi hàng đi bán là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết, số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho bên mua. Giá trị hàng hóa được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

➤ Phương thức bán hàng thông qua đại lý:

+ Bên giao đại lý: Hàng hóa xuất kho vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi đại lý tiêu thụ được hàng. Doanh thu được ghi nhận căn cứ trên Bảng kê hàng hóa đã bán. Doanh nghiệp có nghĩa vụ chi trả hoa hồng đại lý theo tỷ lệ thỏa thuận.

+ Bên nhận đại lý: Không nắm quyền sở hữu hàng hóa. Thu nhập của đại lý được xác định là khoản hoa hồng hưởng trên doanh số bán thực tế.

➤ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng nhiều lần. Ngoài số tiền thu được theo giá bán, thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

➤ Phương thức tiêu thụ khác:

Ngoài các phương thức tiêu thụ trên, các doanh nghiệp còn có thể sử dụng sản phẩm để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho lao động, trao đổi vật tư, hàng hóa khác...

d2. Phương thức thanh toán

➤ Thanh toán bằng tiền mặt:

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt là hình thức giao dịch trực tiếp thông qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp mà không qua hệ thống ngân hàng. Theo đó, bên mua thực hiện tất toán ngay khi nhận hàng hoặc ghi nhận nợ phải thu và thanh toán sau theo thỏa thuận. Phương thức này chủ yếu áp dụng cho đối tượng khách hàng nhỏ lẻ hoặc giao dịch vãng lai. Đặc biệt, kể từ ngày 01/07/2025, hình thức này chỉ được áp dụng đối với các giao dịch có giá trị dưới 5 triệu đồng nhằm tuân thủ quy định về hạn mức thanh toán không dùng tiền mặt.

➤ Thanh toán qua ngân hàng:

Thanh toán theo phương thức chuyển khoản: đây là phương thức thanh toán đơn giản trong đó một khách hàng (người trả tiền, người mua, người nhập khẩu, người mắc nợ) ủy nhiệm cho ngân hàng phục vụ mình trích từ tài khoản của mình một số tiền nhất định chuyển cho một người khác ở một địa điểm nhất định và trong một thời gian nhất định. Các giao dịch mua vào (bao gồm hàng hóa, dịch vụ, nhập khẩu) có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên (đã bao gồm VAT) bắt buộc phải sử dụng hình thức chuyển khoản. Áp dụng từ ngày 01/07/2025.

Thanh toán bằng Séc: Séc là lệnh vô điều kiện do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng trích từ tài khoản của chủ tài khoản một số tiền nhất định để trả cho đơn vị được hưởng có tên trong Séc hoặc người cầm 4 Séc. Đơn vị được hưởng Séc đem tờ Séc đó nộp vào ngân hàng, ngân hàng sẽ thực hiện thanh toán chuyển tiền cho người được hưởng Séc.

Thanh toán theo ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là lệnh của chủ tài khoản, lập trên mẫu in sẵn của ngân hàng để yêu cầu ngân hàng trích một số tiền nhất định từ tài khoản giao dịch của doanh nghiệp để trả cho người được hưởng hoặc chuyển vào một tài khoản khác của mình ở ngân hàng khác.

➤ Một số hình thức thanh toán khác:

Tùy thuộc vào hình thức bán hàng khác nhau, giữa doanh nghiệp cung cấp và người mua có thể thỏa thuận phương thức thanh toán khác:

- + Phương thức thanh toán bằng thư tín dụng
- + Phương thức thanh toán bằng thẻ thanh toán
- + Phương thức thanh toán bù trừ

e. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này không có số dư

Tài khoản này có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 Doanh thu bán hàng hóa: Phản ánh doanh thu từ việc tiêu thụ

hàng hóa, vật tư (thường dùng trong ngành thương mại).

- Tài khoản 5112 Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu từ sản phẩm do chính doanh nghiệp sản xuất (áp dụng cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp).

- Tài khoản 5113 Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh giá trị các loại hình dịch vụ đã hoàn thành cung cấp cho khách hàng như vận tải, du lịch, tư vấn, kiểm toán.

- Tài khoản 5114 Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Phản ánh các khoản ngân sách Nhà nước cấp khi doanh nghiệp thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo nhiệm vụ chính trị hoặc điều tiết giá.

- Tài khoản 5117 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Phản ánh doanh thu từ hoạt động cho thuê hoặc chuyển nhượng, thanh lý bất động sản đầu tư.

- Tài khoản 5118 Doanh thu khác: Phản ánh các khoản doanh thu ngoài các danh mục trên, bao gồm: thanh lý vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ dụng cụ và các nguồn thu phụ khác.

❖ Theo thông tư 99/2025/TT-BTC, cho phép doanh nghiệp chủ động mở thêm các tài khoản chi tiết doanh thu phát sinh từ hợp đồng với khách hàng, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng đơn vị. Quy định này tạo điều kiện cho doanh nghiệp linh hoạt hơn trong việc theo dõi và phân tích doanh thu theo từng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc từng hợp đồng cụ thể.

Nội dung kết cấu tài khoản:

TK 511

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	--

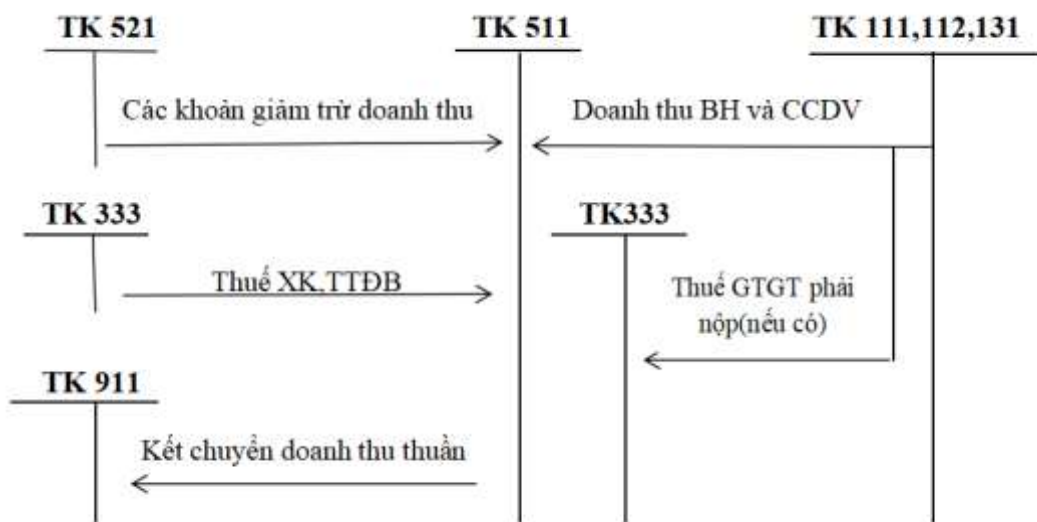
Tài khoản này không có số dư

f. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê chi tiết
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của Ngân hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán....v...v...

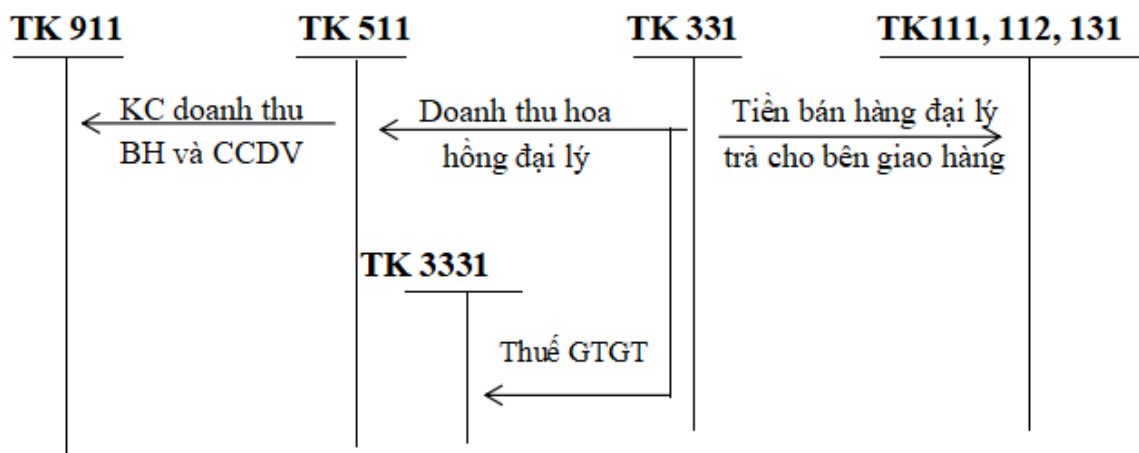
g. Phương pháp hạch toán

- Trường hợp hạch toán doanh thu bán hàng tại kho



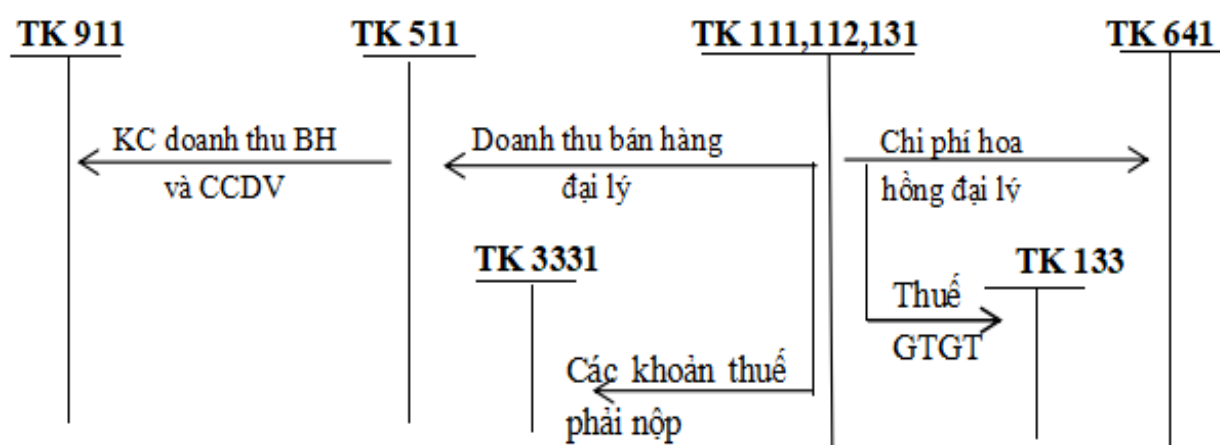
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng tại kho

- Trường hợp hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng đại lý
- Hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp là bên nhận đại lý



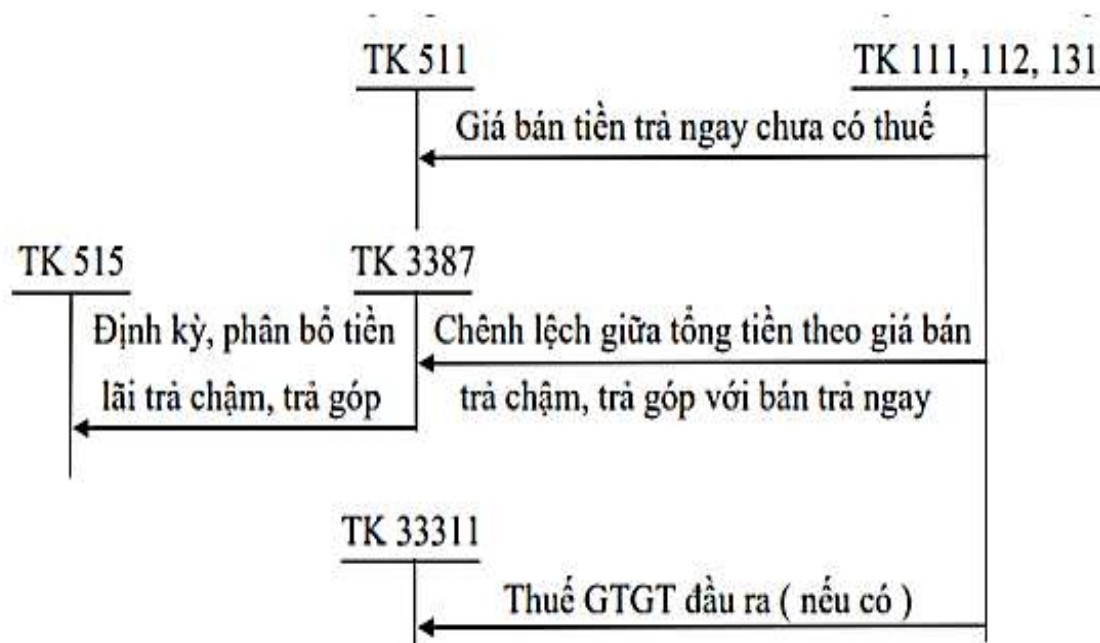
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp là bên nhận đại lý

Hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp là bên giao đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp là bên giao đại lý

➤ Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

❖ Theo thông tư 99/2025/TT-BTC, ghi nhận doanh thu tiền lãi theo thời gian thực tế: Phần chênh lệch giữa tổng số tiền thanh toán theo giá trả chậm và giá bán trả tiền ngay (lãi trả chậm) vẫn được hạch toán ban đầu vào doanh thu chưa thực hiện (TK 3387). Tuy nhiên, Thông tư 99 hướng dẫn việc phân bổ khoản lãi này vào doanh thu hoạt động tài chính (TK 515) phải dựa trên phương pháp lãi suất thực tế tính trên số dư nợ gốc thực tế còn lại qua từng kỳ, thay vì phân bổ đều theo đường thẳng một cách cơ học như Thông tư 200.

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Đặc điểm

Là các khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ và sản phẩm của các doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu đó là chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

❖ *Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,*

- Đối với chiết khấu thương mại, khoản giảm trừ này có thể được áp dụng linh hoạt dựa trên cả khối lượng hoặc giá trị mua hàng; thay vì Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định cơ chế định lượng mang tính cứng nhắc và giới hạn, chủ yếu chỉ xác định căn cứ tính chiết khấu dựa trên khối lượng hàng hóa mua sắm vật lý của khách hàng.

- Đối với giảm giá hàng bán, nguyên nhân phát sinh được cụ thể hóa dựa trên các tiêu chí kỹ thuật thương mại và việc không đáp ứng các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế; thay vì Thông tư 200/2014/TT-BTC chỉ diễn đạt một cách khái quát, định tính chung về phẩm chất và quy cách hàng hóa, làm hạn chế năng lực kiểm soát và đối chiếu dữ liệu gốc.

- Đối với hàng bán bị trả lại, quy trình hạch toán được đơn giản hóa và đồng nhất khi không còn phân tách giữa phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ; thay vì Thông tư 200/2014/TT-BTC áp đặt cơ chế tách biệt mang tính kỹ thuật phức tạp, gây rườm rà cho việc xử lý giá vốn và giá trị hàng hóa nhập lại.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Giảm trừ cho khách hàng mua với số lượng lớn hoặc đạt chỉ tiêu doanh số.

- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Khoản giảm trừ do hàng lỗi, kém phẩm chất nhưng khách hàng vẫn chấp nhận mua.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

❖ *Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,* cho phép doanh nghiệp chủ động mở các tài khoản chi tiết cấp sau tùy theo nhu cầu quản trị nội bộ để theo dõi chi tiết theo từng nhóm khách hàng hoặc hợp đồng, không còn bó buộc cứng nhắc ở 3 tài khoản cấp 2 (từ 5211 đến 5213).

Nội dung kết cấu tài khoản:

TK 521

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
--	---



Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

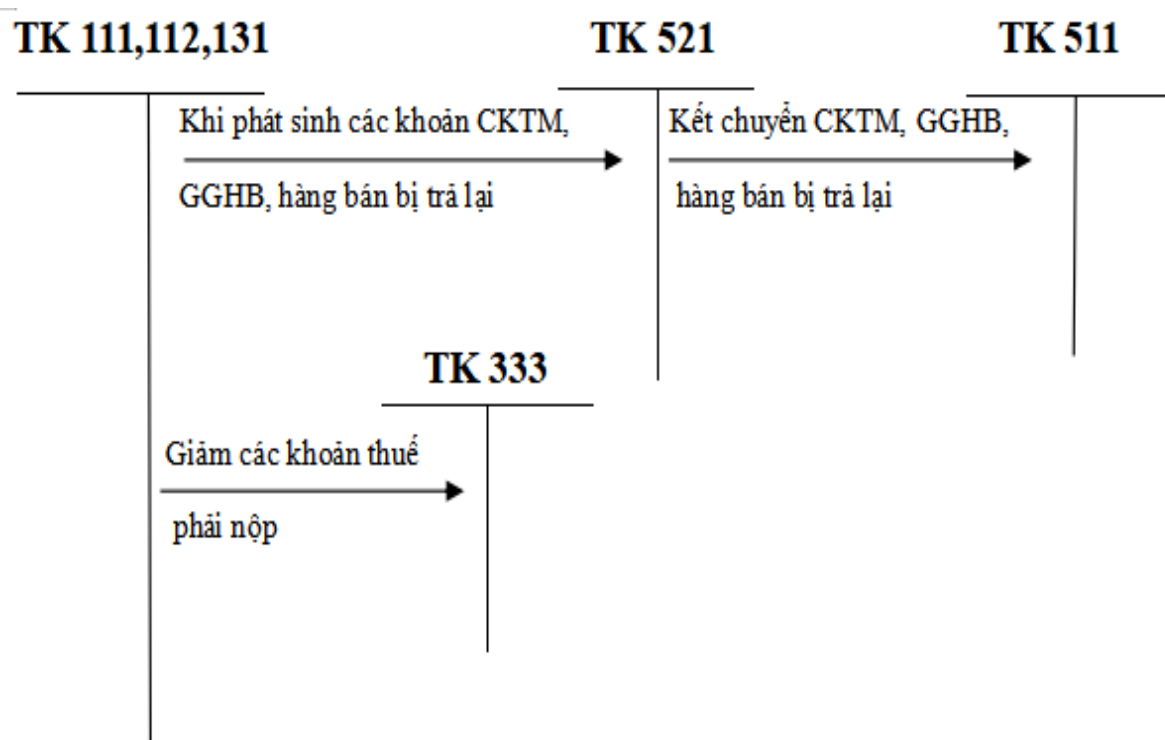
c. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh. Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách chiết khấu thương mại của công ty.

- Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê.

- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả,...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán giảm trừ doanh thu

1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Đặc điểm

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia,... góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 515

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);	Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.(Cổ tức, lợi nhuận
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.	được chia sau ngày đầu tư; Chiết khấu thanh toán mua hàng được hưởng,...)

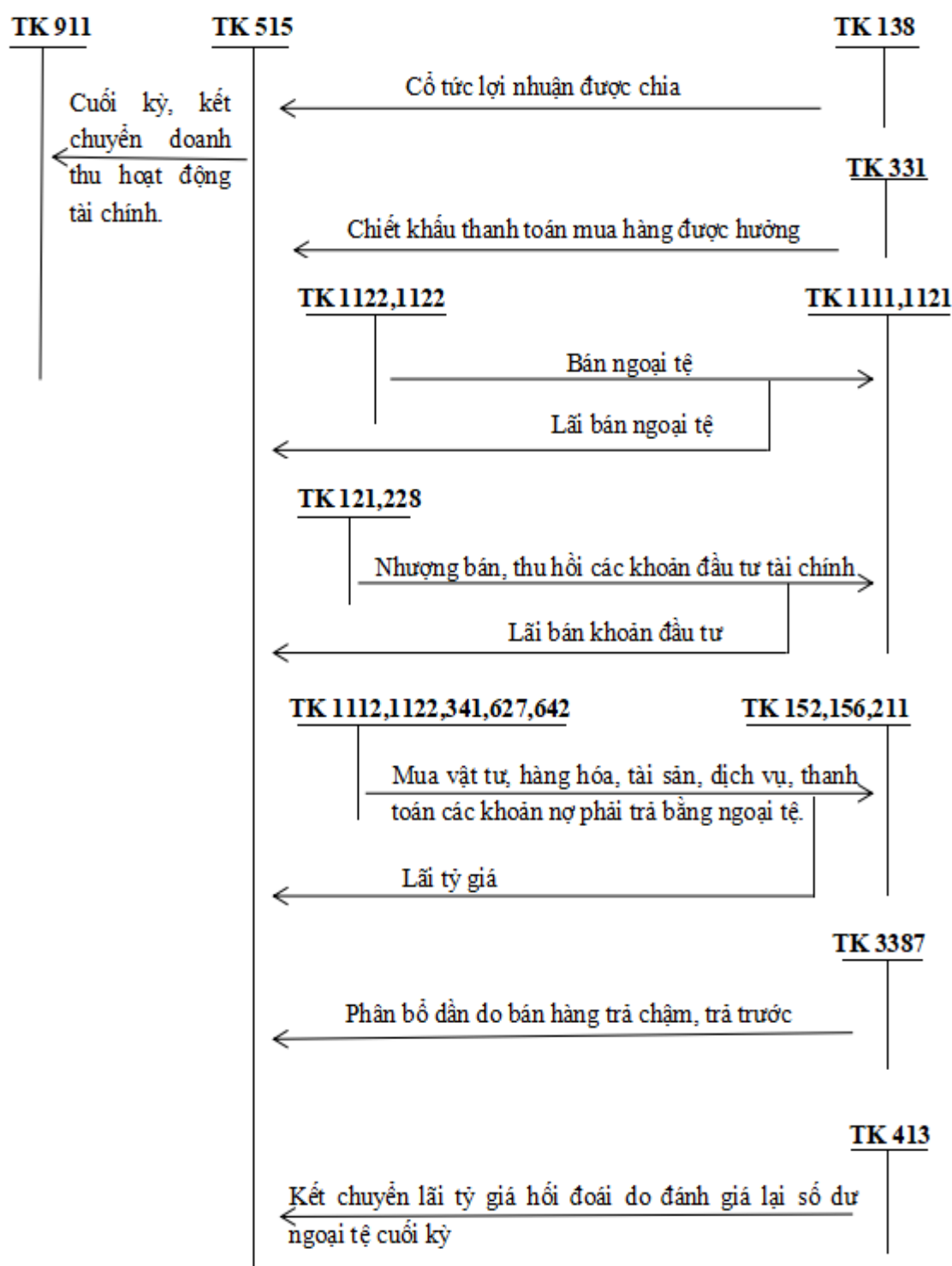


Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

c. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, Giấy báo Có của Ngân hàng,...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, về Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515):

- Vốn hóa lãi tiền gửi dờ dang: Bắt buộc ghi giảm trừ trực tiếp vào chi phí đi vay được vốn hóa; thay vì Thông tư 200 ghi nhận độc lập vào doanh thu tài chính.

- Đồng thời kết chuyển dự phòng: Yêu cầu tất toán TK 229 (Dự phòng tổn thất) để bù đắp thực tế ngay tại thời điểm thanh lý/thu hồi vốn; thay vì Thông tư 200 hạch

toán hoàn nhập độc lập vào cuối kỳ.

- Xóa bỏ tài khoản trung gian TK 3387: Ghi nhận trực tiếp công nợ đối ứng với TK 515 định kỳ theo bản chất tài trợ vốn trong giao dịch trả chậm; thay vì Thông tư 200 bắt buộc treo toàn bộ phần lãi chênh lệch qua TK 3387.

1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

a. Đặc điểm

Thu nhập khác là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh từ các hoạt động ngoài luồng sản xuất kinh doanh thông thường, mang tính chất không thường xuyên và không thuộc danh mục doanh thu cốt lõi của doanh nghiệp. Theo chuẩn mực kế toán, các khoản này được hạch toán vào Tài khoản 711, bao gồm thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, các khoản nợ không xác định được chủ nợ và giá trị quà biếu, tặng từ các bên thứ ba.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, mở rộng phạm vi thu nhập biếu tặng: bổ sung các công cụ vốn (cổ phần, cổ phiếu, phần vốn góp) và loại trừ các khoản tăng vốn chủ sở hữu theo quyết định của cơ quan thẩm quyền; thay vì Thông tư 200 chỉ giới hạn ở tiền và hiện vật.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản 711 - "Thu nhập khác" không có số dư cuối kỳ.

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. (Tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế và thu được khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ; Nhận tài trợ, biếu tặng vật tư, hàng hóa TSCĐ,...)
---	---

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

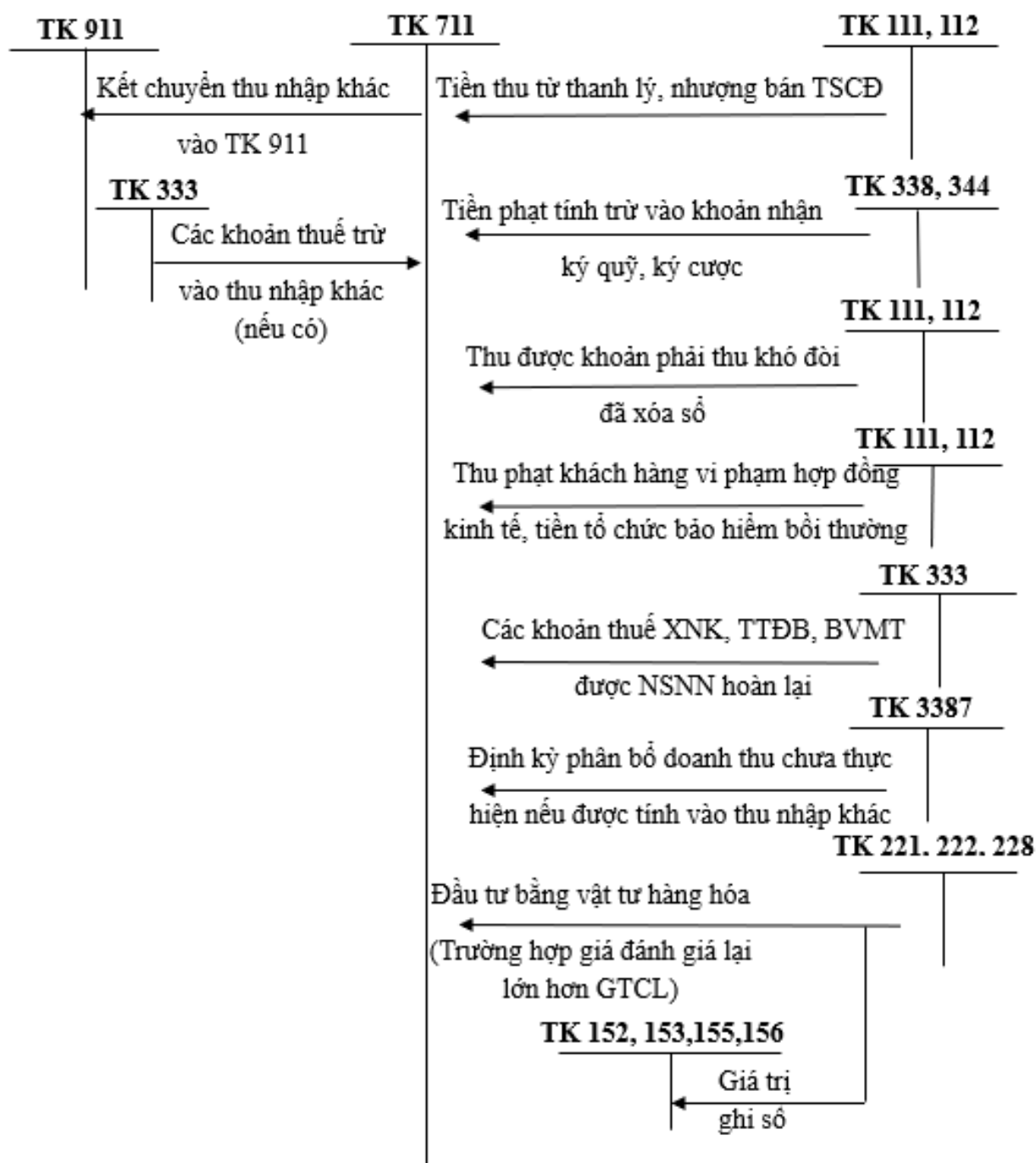
❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, bổ sung kết cấu tài khoản đối ứng: cho phép ghi nhận trực tiếp vào Bên Nợ các tài khoản hàng tồn kho (TK 152, TK 153) đối với

vật tư, công cụ thu hồi từ thanh lý tài sản cố định; thay vì Thông tư 200 chỉ giới hạn đối ứng với các tài khoản tiền và công nợ.

c. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Phiếu thu, giấy báo Có của Ngân hàng,...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.2.2. Kế toán các khoản chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Đặc điểm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,

- Bổ sung các loại tài sản sinh học vào cấu phần giá vốn hàng bán (ngoại trừ súc vật làm việc và cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ thuộc danh mục tài sản cố định); thay vì Thông tư 200 chưa bao quát đối tượng này.

- Cho phép trích lập dự phòng với các hợp đồng có rủi ro lớn trực tiếp vào TK 632; thay vì thông tư 200 chưa đề cập đến nội dung này.

b. Phương pháp xác định giá vốn

Giá vốn hàng bán được xác định theo nhiều phương pháp tính giá xuất kho như sau:

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): Theo phương pháp này, hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ áp dụng, giúp doanh nghiệp xác định giá vốn hàng bán kịp thời và phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sát với giá thị trường hiện tại do chủ yếu là hàng nhập sau. Tuy nhiên, khi giá cả thị trường tăng, giá vốn hàng bán được tính theo mức giá cũ thấp hơn nên lợi nhuận có thể cao hơn thực tế, làm cho chi phí và doanh thu chưa phản ánh hoàn toàn phù hợp. FIFO phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa có thời gian sử dụng ngắn, dễ hư hỏng hoặc cần luân chuyển nhanh như thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm và thời trang.

- Phương pháp thực tế đích danh: Theo phương pháp này, hàng hóa, vật tư, sản phẩm được quản lý theo lô, khi xuất kho lô nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh lô đó. Ưu điểm phương pháp này là độ chính xác cao, công thức tính giá thành sản phẩm thực hiện kịp thời, tuy nhiên lại tốn nhiều công sức do phải quản lý riêng từng lô hàng hóa vật tư sản phẩm. Phương pháp này phù hợp với những sản phẩm có giá trị cao, ít mặt hàng, dễ phân biệt giữa các mặt hàng.

- Phương pháp bình quân gia quyền: Là phương pháp căn cứ vào giá trị hàng

tồn kho đầu kỳ và giá trị nhập trong kỳ để tính giá bình quân của một đơn vị hàng hóa. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập mô lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

+ Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của 1 loại sản phẩm} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

c. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 632

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ.	- Kết chuyển giá vốn hàng bán vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhân công, chi phí sản xuất chung vượt mức bình thường.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch âm giữa số phải lập năm nay và năm trước).
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch dương giữa số phải lập năm nay và năm trước).	

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,

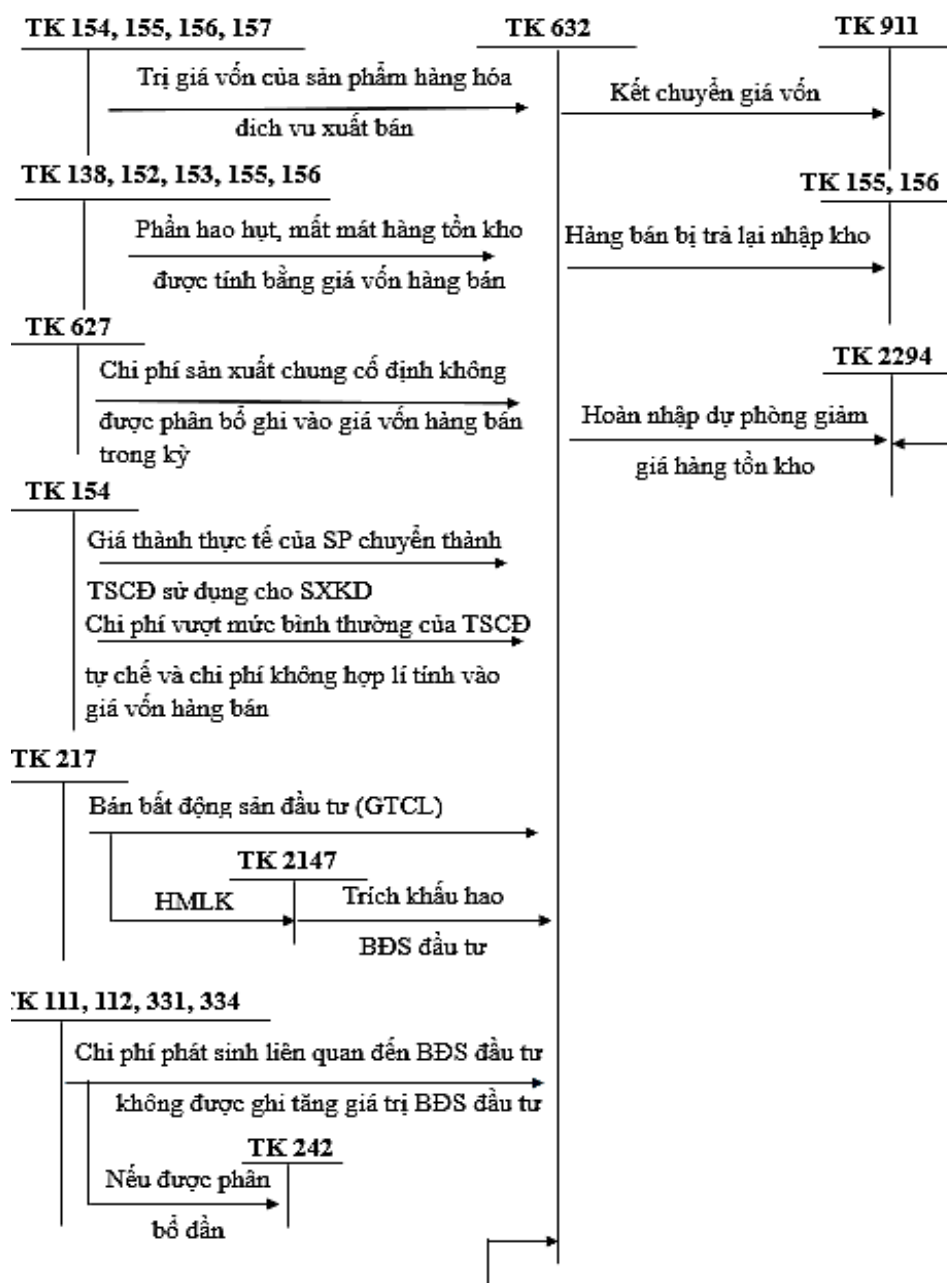
- Xóa bỏ sự phân định kết cấu tài khoản tách biệt giữa hai phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ, đồng nhất cấu trúc phản ánh tổng thể; thay vì Thông tư 200 áp đặt hai hệ thống kết cấu nội dung riêng biệt.

- Bổ sung phần điều chỉnh giảm (bên Có): Mở rộng cấu trúc Bên Có của TK 632 bằng việc bổ sung nội dung hoàn lại thuế tài nguyên nhằm ghi giảm giá vốn; thay vì Thông tư 200 chỉ giới hạn ở các sắc thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt và bảo vệ môi trường.

d. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho gửi hàng đại lý
- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn.
- Bảng phân bổ giá vốn,...

e. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Đặc điểm

Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên

kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, bổ sung chi phí giao dịch, chi phí mua/chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh và chênh lệch âm khi mua lại trước hạn trái phiếu phát hành (giá mua cao hơn giá trị ghi sổ); thay vì Thông tư 200 chỉ giới hạn ở lãi vay, lỗ đầu tư và chiết khấu thanh toán truyền thống.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 635

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính (Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác khi lập Báo cáo tài chính trường hợp số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
---	---

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,

- Chi tiết hóa danh mục đối tượng tổn thất Bên Nợ: Làm rõ phạm vi trích lập dự phòng cho từng cấu phần đầu tư (công ty con, liên doanh/liên kết, đáo hạn, đầu tư khác) và tích hợp chi phí giao dịch; thay vì Thông tư 200 quy định khái quát.

- Chuẩn hóa tài khoản đối ứng cổ tức cổ phiếu ưu đãi (loại nợ): Thay đổi tài khoản đối ứng Bên Có từ tài khoản trung gian TK 338 sang TK 332 (Phải trả cổ tức, lợi nhuận); thay vì Thông tư 200 hạch toán qua TK 338.

- Minh bạch hóa kết chuyển Bên Có: Chỉ định trực diện việc kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính sang TK 911 cuối kỳ; thay vì Thông tư 200 diễn đạt mang tính nguyên tắc chung.

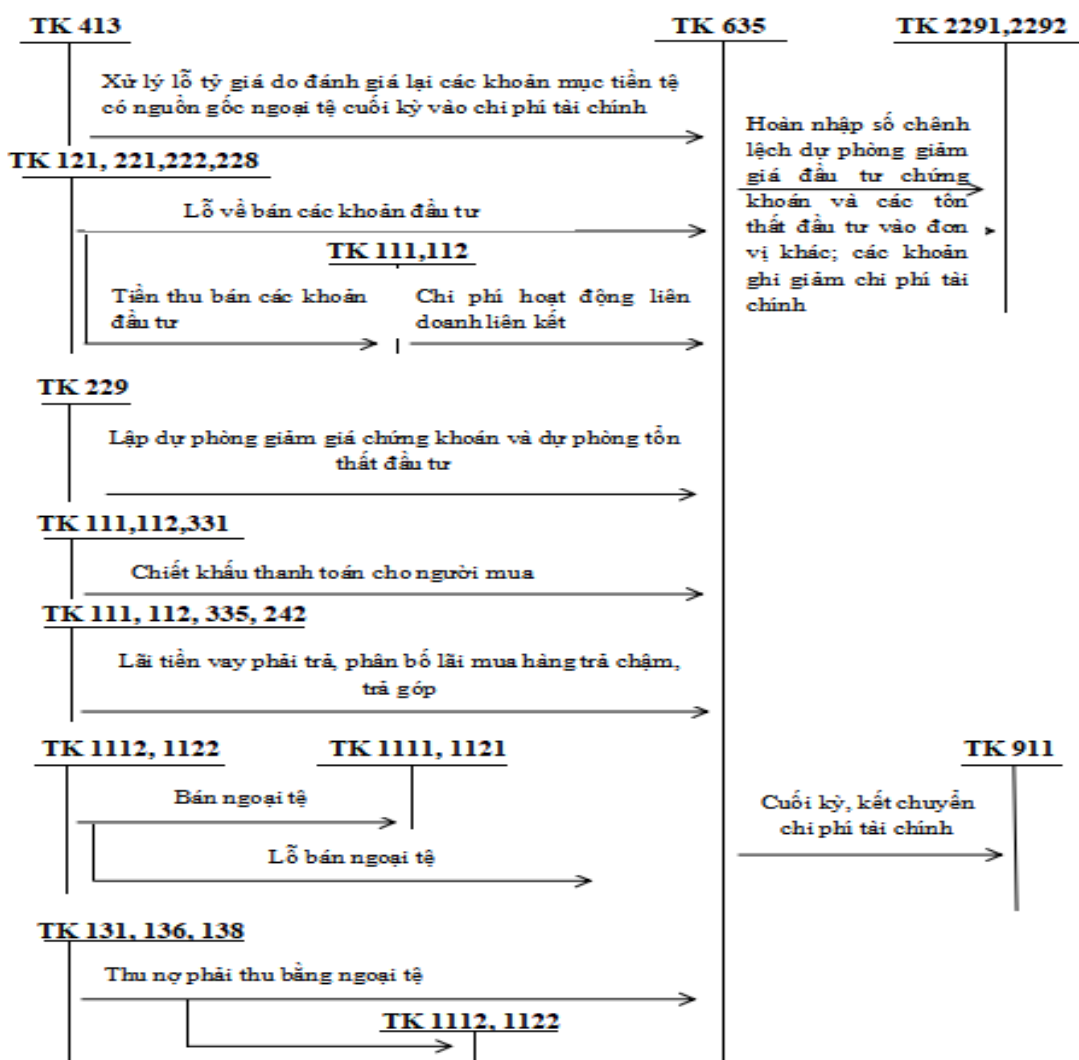
c. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng vay

- Ủy nhiệm chi,

- Giấy báo Nợ của Ngân hàng...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

a. Đặc điểm

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào bán, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...).

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, bổ sung cấu phần chi phí bảo hành dịch vụ và bảo hành công trình xây dựng vào phạm vi phản ánh; thay vì Thông tư 200 loại trừ chi phí bảo hành đối với hoạt động xây lắp.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Phản ánh chi phí nhân viên bán hàng và các khoản trích theo lương.
- Tài khoản 6412 - Phản ánh chi phí vật liệu, bao bì phục vụ tiêu thụ.
- Tài khoản 6413 - Phản ánh chi phí công cụ, dụng cụ sử dụng trong bán hàng.
- Tài khoản 6414 - Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ hoạt động bán hàng.
- Tài khoản 6415 - Phản ánh chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa.
- Tài khoản 6417 - Phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến tiêu thụ.
- Tài khoản 6418 - Phản ánh các khoản chi phí bằng tiền khác phát sinh trong quá trình bán hàng như quảng cáo, tiếp thị, hội nghị khách hàng.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, đã chi tiết hóa hơn một số nội dung. Đối với Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên, ngoài các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương, Thông tư 99 bổ sung việc ghi nhận các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên bán hàng trong trường hợp doanh nghiệp không sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi mà hạch toán trực tiếp vào chi phí.

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 641

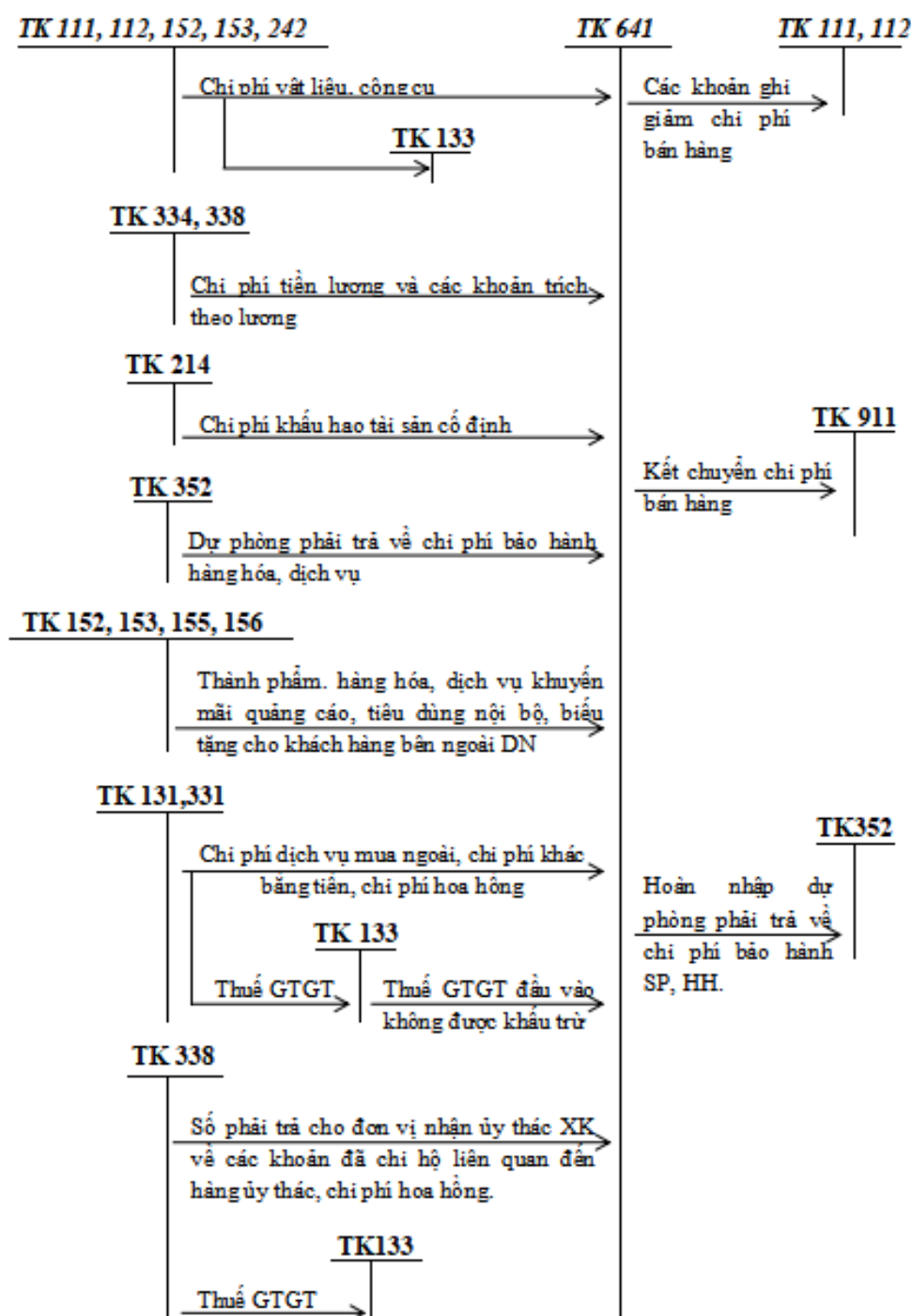
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
--	--

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

c. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính lương và thanh toán lương
- Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội,...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: Yêu cầu tập hợp chi phí thực tế qua TK 2413, kết chuyển sang TK 242 khi hoàn thành để phân bổ dần vào TK 641; thay vì Thông tư 200 cho phép lựa chọn trích trước hoặc ghi nhận trực tiếp.

1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Đặc điểm

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...);

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài;

Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,

- Bổ sung khoản trích lập dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp vào phạm vi phản ánh chi phí; thay vì Thông tư 200 chỉ giới hạn ở dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Thay thế triệt để khái niệm "thuế môn bài" bằng "lệ phí môn bài" nhằm đồng bộ với luật định hiện hành; thay vì Thông tư 200 sử dụng thuật ngữ cũ.

- Lược bỏ các hướng dẫn chi tiết về xử lý nợ và phân bổ lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; thay vì Thông tư 200 duy trì các quy định mang tính chuyên giao lịch sử này.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên: Phản ánh chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý.

- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,... (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản

cố định dùng chung cho doanh nghiệp.

- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tài khoản 6427 - Phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý.

- Tài khoản 6428 - phản ánh các khoản chi phí bằng tiền khác như công tác phí, hội nghị và tiếp khách.

❖ *Thông tư 99/2025/TT-BTC*, có xu hướng chi tiết hóa và làm rõ hơn từng khoản mục chi phí:

- Đối với TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý, ngoài các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương, Thông tư 99 bổ sung việc ghi nhận các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên quản lý trong trường hợp doanh nghiệp không sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi mà hạch toán trực tiếp vào chi phí.

- Đối với TK 6426 - Chi phí dự phòng: Tích hợp thêm nội dung phản ánh khoản dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp vào cấu trúc tài khoản; thay vì Thông tư 200 chỉ dùng để theo dõi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nội dung kết cấu tài khoản:

TK 642

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
	- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".



Tài khoản này không có số dư

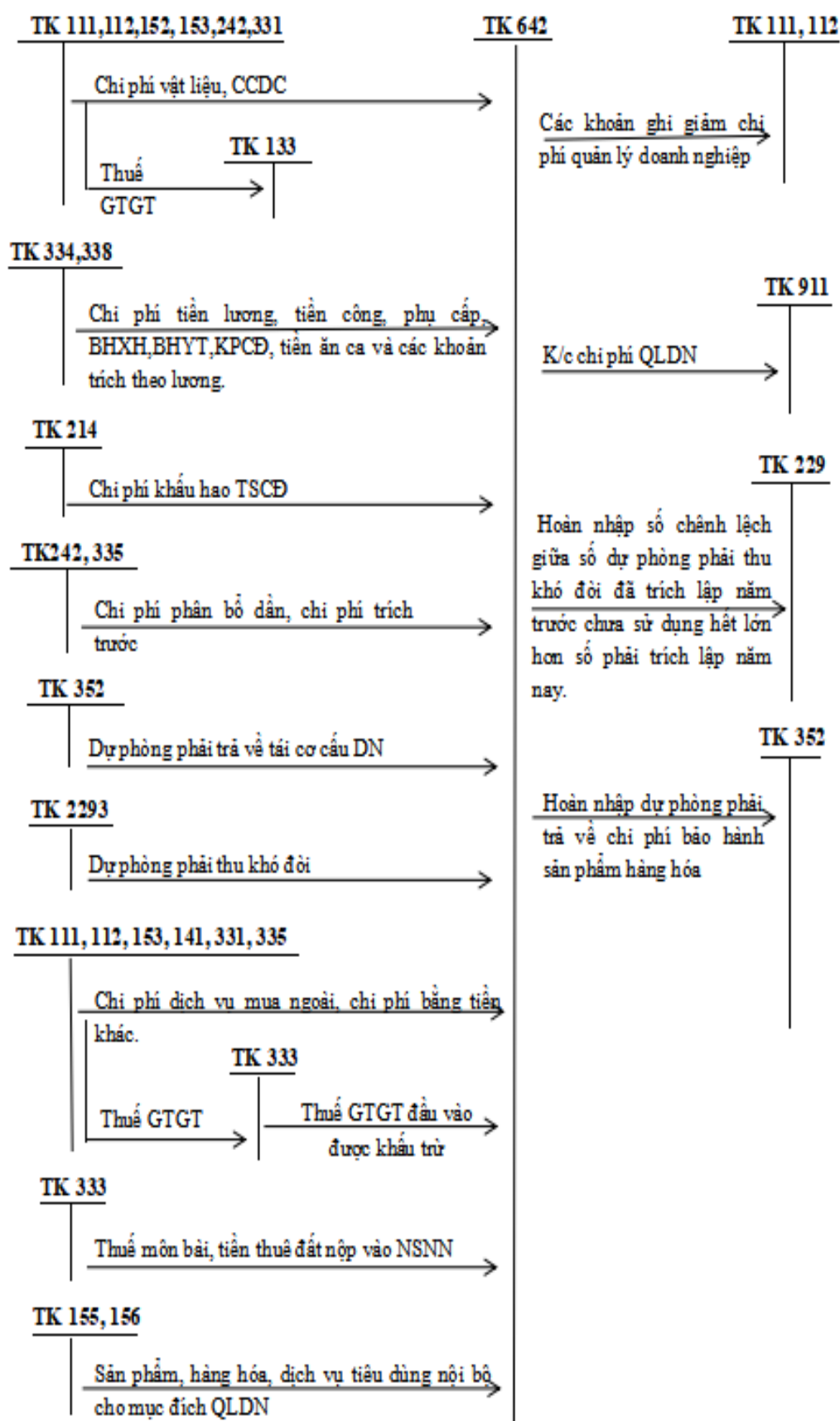
c. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Bảng khấu hao TSCĐ

- Bảng lương nhân viên,...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2.5. Kế toán chi phí khác

a. Đặc điểm

Chi phí khác bao gồm các khoản lỗ phát sinh hoặc những chi phí phát sinh từ các dự kiến riêng biệt với hoạt động thông thường như thanh lý, nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, chênh lệch, lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa mang đi góp vốn.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,

- Mở rộng diện phản ánh chi phí tài sản cố định: Bổ sung chi phí tháo dỡ, di dời tài sản; thay vì Thông tư 200 chỉ giới hạn ở giá trị còn lại khi phá dỡ.

- Mở rộng phạm vi ghi nhận lỗ đánh giá lại: Sử dụng cấu trúc mở(“...”) để bao quát các hình thức đầu tư tổn thất phát sinh trong thực tế; thay vì Thông tư 200 giới hạn danh mục cứng.

- Chuẩn hóa thuật ngữ thời điểm khóa sổ: Thay thế cụm từ "Cuối kỳ kế toán" bằng "Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán" để đồng bộ hệ thống; thay vì Thông tư 200 dùng thuật ngữ cũ.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 811 “Chi phí khác”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 811

Các khoản chi phí khác phát sinh. (Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính,...)	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
--	--

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, nói lỏng quy định về tài khoản đối ứng, cho phép kết nối linh hoạt với hệ thống các khoản phải trả khác (nhóm TK 338...) để phản ánh đa dạng các đối tượng nợ phát sinh từ các giao dịch phi thường; thay vì Thông tư 200 quy định danh mục tài khoản đối ứng khép kín.

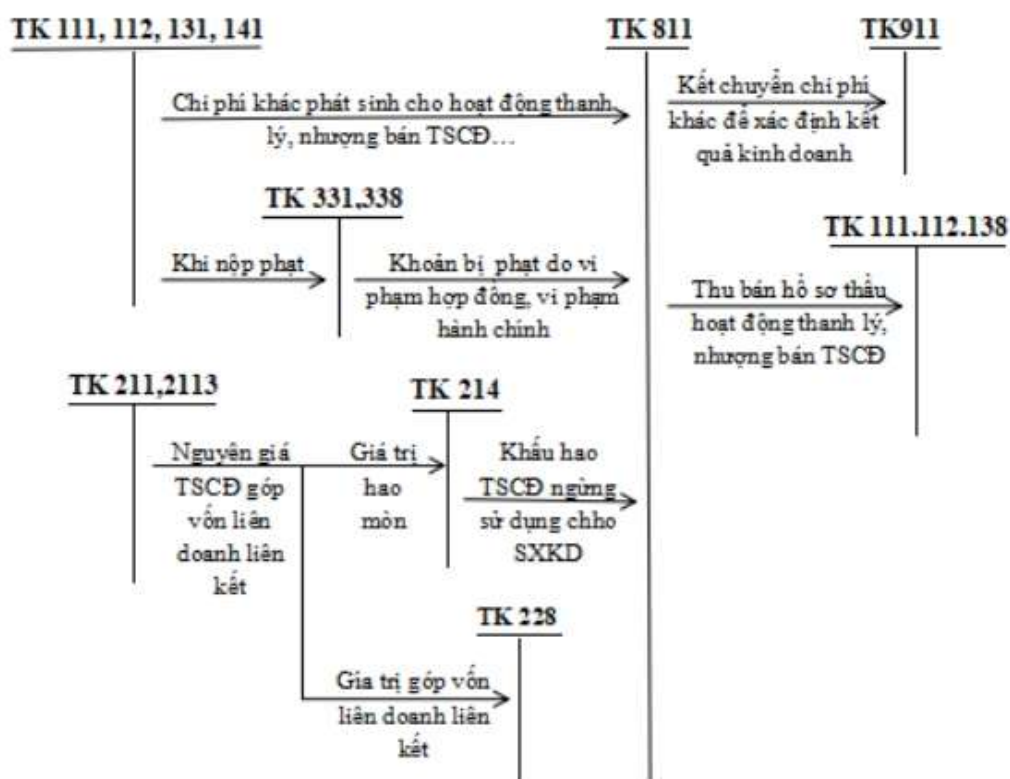
c. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ và hóa đơn liên quan.

- Biên bản vi phạm hợp đồng

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt,...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.2.6. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Đặc điểm

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận lãi hoặc lỗ của một kỳ.

Công thức tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN	=	(Thu nhập tính thuế	-	Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có))	x	Thuế suất thuế TNDN
------------------	----------	----------------------------	----------	---	----------	----------------------------

Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định như sau:

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	(Thu nhập được miễn thuế	+	Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)
---------------------------	----------	---------------------------	----------	---------------------------------	----------	--

Thu nhập chịu thuế được xác định:

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Các khoản chi được trừ	+	Các khoản thu nhập khác (kể cả thu nhập khác nhận được ở nước ngoài)
---------------------------	----------	------------------	----------	-------------------------------	----------	--

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, chi phí thuế TNDN hiện hành bao gồm thuế TNDN phát sinh trong nước và thuế tối thiểu toàn cầu bổ sung.

b. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Phản ánh số thuế phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện tại và thuế bổ sung (nếu có).

- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Phản ánh số thuế phải nộp hoặc tài sản thuế phát sinh do các chênh lệch tạm thời giữa kế toán và thuế.

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 821

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Ghi nhận chênh lệch khi số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số được hoàn nhập. Ghi nhận chênh lệch khi số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn số phát sinh mới. - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Giảm chi phí thuế TNDN hiện hành: Thuế TNDN thực nộp nhỏ hơn số tạm nộp trong năm. Điều chỉnh giảm chi phí thuế khi phát hiện sai sót không trọng yếu. - Giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại: Phát sinh tài sản thuế hoãn lại. Hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các kỳ trước.. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
--	--

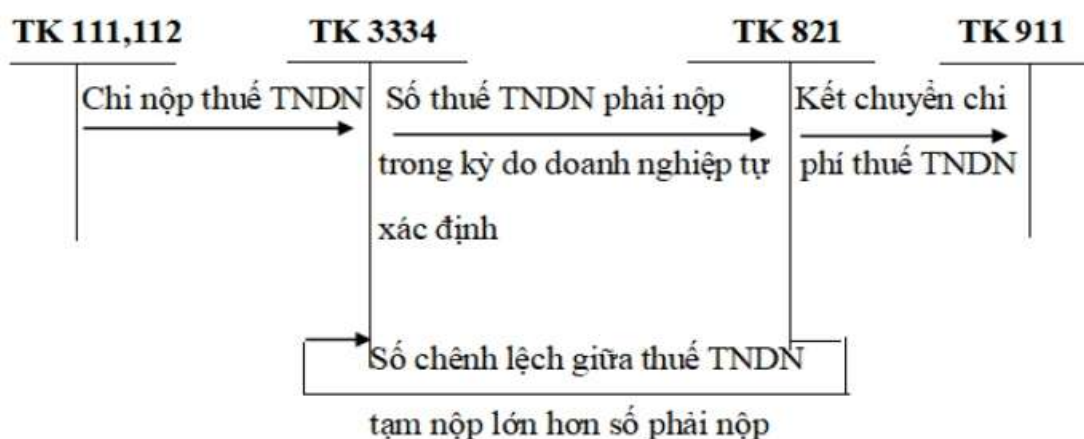
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, mở rộng kết cấu tài khoản chi tiết (TK 8211): Bổ sung nội dung phản ánh các khoản thuế bổ sung phát sinh vào cả Bên Nợ và Bên Có của tiểu khoản thuế hiện hành để kiểm soát nghĩa vụ thuế toàn cầu; thay vì Thông tư 200 chỉ dùng kết cấu cũ.

c. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu 03/TNDN).
- Tờ khai thuế TNDN bổ sung

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.3.1. Đặc điểm

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Công thức theo Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	Chi phí thuế TNDN hoãn lại
--------------------------------	----------	--	----------	------------------------------------	----------	-----------------------------------

Trong đó:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được xác định:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
--	----------	--	----------	-----------------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh được xác định:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	+	(Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính)	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
--	----------	--	----------	---------------------------------------	----------	---------------------------	----------	-------------------------	----------	-------------------------------------

Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV = Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV - Giá vốn hàng bán

Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV = Doanh thu bán hàng và CCDV - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận khác được xác định:

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------------------	----------	----------------------	----------	---------------------

Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC,

- Mở rộng tần suất xác định kết quả: Thay đổi áp dụng từ "kỳ kế toán năm" thành "kỳ kế toán" nói chung để bao quát tháng, quý; thay vì Thông tư 200 giới hạn theo năm.

- Tích hợp danh mục chi phí bất động sản đầu tư: Lược bỏ liệt kê chi tiết, gộp đồng bộ vào các tài khoản chi phí tổng quát (TK 632, 641, 642); thay vì Thông tư 200 bóc tách riêng rẽ.

- Linh hoạt hóa hạch toán chi tiết: Cho phép tự chủ thiết kế danh mục theo nhu cầu quản trị; thay vì Thông tư 200 bắt buộc phân loại cố định theo loại hoạt động.

- Chuẩn hóa thuật ngữ mô hình tổ chức: Đổi tên gọi từ "đơn vị hạch toán phụ thuộc cấp trên" thành "đơn vị trực thuộc" và "doanh nghiệp"; thay vì Thông tư 200 dùng thuật ngữ cũ.

1.2.3.2. Tài khoản và nội dung kết cấu tài khoản

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Nội dung kết cấu tài khoản

TK 911

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
--	---



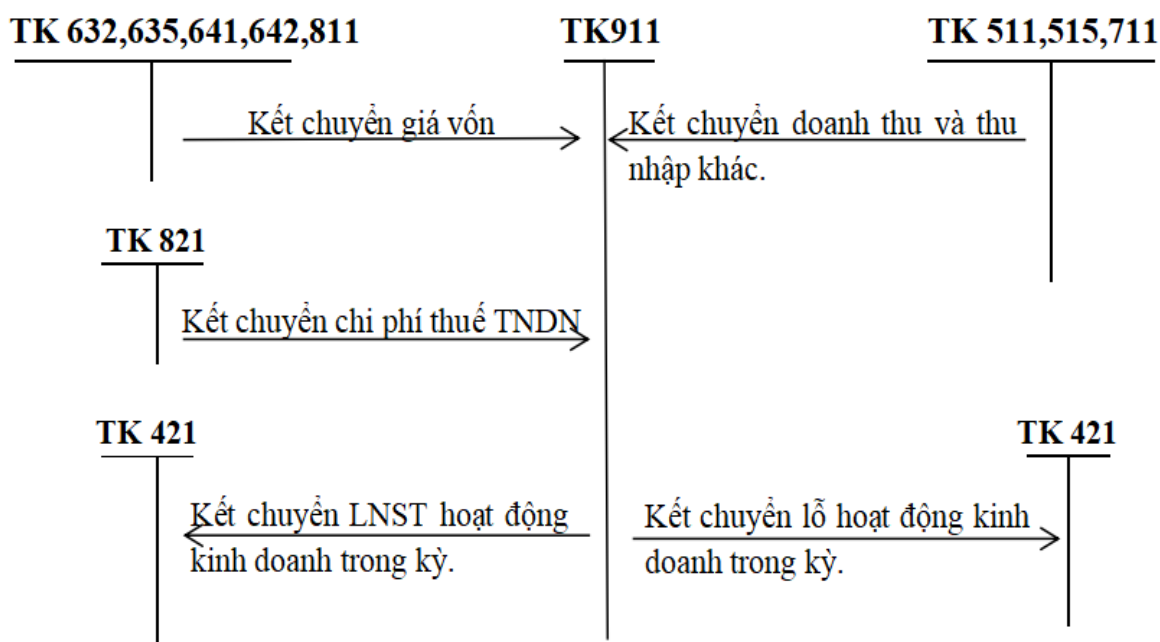
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, cấu trúc Bên Có: Lược bỏ hoàn toàn nội dung phản ánh "khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN" nhằm đơn giản hóa kết cấu tài khoản; thay vì Thông tư 200 duy trì chỉ tiêu này.

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

2.1.1. Giới thiệu về Công ty

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị là đơn vị chuyên cung cấp các sản phẩm: sách, văn phòng phẩm, thiết bị trường học.

Công ty được thành lập ngày 27/06/2008 với những nội dung sau:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.
- Mã số thuế: 3200135169
- Địa chỉ: 51 Lê Lợi, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị (nay là Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị).

- Điện thoại: (84) 0233.3825561

- Fax: (84) 0233.3850675

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

- Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024: 5.000.000.000 đồng.

- Người đại diện Pháp luật: (Bà) Hoàng Minh Hằng

Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

- Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán sách, văn phòng phẩm, thiết bị giáo dục.

- Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ In sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, tem nhãn và các ấn phẩm khác;
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- ✓ Phát hành, cung ứng sách giáo khoa và thiết bị đồ dùng dạy học;
- ✓ Kinh doanh các loại sách báo, văn phòng phẩm, các loại giấy tờ, biểu mẫu;
- ✓ Bán buôn tổng hợp.

Và dưới đây là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3200135169

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 24 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG TRI BOOK AND SCHOOL EQUIPMENT JOINT - STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANG TRI BSE COMPANY

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 053 3852561

Fax: 053 3850675

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG MINH HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044187002310

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 4, Thị trấn Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam



2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị (trước đây là Công ty Cổ phần In- Phát hành sách & Thiết bị Trường học Quảng Trị) (sau đây gọi tắt là “công ty”) được thành lập trên cơ sở tiếp nhận Công ty In - Phát hành Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị theo Quyết định số 872/QĐ-NXBGD ngày 13/5/2008 của

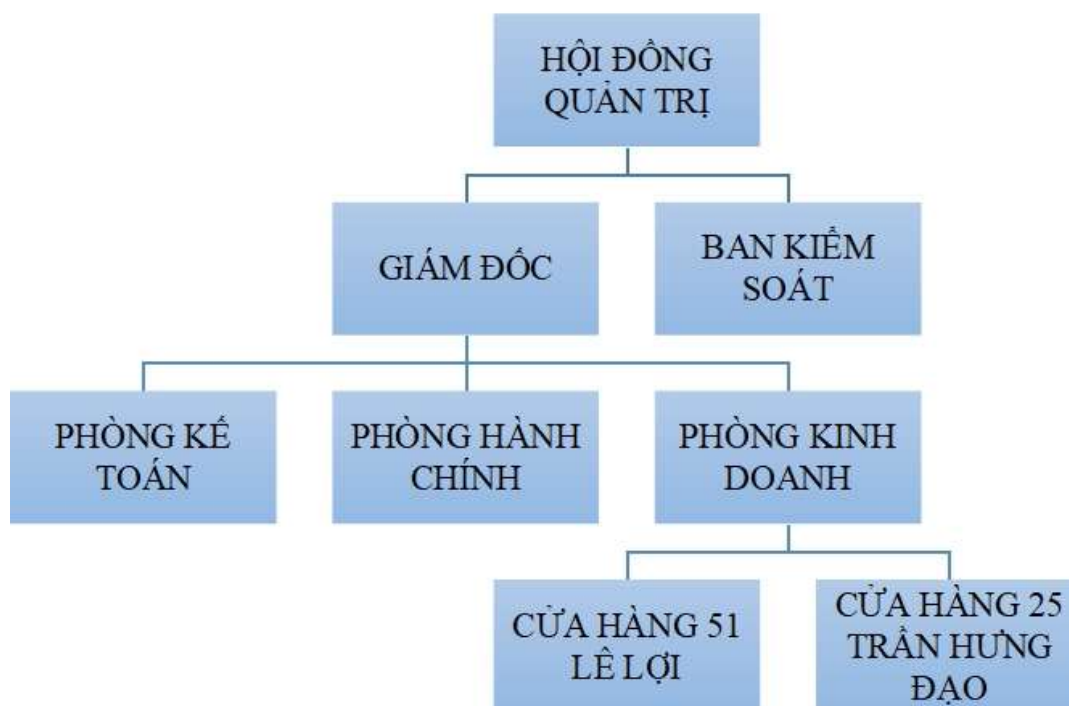
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 612/QĐ-NXBGD ngày 18/6/2008 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc tiếp nhận Công ty Cổ phần In - Phát hành Sách & Thiết bị Trường học Quảng Trị.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3003000213 ngày 27/6/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/04/2020 với mã số doanh nghiệp là 3200135169.

2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty

2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

2.1.3.2. Chức năng của từng phòng

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính 2025 là 18 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm có:

• Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ

những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty.

• **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

• **Giám đốc:**

- Là người đưa ra mục tiêu, các chiến lược và định hướng phát triển cho Công ty. Chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của công ty.

- Lập các kế hoạch kinh doanh, quản lý nhân viên và phân chia công việc hợp lý.

- Thường xuyên cập nhật tình hình kinh doanh từ các phòng ban để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn hay giải quyết các vấn đề kịp thời và hợp lý.

• **Phòng Kế toán:**

- Có nhiệm vụ phải ghi chép, thu thập và lưu trữ các hóa đơn, chứng từ kế toán.

- Khi doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như mua, bán hàngv...v.. thì phòng kế toán phải thu thập các hóa đơn chứng từ liên quan để làm căn cứ cho việc kê khai thuế và hạch toán. Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị nhiều mặt hàng được đánh thuế suất khác nhau như 0%, 5%, 10%. Sau khi tập hợp các chứng từ có liên quan thì kế toán có công việc phải xử lý, kiểm tra xem Hóa đơn có hợp lệ không, ghi sổ, nhập Hóa đơn vào phần mềm và lập được Báo cáo tài chính.

- Thực hiện nhiệm vụ hạch toán, tham mưu, giúp việc cho Giám đốc để thực hiện nghiêm túc các quy định kế toán- Tài chính hiện hành, phân tích hoạt động kinh doanh.

• **Phòng Kinh doanh:**

- Nghiên cứu thị trường và nắm vững nhu cầu thị trường, từ đó đưa ra kế hoạch kinh doanh tiêu thụ sản phẩm.

- Phòng kinh doanh còn đảm nhiệm làm việc và tạo mối quan hệ với các khách hàng để tiêu thụ. Mà khách hàng chính của Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị chủ yếu là các Trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và một số công ty Cổ phần chủ yếu ở Thành phố Đà Nẵng.

• **Phòng hành chính:**

- Có nhiệm vụ tiếp nhận phát hành và lưu trữ công văn, tài liệu, giấy tờ, quản lý nhân sự, nghiên cứu cơ cấu tổ chức của Công ty, thực hiện một số vấn đề chính sách cũng như vấn đề lương bổng và khen thưởng.

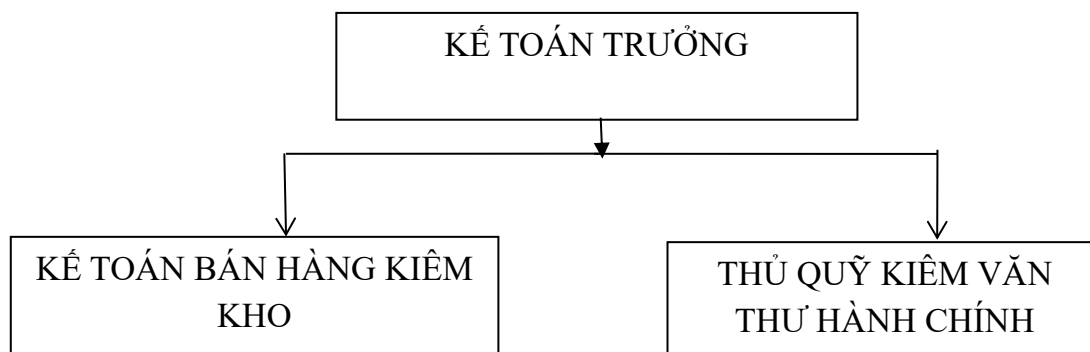
• **Cửa hàng 51 Lê Lợi, Cửa hàng 25 Trần Hưng Đạo:**

- Cửa hàng là nơi trưng bày sản phẩm, chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa tại cửa hàng, tránh thất thoát, hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

- Cửa hàng đóng vai trò là đơn vị trực tiếp thực thi các chỉ tiêu doanh số từ Phòng Kinh doanh. Thông qua việc tư vấn tận tâm, giới thiệu những tính năng ưu việt và giải đáp thắc mắc, đội ngũ tại điểm bán giúp khách hàng thấu hiểu giá trị sản phẩm, từ đó thúc đẩy quyết định mua hàng. Mọi quy trình từ thanh toán, xuất hóa đơn đến đóng gói đều được thực hiện chuẩn xác và chuyên nghiệp để tối ưu hóa trải nghiệm khách lẻ.

2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

2.1.4.2. Chức năng của bộ máy kế toán

- **Kế toán trưởng:** trực tiếp đảm nhận vai trò ‘trung tâm’, vừa thực hiện chức năng quản lý, vừa trực tiếp điều hành tác nghiệp chi tiết. Cụ thể, bên cạnh việc xây dựng và giám sát bộ máy kế toán theo quy định, Kế toán trưởng đóng vai trò là đầu mối kết nối trực tiếp với các bộ phận chuyên trách như kho, công nợ, bán hàng để chỉ đạo nghiệp vụ và đối soát số liệu. Kế toán trưởng trực tiếp tổng hợp dữ liệu, lập báo cáo phân tích hoạt động kinh tế và chịu trách nhiệm cao nhất trong việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu, đảm bảo tính thống nhất và thông suốt của thông tin tài chính trong toàn doanh nghiệp.”

Bà Nguyễn Thị Vĩnh Kế toán trưởng Bổ nhiệm lại ngày 07/04/2023

- **Kế toán bán hàng kiêm kho:** Lập hóa đơn bán hàng, theo dõi và tổng hợp số lượng hàng bán để lập báo cáo về tình hình bán hàng theo yêu cầu của quản lý doanh

ng nghiệp. Theo dõi tình hình biến động nhập – xuất hàng hóa, kiểm kê và quản lý tài sản kho.

- *Thủ quỹ kiêm văn thư hành chính:* Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời khoản thu - chi - tồn quỹ tiền mặt vào sổ quỹ, báo cáo khi cần cho giám đốc, kế toán trưởng. Có nhiệm vụ tiếp nhận phát hành và lưu trữ công văn, tài liệu, giấy tờ, quản lý nhân sự, nghiên cứu cơ cấu tổ chức của Công ty.

2.1.5. Chính sách kế toán và chế độ áp dụng tại Công ty

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

- Kỳ kế toán: tháng (bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng và kết thúc ngày cuối tháng).

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ: Đồng Việt Nam (VND).

- Nguyên tắc ghi nhận Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp khấu hao: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng:

+ Thuế giá trị gia tăng:

✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;

✓ Sách tham khảo và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất là 5%;

✓ Các mặt hàng khác như văn phòng phẩm, lịch, thiết bị áp dụng mức thuế suất 10%. Năm 2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các mặt hàng này theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

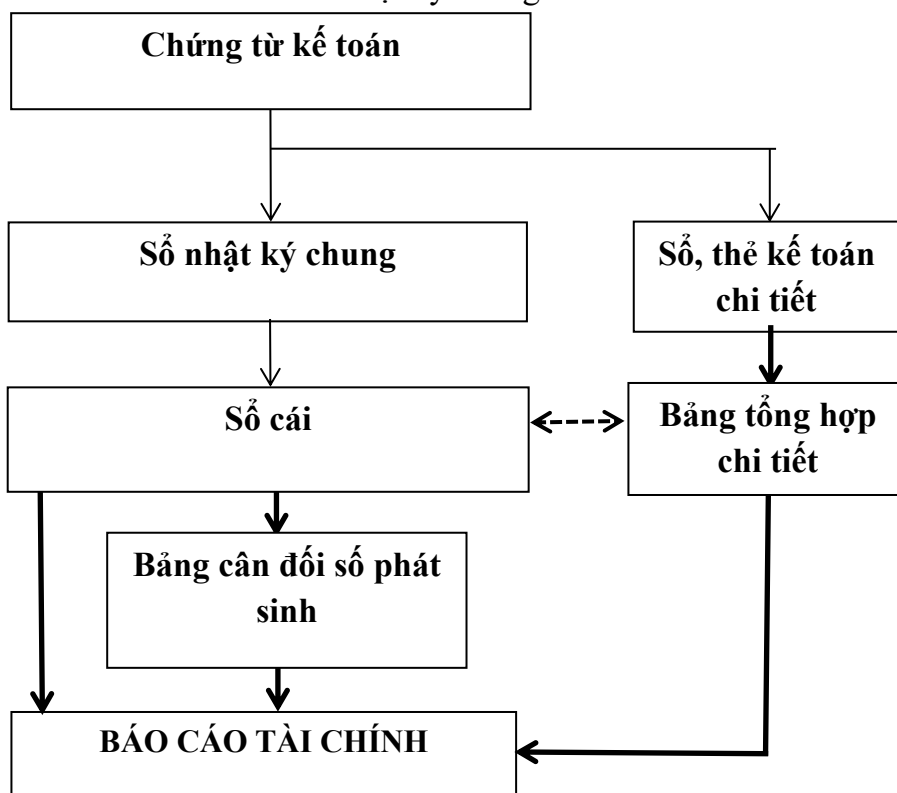
+ Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty

Do đặc điểm kinh doanh của Công ty, vì thế Công ty đã lựa chọn hình thức ghi

sổ kế toán là: Nhật ký chung.

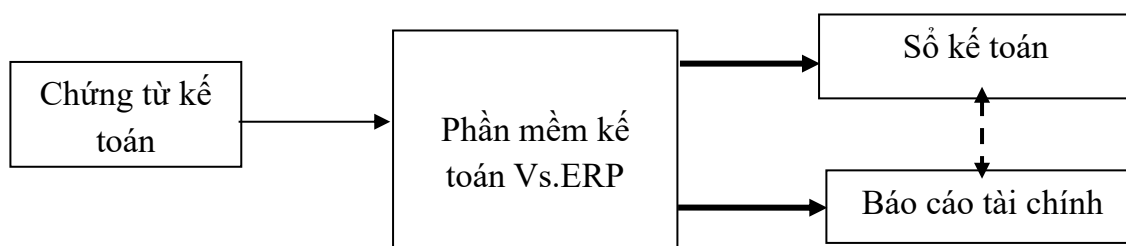
- Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung như sau:



Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

Ghi chú:

- >: Ghi hằng ngày
- : Ghi cuối tháng
- ←- - ->: Kiểm tra, đối chiếu

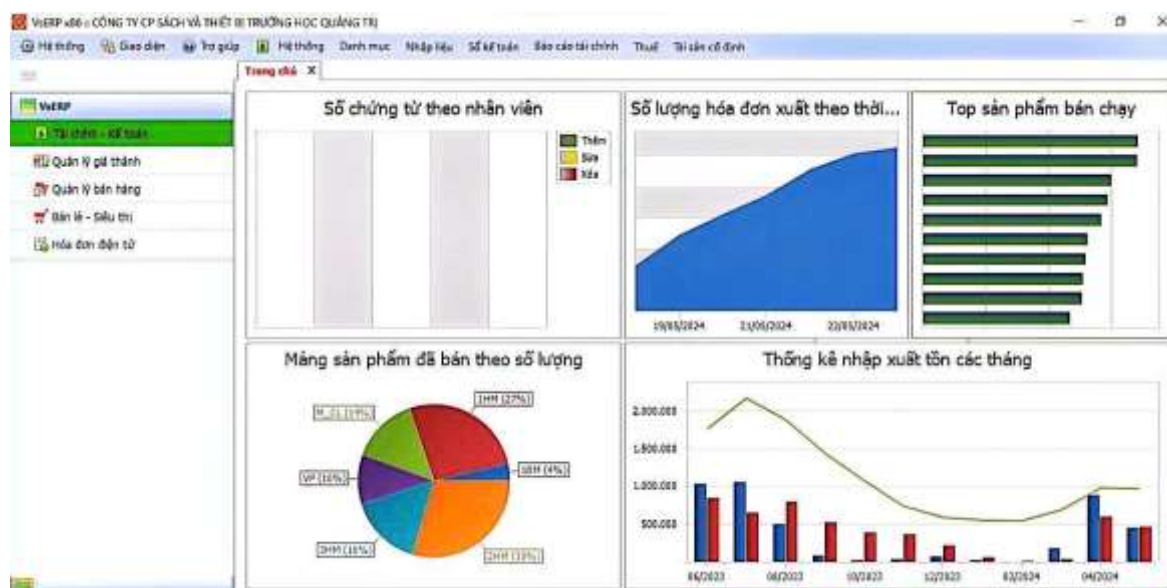


Sơ đồ 2.4: Hình thức ghi sổ theo phần mềm máy tính

Ghi chú:

- >: Ghi hằng ngày
- : Ghi cuối tháng
- ← - - ->: Kiểm tra, đối chiếu

Hình ảnh giao diện phần mềm



Hình 1: Giao diện phần mềm

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

2.1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị, doanh thu phát sinh chủ yếu từ hoạt động bán hàng hóa thương mại như sách giáo khoa, văn phòng phẩm, thiết bị giáo dục và doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng. Hiện tại, Công ty chưa phát sinh doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ.

a. Đặc điểm của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

a1. Đặc điểm của sản phẩm

Sản phẩm của Công ty chủ yếu là sách phục vụ giáo dục, văn phòng phẩm, lịch block.

a2. Phương thức bán hàng

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị đang vận hành mô hình bán hàng đa kênh, kết hợp linh hoạt giữa cung ứng trực tiếp cho các đơn vị tổ chức (đối tác) và bán lẻ phục vụ khách hàng. Chiến lược này giúp công ty vừa đảm bảo vai trò bình ổn thị trường giáo dục, vừa tối ưu hóa doanh thu từ nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

- Đối với khách hàng đối tác: Đây là kênh phân phối trọng điểm, khẳng định uy tín và vị thế của Công ty trong ngành giáo dục tại địa phương. Đối tượng khách hàng ở phân khúc này rất đa dạng, tập trung chủ yếu vào các cơ quan quản lý và cơ sở đào

tạo trên toàn địa bàn tỉnh. Công ty đã thiết lập mối quan hệ hợp tác bền chặt với các đơn vị như: Phòng Giáo dục và Đào tạo Gio Linh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Hướng Hóa cùng hệ thống các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở uy tín như THPT Bến Quan, THPT Vĩnh Linh, THPT Lao Bảo, THCS Lý Tự Trọng... cùng hệ thống các nhà sách lớn trên địa bàn (nhà sách Hồng Duyên, nhà sách Thanh Lớn...). Việc cung ứng trực tiếp cho các đơn vị này không chỉ giúp đảm bảo số lượng, chất lượng thiết bị dạy học đồng bộ mà còn hỗ trợ kịp thời nhu cầu đổi mới giáo dục tại mỗi nhà trường.

- Đối với khách lẻ: Bên cạnh kênh phân phối cho các tổ chức (đối tác), Công ty còn chú trọng duy trì và phát triển hệ thống bán lẻ trực tiếp để tiếp cận sát sao hơn với nhu cầu của cá nhân. Hiện tại, Công ty đang vận hành 2 cửa hàng bán lẻ được đặt tại các vị trí thuận lợi, tạo không gian mua sắm chuyên nghiệp cho học sinh, phụ huynh và giáo viên. Tại đây, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận với các loại sách giáo khoa, sách tham khảo và văn phòng phẩm đa dạng. Việc duy trì hệ thống bán lẻ này không chỉ đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập hằng ngày của khách hàng cá nhân mà còn là kênh tương tác trực tiếp để Công ty nắm bắt thị hiếu, từ đó không ngừng hoàn thiện danh mục sản phẩm của mình.

a3. Phương thức thanh toán

• Đối với khách hàng là đối tác:

- Về chính sách giá, Công ty triển khai cơ chế giá thỏa thuận dựa trên hợp đồng và hóa đơn, kết hợp cùng các chương trình ưu đãi linh hoạt. Đặc biệt, các khoản chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán sẽ được chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn, giúp khách hàng tối ưu chi phí một cách nhanh chóng và minh bạch. Nội dung chi tiết về chính sách chiết khấu hiện hành đang được Công ty áp dụng cho nhóm khách hàng này (*Phụ lục 1: Chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu cho khách hàng là đối tác*)

- Về phương thức thanh toán: đối tác trả tiền trước khi nhận hàng hoặc sau khi nhận hàng qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản của ngân hàng.

• Đối với khách lẻ:

- Khác với chính sách giá thỏa thuận và chiết khấu linh hoạt dành cho các đối tác lớn, giá bán lẻ tại cửa hàng thường được niêm yết cố định theo giá bìa. Theo đó, đối với nhóm khách hàng lẻ này, các chính sách về chiết khấu thương mại hay chiết khấu thanh toán sẽ không được áp dụng.

- Về phương thức thanh toán: Áp dụng phương thức thanh toán ngay 100% giá trị hàng hóa bằng tiền mặt hoặc qua các phương thức thanh toán điện tử tại cửa hàng.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ kế toán sử dụng

+ Hóa đơn giá trị gia tăng

+ Bảng kê chi tiết

+ Hợp đồng kinh tế

+ Bản đặt hàng,...

- Sổ kế toán sử dụng

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 511: Doanh thu bán hàng hóa

+ Sổ chi tiết

TK 51111: Doanh thu sách giáo khoa

TK 51112: Doanh thu sách tham khảo

TK 51113: Doanh thu sách bổ trợ

TK 51114: Doanh thu văn phòng phẩm

TK 51116: Doanh thu lịch Block

TK 51117: Doanh thu Thiết bị giáo dục

TK 51118: Doanh thu khác, địa điểm cho thuê

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

d1. Quy trình luân chuyển chứng từ đối với khách hàng là đối tác

Quy trình bán hàng cho khách hàng là đối tác tại Công ty được thiết kế theo mô hình khép kín, đảm bảo tính chặt chẽ và minh bạch từ khâu tiếp nhận đơn hàng đến khi hoàn tất hạch toán.

Đầu tiên, khi nhận được đơn đặt hàng từ đại lý, bộ phận nghiệp vụ thuộc Phòng Kinh doanh sẽ đóng vai trò hạt nhân để khởi động quy trình. Tại đây, nhân viên sẽ kiểm tra thực tế tồn kho:

+ Trường hợp đủ hàng: Phiếu xuất kho được lập tức khởi tạo, lệnh giao hàng được phát đi để tổ chức vận chuyển đến điểm nhận của đại lý.

+ Trường hợp thiếu hàng: Bộ phận nghiệp vụ sẽ tiến hành đặt hàng bổ sung và chủ động liên hệ hẹn ngày giao hàng cụ thể để đại lý chủ động kế hoạch kinh doanh.

⇒ Nhằm tối ưu hóa dịch vụ và hỗ trợ đối tác, toàn bộ chi phí vận chuyển sẽ do Công ty chi trả.

Quy trình giao nhận chỉ kết thúc khi đối tác kiểm tra đầy đủ số lượng, quy cách và ký xác nhận vào phiếu xuất kho.

Sau khi hàng hóa được bàn giao thành công, quy trình chuyển sang giai đoạn xử lý chứng từ tài chính. Bộ phận Kế toán căn cứ trên phiếu xuất kho có chữ ký xác nhận để phát hành hóa đơn GTGT điện tử. Việc lập hóa đơn được thực hiện ngay tại thời điểm giao hàng theo đúng quy định pháp luật và gửi trực tiếp qua email cho khách hàng. Ngay sau đó, toàn bộ dữ liệu từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sẽ được cập nhật đồng bộ lên phần mềm Vs.ERP, giúp hệ thống ghi nhận doanh thu và các nghĩa vụ thuế một cách tức thời, chính xác.

Cuối cùng, dựa trên dữ liệu từ phần mềm Vs.ERP, kế toán công nợ sẽ theo dõi sát sao tình hình thanh toán của từng đối tác (đại lý). Định kỳ, các biên bản đối chiếu công nợ sẽ được thực hiện để đảm bảo số liệu khớp đúng giữa hai bên. Song song với đó, công tác đôn đốc thu hồi nợ được triển khai quyết liệt nhưng khéo léo, nhằm đảm bảo dòng tiền luân chuyển ổn định, phục vụ cho các hoạt động tái đầu tư và phát triển bền vững của Công ty.

d2. Quy trình luân chuyển chứng từ đối với khách hàng là khách lẻ

Quy trình bán hàng được bắt đầu khi nhân viên bán hàng tiếp đón và tư vấn chi tiết cho khách hàng về các loại văn hóa phẩm. Sau khi khách hàng lựa chọn được mặt hàng ưng ý, nhân viên sẽ trực tiếp truy xuất dữ liệu tồn kho trên phần mềm quản lý. Việc kiểm tra tức thời này nhằm đảm bảo hàng hóa luôn sẵn sàng để bàn giao, tránh tình trạng sai lệch giữa thực tế và hệ thống, đồng thời giúp nhân viên chủ động tư vấn các sản phẩm thay thế nếu cần.

Sau khi đơn hàng được xác nhận, nhân viên tiến hành bước tính toán giá trị thanh toán và hướng dẫn khách hàng thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- + Đối với hình thức thanh toán tiền mặt: Nhân viên thu tiền trực tiếp và kiểm đếm tại quầy.

- + Đối với hình thức thanh toán chuyển khoản: Khách hàng thực hiện quét mã hoặc chuyển khoản vào tài khoản định danh của Nhà sách. Nhân viên chỉ xác nhận hoàn tất khi có thông báo biến động số dư thành công.

Sau khi nhận đủ tiền, nhân viên sẽ in hóa đơn bán lẻ/phiếu thu từ máy tính tiền và bàn giao cho khách hàng cùng với sản phẩm.

Dựa trên hóa đơn bán hàng hoặc dữ liệu từ máy tính tiền đã khởi tạo, bộ phận Kế toán sẽ tiếp nhận thông tin để thực hiện nghiệp vụ chuyên môn. Căn cứ vào các chứng từ thực tế này, kế toán tiến hành hạch toán doanh thu và giá vốn vào phần mềm VsERP, đồng thời ghi nhận khoản phải thu đối với nhà sách. Cuối cùng, kế toán chịu trách nhiệm theo dõi sát sao và đối chiếu định kỳ để đảm bảo việc thu hồi công nợ được thực hiện đầy đủ và chính xác.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Để làm rõ hơn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, em xin đưa ra 3 nghiệp vụ minh họa như sau:

- Nghiệp vụ 1: Bán cho khách hàng là đối tác có chiết khấu
- Nghiệp vụ 2: Bán cho khách lẻ không có chiết khấu
- Nghiệp vụ 3: Doanh thu Địa điểm cho thuê

Nghiệp vụ 1: Bán cho khách hàng là đối tác có chiết khấu

Ngày 30/06/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị xuất hàng theo hóa đơn số 00000655 cho Nhà sách Hồng Duyên với số tiền là 14.466.000 đồng (Không chịu thuế), chiết khấu 1.927.420 đồng, khách hàng đã thanh toán trước toàn bộ số tiền.

Với nội dung: Xuất hàng theo hóa đơn 00000655

Hóa đơn bán hàng số 00000655 kèm bảng kê số 00000655

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ngày 30 tháng 06 năm 2025 Trang 1 / 3 Mã của cơ quan thuế: 00622828F213FF4872B225F849D41A87C8		Ký hiệu: IC25TAA Số: 00000655		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ Mã số thuế: 3200135169 Địa chỉ: Số 51 Lê Lợi - Phường 5 - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị - Việt Nam Điện thoại: 02333850405 Email: sachthietbiquangtri@gmail.com Số tài khoản: 1014151488 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị						
Họ tên người mua hàng: _____ Tên đơn vị: Nhà sách Hồng Duyên Mã số thuế: 3200031402 Địa chỉ: Số 82 Hùng Vương - Thành Phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản: _____ Ngân hàng: _____						
STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	GBPHDQ001C24	Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - Lớp 3	Cuốn	30	22.000	660.000 (11%)
2	GBPHDU001C24	Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - Lớp 4	Cuốn	30	23.000	690.000 (11%)
3	GBPHVT003C24	Kết nối - Chuyên đề học tập Toán 11	Cuốn	20	11.000	220.000 (12%)
4	GBPHVT003C24	Kết nối - BT Toán 11/1	Cuốn	10	22.000	220.000 (17%)
5	GBPHVT003C24	Kết nối - BT Tin học 9	Cuốn	20	14.000	280.000 (17%)
6	GBPHVT003C25	Kết nối - Tiếng việt 2/2	Cuốn	50	21.000	1.050.000 (12%)
7	GBPHVT003C25	Kết nối - Tiếng việt 3/1	Cuốn	64	20.000	1.280.000 (12%)
8	GBPHVT003C25	Kết nối - Tiếng việt 3/2	Cuốn	60	18.200	1.092.000 (12%)
9	GBPHVT003C25	Kết nối - Toán 4/2	Cuốn	50	12.700	635.000 (12%)
10	GBPHVT003C25	Kết nối - VBT Toán 4/2	Cuốn	30	19.000	570.000 (17%)
11	G2BPHC001C24	Chân trời - BTC Công nghệ 6	Cuốn	30	9.000	270.000 (17%)
12	G2BPHC001C25	Kết nối - BT Mĩ thuật 6	Cuốn	30	12.000	360.000 (17%)
13	G2BPHC001C25	Kết nối - BT Âm nhạc 6	Cuốn	30	8.000	240.000 (17%)
14	G2BPHC001C25	Kết nối - BT Ngữ văn 7/1	Cuốn	20	17.000	340.000 (17%)

Hình 2: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 (Trang 1/3)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2025
 Tiếp theo trang trước - Trang 2 / 3
 Mã của cơ quan thuế:
00622828F213F14872B225F849D41A87C8

Ký hiệu: 1C25TAA
 Số: 00000655

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ**
 Mã số thuế: 3200135169
 Địa chỉ: Số 51 Lê Lợi - Phường 5 - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị - Việt Nam
 Điện thoại: 02333850405 Email: sachthietbiquangtri@gmail.com
 Số tài khoản: 1014151488 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị

Họ tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: Nhà sách Hồng Duyên
 Mã số thuế: 3200031402
 Địa chỉ: Số 82 Hùng Vương - Thành Phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
 Hình thức thanh toán: TM/CK
 Số tài khoản: _____ Ngân hàng: _____

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
15	GIHFTV002h23	Kết nối - BT Ngữ văn 7/2	Cuốn	20	15.000	300.000 (17%)
16	GIHFTV001h25	Kết nối - Ngữ văn 7/1	Cuốn	30	18.400	552.000 (12%)
17	GIHFTV002h25	Kết nối - Ngữ văn 7/2	Cuốn	30	17.000	510.000 (12%)
18	GIHFTV001h25	Kết nối - Âm nhạc 7	Cuốn	30	8.400	252.000 (12%)
19	GIHFTV001h25	Kết nối - Giáo dục công dân 7	Cuốn	20	9.000	180.000 (12%)
20	GIHFTV001h24*	Chân trời - Khoa học tự nhiên 7	Cuốn	30	23.900	717.000 (12%)
21	GIHFTV001h25	Chân trời - BT Khoa học tự nhiên 7	Cuốn	20	22.000	440.000 (17%)
22	GIHFTV001D25	Cánh diều - Giáo dục thể chất 6	Cuốn	20	15.300	306.000 (12%)
23	GIHFTV001D25	Cánh diều - Giáo dục thể chất 7	Cuốn	20	13.800	276.000 (12%)
24	GIHFTV001D25	Cánh diều - Giáo dục thể chất 8	Cuốn	20	13.700	274.000 (12%)
25	GIHFTV001D25	Cánh diều - Giáo dục thể chất 9	Cuốn	20	13.600	272.000 (12%)
26	GIHFTV002h25	Kết nối - Chuyên đề học tập Lịch sử 11	Cuốn	20	8.000	160.000 (12%)
27	GIHFTV001h25	Kết nối - Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí	Cuốn	30	20.000	600.000 (12%)
28	GIHFTV002h25	Kết nối - Chuyên đề Vật lý 11	Cuốn	20	9.000	180.000 (12%)

Hình 3: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 (Trang 2/3)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2025
 Tiếp theo trang trước - Trang 3 / 3
 Mã của cơ quan thuế: 00622828F213FF4872B225F849D41A87C8

Ký hiệu: 1C25TAA
 Số: 00000655

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ**
 Mã số thuế: 3200135169
 Địa chỉ: Số 51 Lê Lợi - Phường 5 - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị - Việt Nam
 Điện thoại: 02333850405 Email: sachthietbiquangtri@gmail.com
 Số tài khoản: 1014151488 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị

Họ tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: Nhà sách Hồng Duyên
 Mã số thuế: 3200031402
 Địa chỉ: Số 82 Hùng Vương - Thành Phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
 Hình thức thanh toán: TM/CK
 Số tài khoản: _____ Ngân hàng: _____

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
29	GH0FY002H25	Kết nối - Chuyên đề học tập Hóa học 11	Cuốn	20	8.000	160.000 (12%)
30	GH0ZL001H24	Kết nối - BT Vật lý 12	Cuốn	9	18.000	162.000 (17%)
31	GH0ZL001H25	Kết nối - BT Vật lý 12	Cuốn	11	18.000	198.000 (17%)
32	GH0ZT001H24	Kết nối - BT Toán 12/1	Cuốn	20	16.000	320.000 (17%)
33	GH0ZT001H24	Kết nối - BT Hóa học 12	Cuốn	20	20.000	400.000 (17%)
34	GH0DQ001A25	Kết nối - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Cuốn	30	10.000	300.000 (12%)
Tổng cộng:				914	Tiền hàng:	14.466.000
				Chiết khấu bán hàng: 13,32 %	Tiền chiết khấu:	1.927.420
Tổng tiền hàng (Chưa có thuế GTGT):						12.538.580
Thuế suất thuế GTGT: KCT				Tiền thuế GTGT:		0
Tổng số tiền thanh toán (có thuế GTGT):						12.538.580

Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid
 Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ
 Ký ngày: 30/06/2025 18:02:42

Hình 4: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 (Trang 3/3)

Thông tin trên Hóa đơn Giá trị gia tăng được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511.

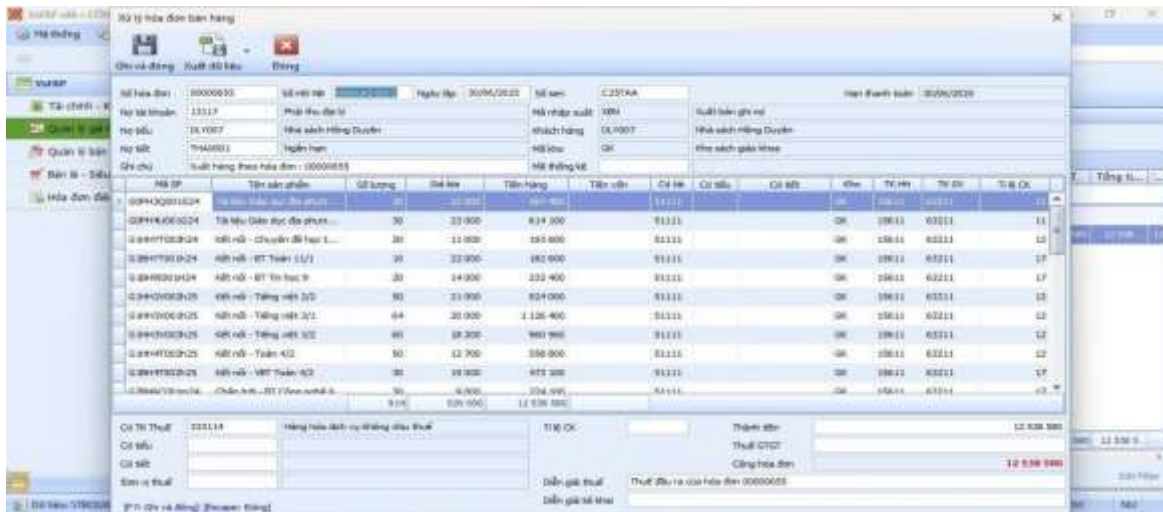
Kèm bảng kê chi tiết số 00000655 (Phụ lục 2: Bảng kê chi tiết số 00000655)

Khi nhập liệu xuất bán hàng: Căn cứ vào Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000655 ký hiệu 1C25TAA kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “ Quản lý giá thành”, chọn mục Nhập liệu. Sau đó, chọn mục “Xử lý phiếu xuất”.

Tiếp theo, nhập số HĐTC 00000655 và cập nhật.

Sau khi cập nhật hóa đơn số 00000655, kế toán sẽ kiểm tra lại tất cả thông tin: số chứng từ, ngày lập, Nợ TK/ Có TK, số tiền, diễn giải...v...v. Cuối cùng, kế toán nhấn nút “ Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự cập nhật vào các sổ.



Hình 5: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu sổ cái TK 5111

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 51111 Doanh thu sách giáo khoa

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	ĐỐI ƯNG	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
00004120	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004120	13111		199.200
...	...	...	...		...
00000655	30/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000655	13117		12.538.580
...	...	...	...		...
KCDTSGK	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu SGK tháng 6/2025	91111	2.949.003.137	
			Cộng số phát sinh	29.801.216.950	29.801.216.950
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	4.891.882.660	4.891.882.660
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	29.801.216.950	29.801.216.950

Số dư cuối kỳ

Hình 6: Trích mẫu Sổ Cái TK 51111

Nghiệp vụ 2: Bán cho khách lẻ không có chiết khấu

Ngày 01/06/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị xuất hàng hóa theo hóa đơn 00004167 cho khách lẻ với số tiền là 118.000 đồng, trong đó tiền thuế Giá trị gia tăng là 8.624 đồng. Khách hàng đã thanh toán cho nhà sách.

Với nội dung là: Xuất hàng hóa theo hóa đơn 00004167.

[illegible]

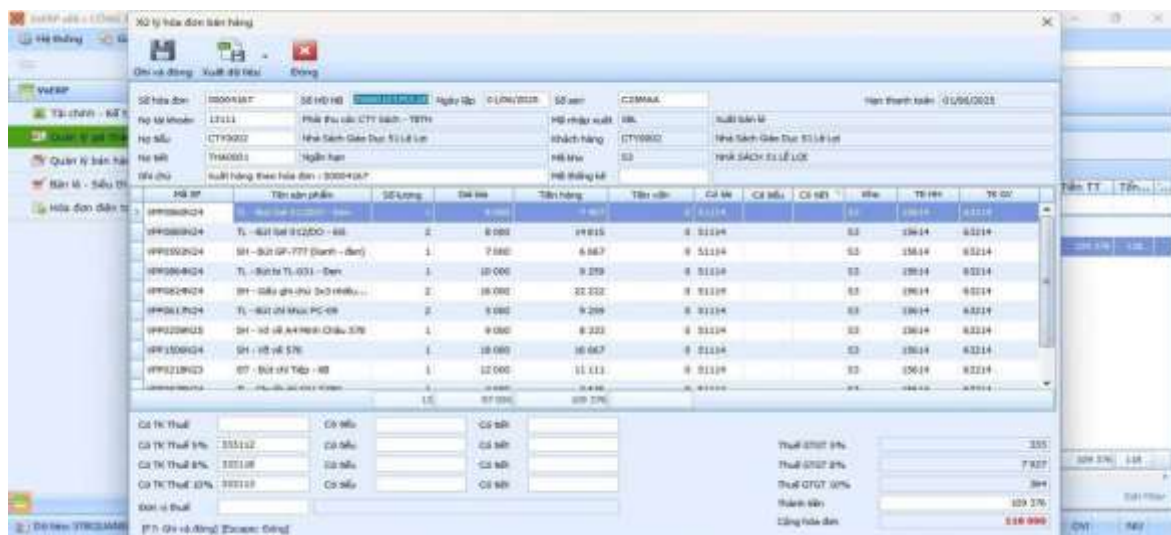
Hình 7: Trích mẫu Hóa đơn giá trị gia tăng số 0004167

Thông tin trên hóa đơn Giá trị gia tăng được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511.

Khi nhập liệu xuất bán hàng: Căn cứ vào hóa đơn Giá trị gia tăng số 000416 ký hiệu 1C25MAA kế toán mở phần mềm VsERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “ Quản lý giá thành”, chọn

Sau khi cập nhật hóa đơn số 000416, kế toán sẽ kiểm tra lại tất cả thông tin: số chứng từ, ngày lập, Nợ TK/ Có TK, số tiền, diễn giải...v...v. Cuối cùng, kế toán nhấn nút “ Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự cập nhật vào các sổ.



Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
00004120	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004120	13111		44.444
...	...	...	...		...
00004167	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004167	13111		109.376
...	...	...	...		...
00006600	30/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00006600	13111		55.909
KCDTVPP	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu VPP tháng 6/2025	91114	283.822.611	
			Cộng số phát sinh	3.235.033.954	3.235.033.954
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	670.962.302	670.962.302
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	3.235.033.954	3.235.033.954

Hình 9: Trích mẫu Sổ Cái TK 51114

Nghiệp vụ 3: Doanh thu cho thuê địa điểm

Ngày 10/06/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị thu tiền cho thuê mặt bằng từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025 địa chỉ 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà theo Hóa đơn 00000492 với số tiền là 36.000.000VNĐ, trong đó tiền Thuế GTGT là 3.272.273 VNĐ.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: IC25TAA				
Ngày 10 tháng 06 năm 2025		Số: 00000492				
Mã của cơ quan thuế: 0085BBACTB4BAB4028A512D4CA484C28AE						
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ						
Mã số thuế: 3200135169						
Địa chỉ: Số 51 Lê Lợi - Phường 5 - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị - Việt Nam						
Điện thoại: 02333850405 Email: sachthietbiquangtri@gmail.com						
Số tài khoản: 1014151488 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị						
Họ tên người mua hàng:						
Tên đơn vị: Công Ty TNHH MTV Khánh An Gìn Phát						
Mã số thuế: 3200615052						
Địa chỉ: 51 Lê Lợi - Phường 5 - Thành Phố Đông Hà - Quảng Trị						
Hình thức thanh toán: TMCK						
Số tài khoản: Ngân hàng:						
STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1		Thuê mặt bằng từ 01/4/2025 đến 30/6/2025 tại 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Tháng	3	10.909.091	32.727.273
Tổng cộng				3	Tên hàng	32.727.273
Chiết khấu bán hàng 0 %				Tiền chiết khấu		
Tổng tiền hàng (Chưa có thuế GTGT)						32.727.273
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:		3.272.727
Tổng số tiền thanh toán (có thuế GTGT)						36.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Đơn vị bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			
			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ Ký ngày: 10/06/2025 15:11:44			

Hình 10: Trích mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000492

Thông tin trên hóa đơn Giá trị gia tăng được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511.

Khi nhập liệu xuất bán hàng: Căn cứ vào hóa đơn Giá trị gia tăng số 00000492 ký hiệu 1C25TAA kế toán mở phần mềm VsERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

+ Đăng nhập vào phần mềm

+ Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “ Quản lý giá thành”, chọn mục Nhập liệu. Sau đó, chọn mục “Xử lý phiếu xuất”.

Tiếp theo, nhập số HĐTC 00000492 và cập nhật.

Sau khi cập nhật hóa đơn số 00000492, kế toán sẽ kiểm tra lại tất cả thông tin: số chứng từ, ngày lập, Nợ TK/ Có TK, số tiền, diễn giải...v...v. Cuối cùng, kế toán nhấn nút “ Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự cập nhật vào các sổ.

The screenshot shows the VsERP software interface for processing outgoing invoices. The main window is titled "Xử lý phiếu xuất" and contains several input fields for invoice details. The left sidebar shows the navigation menu with options like "Hệ thống", "Giao diện", and "VnERP". The main area displays the following information:

- SỐ CT: 10000492
- Ngày CT: 10/06/2025
- Hạn thanh toán: 0
- CT gốc: 0
- Họ tên: [empty]
- Tài khoản: [empty]
- Ngân hàng: [empty]
- Địa chỉ chung: Thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ S1 Lê Lợi, PT
- Tài khoản Nợ: 13118
- Phải thu khác hàng mua SP, HH khác
- Mã khách hàng: CTY0199
- Công Ty TNHH MTV Khánh An Gia Phát
- Mã thời hạn: THA0001
- Ngân hàng: [empty]
- Tài khoản Có: 5118
- Doanh thu khác
- Mã tiền: 51K0006
- Cho thuê nhà xưởng, VP làm việc,quầy, khoản doanh thu
- Mã TK: [empty]
- Diễn giải: Thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ S1 Lê Lợi, PT
- Số tiền: 32.727.273

Below the input fields, there is a table with the following columns: STT, TK Có, TK Nợ, Tiêu Có, Tiêu Nợ, Diễn giải, Số lượng, Số tiền, and Mã thống kê. The table contains two rows of data:

STT	TK Có	TK Nợ	Tiêu Có	Tiêu Nợ	Diễn giải	Số lượng	Số tiền	Mã thống kê
1	13118	13118			Thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ S1 Lê Lợi, PT	0,0	32.727.273	
2	330113	330118			Thuế đầu ra thuế mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ S1 Lê Lợi, PT	0,0	3.272.727	

The right sidebar shows a summary of the invoice, including the total amount (Số tiền) and the invoice number (Số seri).

Hình 11: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu sổ Cái TK 5118

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 5118 Doanh thu khác

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
00000065	26/02/2025	Hạch toán thuê mặt bằng theo Hợp đồng số 080/HĐBTS-DHA ngày 25/01/2021 (Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)	13118		32.727.273
...	...	...	...		...
00000492	10/06/2025	Thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà HĐ 492	13118		32.727.273
...	...	...	...		...
			Cộng số phát sinh	911.785.047	911.785.047
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	155.217.286	155.217.286
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	911.785.047	911.785.047

Số dư cuối kỳ

Hình 12: Trích mẫu Sổ Cái TK 5118

Trích mẫu sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
00004120	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004120	13111	51112	12.857
...	...	...	...	...	...
00004167	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004167	13111	51114	109.376
00004167	01/06/2025	Thuế đầu ra của hóa đơn: 00004167	13111	333113	364
00004167	01/06/2025	Thuế đầu ra của hóa đơn: 00004167	13111	333112	333
00004167	01/06/2025	Thuế đầu ra của hóa đơn: 00004167	13111	333118	7.927
...	...	...	...	...	...
00000492	10/06/2025	Thuế đầu ra thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà HD 492	13118	333113	3.272.727
00000492	10/06/2025	Thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà HD 492	13118	5118	32.727.273
...	...	...	...	...	...
00000655	30/06/2025	Thuế đầu ra của hóa đơn: 00000655	13117	333114	0
00000655	30/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000655	13117	51111	12.538.580
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 13: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu sổ cái TK 511

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 511 Doanh thu bán hàng hóa

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
00004120	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004120	13111		44.444
...	...	...	...		...
00004167	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004167	13111	NV2	109.376
...	...	...	...		...
00000492	10/06/2025	Thuê mặt bằng từ 01/4 đến 30/6/2025 địa chỉ 51 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà HD 492	13118	NV3	32.727.273
...	...	...	...		...
00000655	30/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000655	13117	NV1	12.538.580
00000656	30/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000656	13117		8.827.725
KCDTSGK	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu SGK tháng 6/2025	91111	2.949.003.137	
KCDTSTK	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu STK tháng 6/2025	91112	53.794.126	
KCDTTBGD	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu TBGD tháng 6/2025	91117	20.951.833	
KCDTVPP	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu VPP tháng 6/2025	91114	283.822.611	
			Cộng số phát sinh	36.631.650.329	36.631.650.329
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	6.840.950.288	6.840.950.288
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	36.631.650.329	36.631.650.329

Hình 14: Trích mẫu sổ cái TK 511

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm doanh thu trừ tại Công ty

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu nên em không trình bày phần này.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

a. Đặc điểm của doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

Tại Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị, doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, chiết khấu thanh toán bổ sung.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Có, Sao kê ngân hàng,...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái tài khoản 515

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ đối với doanh thu hoạt động tài chính được bắt đầu ngay khi phát sinh nghiệp vụ nhận lãi tiền gửi hoặc được hưởng chiết khấu thanh toán bổ sung từ Nhà xuất bản Cánh Diều. Tại thời điểm này, bộ phận kế toán có trách nhiệm thu thập và tiếp nhận các chứng từ gốc liên quan bao gồm Sao kê ngân hàng, Giấy báo Có và Bảng tính chiết khấu có xác nhận của nhà cung cấp. Sau khi đối chiếu và xác nhận tính khớp đúng của dữ liệu, kế toán thực hiện thao tác ghi nhận bút toán vào phần mềm Vs.ERP. Việc nhập liệu này đồng thời được hệ thống tự động cập nhật và đồng bộ hóa vào các Sổ Nhật ký chung, Sổ cái liên quan, đảm bảo tính liên tục và hệ thống của dữ liệu kế toán.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Nghiệp vụ: Ngày 31/12/2025, ngân hàng Vietinbank gửi giấy báo Có đến Công ty để thông báo số tiền lãi tháng 12 nhận được là 8.882 đồng. Sau đó, kế toán nhập chứng từ vào phần mềm kế toán và phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan như sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 515.

Sao kê ngân hàng

Số 1

VietnBank

4821

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chi nhánh Branch: 45098-CN QUANG TRI - HỒI SƠ

SAO KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH

TRANSACTIONS STATEMENT

Từ ngày 01-12-2025 Đến ngày: 31-12-2025

From date 01-12-2025 to date 31-12-2025

Kính gửi quý khách hàng Dear Customer: CTCP SACH VA TB TRUONG HOC QT

Địa chỉ Address: 51 LE LOI, P NAM DONG HA, THANH PHO DONG HA, TINH QUANG TRI, VIET NAM

VietnBank xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch Tài khoản số: 119675766666 của quý khách hàng như sau:

We would like to inform your transaction statement as follows:

Loại tiền tệ Currency: VND

STT No	Ngày giao dịch Date Time	Mô tả giao dịch Transaction Comment	Nợ Debit t	Có Credit	Số dư cuối Balance	Tên đối ứng Offset Name	Số giao dịch Reference No
Số dư đầu kỳBeginning Balance							
1	2025-12-01 08:33:14	CT nhánh 247 đến: PHAN VAN HUNG chuyển tiền	0	31.000	166.810.431	PHAN VAN HUNG - A/C: 74666666668888	450T25C003M4HVK6
1105	2025-12-31 02:05:10	Trả lại tài khoản DDA	0	8.882	34.772.813		
1139	2025-12-31 20:20:24	CT nhánh 247 đến: MBVCB12383221	0	80.000	38.667.813	THE THANH AN - A/C: 99410.450T25C108Y2CWKE	
Số dư cuối kỳ					38.667.813		
Doanh số phát sinh			258.038.500	130.309.882			

Quý khách hàng (KH) vui lòng kiểm soát, đối chiếu số dư tài khoản trên sao kê chi tiết giao dịch của mình với VietnBank. Nếu có sai lệch KH nên hệ với VietnBank trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận sao kê tài khoản để xác minh, đối chiếu. Nếu quá thời hạn trên mà không nhận được phản hồi của Quý KH thì số dư trên được coi là chính xác.

Chi nhánh Branch

Chữ ký số Signature

Signature Valid

Được ký bởi: HN TMCP Công Thương VN - CH

QUANG TRI

Ngày ký: 31/12/2025

Hình 15: Trích Sao kê Ngân hàng

Căn cứ vào sao kê của ngân hàng kế toán nhập liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái.

Khi nhập liệu vào phần mềm: Căn cứ vào sao kê của ngân hàng, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn nhập liệu. Sau đó, chọn mục “Ngân hàng”, chọn “Giấy báo có”
- + Tiếp theo, nhập GBCNHVTB31122025, chọn GBCNHVTB31122025 kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ.



Hình 16: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
GBCNHDT03-25.01	25/01/2025	Ngân hàng BIDV trả lãi tiền gửi KKH tháng 1/2025	1121	515	13.124
...	...	...	...	...	...
BCVT1535-31.12	31/12/2025	Ngân hàng Vietinbank trả lãi tiền gửi tháng 12/2025	1121	515	8.882
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 17: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu Sổ Cái TK 515

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 515 Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
GBCNHDT03-25.01	25/01/2025	Ngân hàng BIDV trả lãi tiền gửi KKH tháng 1/2025	1121		13.124
...	...	...	...		...
BCVT1535-31.12	31/12/2025	Ngân hàng Vietinbank trả lãi tiền gửi tháng 12/2025	1121		8.882
...	...	...	...		...
KCDTTC	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính tháng 12/2025	91151	2.982.165	
			Cộng số phát sinh	16.629.746	16.629.746
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	3.293.288	3.293.288
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	16.629.746	16.629.746

Hình 18: Trích mẫu Sổ Cái TK 515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác nên em không trình bày phần này.

2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

a. Đặc điểm của kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

- Đối với giá vốn hàng bán: Sách giáo khoa, Sách tham khảo, Văn phòng phẩm, Thiết bị giáo dục, hàng bán khác

+ Công ty xác định giá vốn theo phương pháp: Thực tế đích danh

+ Thời điểm: Vào ngày cuối cùng của tháng

- Đối với giá vốn của Bất động sản đầu tư thì sẽ kết chuyển các chi phí liên quan vào cuối mỗi tháng.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Hóa đơn bán hàng

+ Biên bản giao nhận hàng hóa

- Sổ kế toán sử dụng

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái tài khoản 632

+ Sổ chi tiết

TK 63211: Giá vốn hàng bán Sách giáo khoa

TK 63212: Giá vốn hàng bán Sách tham khảo

TK 63214: Giá vốn hàng bán Văn phòng phẩm

TK 63217: Giá vốn hàng bán Thiết bị giáo dục

TK 63218: Giá vốn hàng bán khác

TK 6327: Giá vốn Bất động sản đầu tư

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ giá vốn hàng bán được bắt đầu từ khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, bán cho khách lẻ,... Sau khi có lệnh xuất hàng, kế toán tiến hành lập bộ chứng từ đầy đủ bao gồm Phiếu xuất kho, Hóa đơn bán hàng và Biên bản giao nhận hàng hóa. Bộ chứng từ này sẽ được chuyển

qua thủ kho để thực hiện xuất hàng thực tế, đồng thời kế toán có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ số lượng, đơn giá và tính hợp pháp của các chữ ký phê duyệt. Tiếp theo, kế toán thực hiện hạch toán nghiệp vụ lên phần mềm Vs.ERP bằng cách ghi Nợ TK 632 và Có TK 156, giúp hệ thống tự động cập nhật số liệu vào sổ chi tiết hàng tồn kho, sổ chi tiết và sổ cái TK 632. Sau khi hoàn tất nhập liệu, kế toán thực hiện đối chiếu định kỳ giữa kho, bộ phận bán hàng và sổ sách kế toán để đảm bảo tính thống nhất. Cuối cùng, toàn bộ chứng từ được đóng thành bộ, lưu trữ cùng hồ sơ bán hàng để phục vụ công tác kiểm soát và quyết toán tại Công ty.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Dưới đây là 3 nghiệp vụ minh họa giá vốn hàng bán của 3 nghiệp vụ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà em đã trình bày ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Nghiệp vụ 1: Giá vốn hàng bán của nghiệp vụ 1 ở phần doanh thu: Bán cho khách hàng là đối tác có chiết khấu

- Nghiệp vụ 2: Giá vốn hàng bán của nghiệp vụ 2 ở phần doanh thu: Bán cho khách lẻ không có chiết khấu

- Nghiệp vụ 3: Giá vốn Bất động sản đầu tư của nghiệp vụ 3 ở phần doanh thu: Doanh thu khác + Cho thuê địa điểm

Nghiệp vụ 1: Giá vốn hàng bán của nghiệp vụ 1 ở phần doanh thu: Bán cho khách hàng là đối tác có chiết khấu

Ngày 30/06/2025, Công ty xuất bán hàng hóa có hóa đơn số 00000655 kèm bảng kê số 00000655 trình bày ở phần kế toán doanh thu bán hàng. Sau đó, kế toán nhập chứng từ vào phần mềm kế toán và phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan như Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632.

- Định kỳ, cuối tháng phần mềm sẽ tự động xác định giá vốn

- Giá vốn được xác định theo phương pháp: Thực tế đích danh.

Bảng kê chi tiết số 00000655 (*Phụ lục 2: Bảng kê chi tiết số 00000655*)

Trích bảng kê chi tiết số 00000655

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊMã số thuế: **3200135169**Số HĐTC: **655**Ngày: **30/06/2025****BẢNG KÊ XUẤT KHO**Họ tên người
mua hàng:**(DLY007) Nhà sách Hồng Duyên**

Địa chỉ:

82 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Xuất tại kho:

(GK) Kho sách giáo khoa

Số ngày nợ:

0

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Bản bó	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	G0PH3Q001G24	Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - Lớp 3	0x160+30	22.000	30	660.000 (11)
2	G0PH4U001G24	Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - Lớp 4	0x154+30	23.000	30	690.000 (11)
3	G1HHYT003h24	Kết nối - Chuyên đề học tập Toán 11	0x76+20	11.000	20	220.000 (12)
...	...	...	...	...	...	...
34	G3HH7Q001a25	Kết nối - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	0x136+30	10.000	30	300.000 (12)

Lưu ý khi nhận hàng: - Mọi vấn đề phát sinh liên quan đến hóa đơn vui lòng liên hệ PKD 0233.3850.405 - Sau 3 ngày kể từ ngày nhận hàng, công ty không xử lý bất kỳ phát sinh nào liên quan đến phiếu xuất hàng này (thừa, thiếu, hư hỏng, ...) Trân trọng cảm ơn!	Tổng cộng: (2+32)=34	914	14.466.000đ
	Chiết khấu:	13,32%	1.927.420đ
	Tổng tiền thanh toán (không có thuế GTGT):		12.538.580đ
	Thuế GTGT:	0%	0đ
	Tổng tiền thanh toán:		12.538.580đ

Người nhận**Thủ
kho****Phòng Kế hoạch Kinh doanh****Người lập phiếu***Hình 19: Trích Bảng kê xuất kho*

Thông tin trên Hóa đơn Giá trị gia tăng được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632.

Kèm bảng kê chi tiết số 00000655

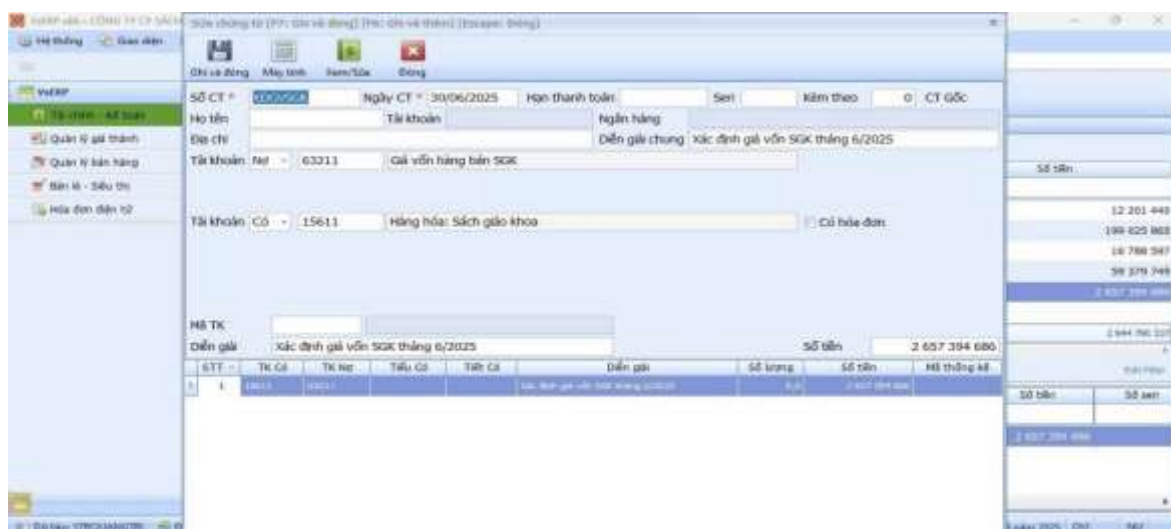
Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng kê tổng hợp hàng xuất kho, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

+ Đăng nhập vào phần mềm

+ Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Phiếu kế toán”.

+ Tiếp theo, chọn “Xác định giá vốn hàng bán Sách giáo khoa, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...

+ Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.



Hình 20: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu sổ Cái TK 6321

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 63211 Giá vốn hàng bán Sách giáo khoa

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
KCGVSGK	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn SGK	91111		136.190.310
...	...	...	...		...
XĐGVSGK	30/06/2025	Xác định giá vốn SGK tháng 6/2025	15611	2.657.394.686	
...	...	...	...		...
XĐGVSGK	31/12/2025	Xác định giá vốn xuất bán SGK tháng 12/2025	15611	801.321.751	
			Cộng số phát sinh	29.068.930.083	29.068.930.083
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	6.010.598.477	6.010.598.477
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	29.068.930.083	29.068.930.083

Hình 21: Trích mẫu sổ Cái TK 63211

Trích mẫu sổ Cái TK 63214

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 63214 Giá vốn hàng bán Văn phòng phẩm

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
KCGVVPP	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn VPP	91114		60.246.852
...	...	...	...		...
XĐGVVPP	30/06/2025	Xác định giá vốn xuất bán VPP tháng 6/2025	15614	199.025.865	
...	...	...	...		...
XĐGVVPP	31/12/2025	Xác định giá vốn xuất bán VPP tháng 12/2025	15614	136.622.232	
			Cộng số phát sinh	2.199.171.573	2.199.171.573
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	466.943.569	466.943.569
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	2.199.171.573	2.199.171.573

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 23: Trích mẫu sổ Cái TK 63214

Nghiệp vụ 3: Giá vốn Bất động sản đầu tư của nghiệp vụ 3 ở phần doanh thu:

Doanh thu khác + Cho thuê địa điểm

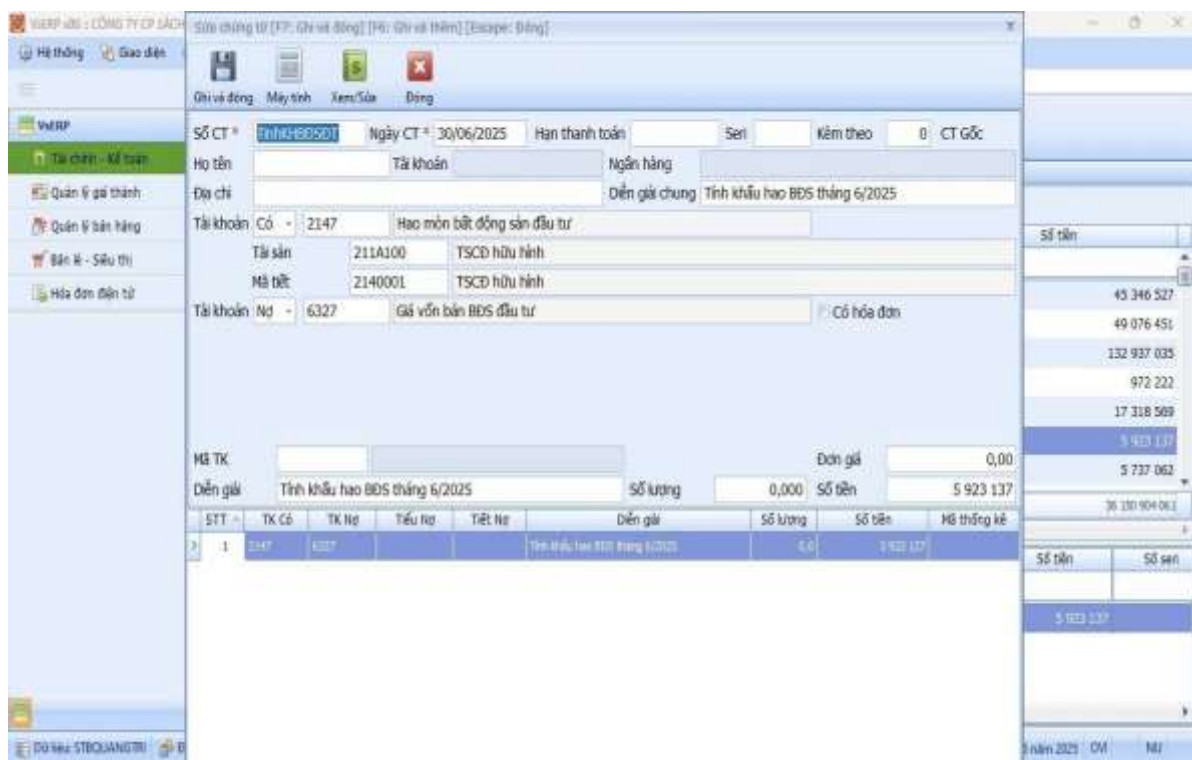
Ngày 10/06/2025, Công ty xuất hóa đơn bán hàng có số hóa đơn là 00000492 trình bày ở phần doanh thu bán hàng. Sau đó, kế toán nhập chứng từ vào phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan như Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632.

Định kỳ, cuối tháng phần mềm sẽ tự động xác định chi phí (tổng hợp chi phí liên quan đến giá vốn bất động sản).

Khi nhập liệu: Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Phiếu kế toán”.
- + Tiếp theo, chọn “Hao mòn bất động sản đầu tư”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật

vào các sổ liên quan.



Hình 24: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu Sổ Cái TK 6327

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 6327 Giá vốn Bất động sản đầu tư

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
KCGVBDS	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn BDS	91181		19.610.151
...	...	...	...		...
TinhKHBDSDT	30/06/2025	Tính khấu hao BĐS tháng 6/2025	2147	5.923.137	
...	...	...	...		...
KCGVBDS	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn BDS tháng 12/2025	91181		5.923.137
			Cộng số phát sinh	164.180.031	164.180.031
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	17.769.411	17.769.411
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	164.180.031	164.180.031

Hình 25: Trích mẫu Sổ Cái TK 6327

Trích mẫu sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
00004120	01/06/2025	Xuất hàng theo hóa đơn: 00004120	13111	51112	12.857
...	...	...	...	...	NV1
XĐGVSGK	30/06/2025	Xác định giá vốn SGK tháng 6/2025	63211	15611	2.657.394.686
...	...	...	...	...	NV2
XĐGVVPP	30/06/2025	Xác định giá vốn VPP tháng 6/2025	63214	15614	199.025.865
...	...	...	...	...	NV3
TínhKHBDSDT	30/06/2025	Tính khấu hao BĐS tháng 6/2025	6327	2147	5.923.137
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Hình 26: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu sổ Cái TK 632

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị					
SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
Số hiệu tài khoản: 632 Giá vốn hàng bán					
Năm 2025					
Số dư đầu:					
Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
KCGVVPP	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn VPP	91114		60.246.852
					NV1
XĐGVSGK	30/06/2025	Xác định giá vốn SGK tháng 6/2025	15611	2.657.394.686	
...	...	...	...	...	NV2
XĐGVVPP	30/06/2025	Xác định giá vốn VPP tháng 6/2025	15614	199.025.865	
...	...	...	...	...	NV3
TínhKHBDSDT	30/06/2025	Tính khấu hao BĐS tháng 6/2025	2147	5.923.137	
			Cộng số phát sinh	33.684.756.956	33.684.756.956
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	7.370.679.959	7.370.679.959
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	33.684.756.956	33.684.756.956
			Số dư cuối kỳ		

Hình 27: Trích mẫu Sổ Cái TK 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty

a. Đặc điểm của kế toán chi phí tài chính tại Công ty

Tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị, chi phí tài chính phát sinh từ chi phí lãi vay ngân hàng, chi phí lãi vay cá nhân.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Sao kê ngân hàng

+ Giấy báo Nợ ngân hàng

+ Hợp đồng vay, bảng tính lãi vay, bảng tính lãi vay

+ Biên bản bù trừ công nợ, phiếu chi hoặc Ủy nhiệm chi

- Sổ kế toán sử dụng

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái tài khoản 635

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí tài chính tại Công ty được thiết lập dựa trên nguyên tắc dồn tích và tính xác thực của dòng tiền thực tế. Quy trình khởi đầu từ việc xác lập các nghĩa vụ tài chính dựa trên hợp đồng vay cá nhân ngắn hạn và hồ sơ vay vốn ngân hàng. Đối với lãi vay ngân hàng, căn cứ vào cơ chế tự động trích nợ trực tiếp từ tài khoản thanh toán, kế toán sử dụng Sao kê ngân hàng và Giấy báo Nợ làm chứng từ gốc để đối soát. Đối với lãi vay cá nhân, kế toán căn cứ vào thỏa thuận lãi suất để lập bảng tính và thực hiện quy trình phê duyệt chi trả theo quy định. Sau khi các căn cứ pháp lý và số liệu đã được xác thực, kế toán thực hiện nhập liệu trực tiếp vào phần mềm Vs.ERP. Thao tác này đồng thời được hệ thống tự động cập nhật và đồng bộ hóa vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 635, đảm bảo tính liên tục và hệ thống của dữ liệu.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Nghiệp vụ: Ngày 18/08/2025, ngân hàng Vietcombank thu tiền lãi vay của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị với số tiền là 7.800.517 VNĐ.

Sao kê Ngân hàng

39	18/08/2025 2244.68394		8.000.000	1.087.620.888	MBVCB10593782928.VO HONG DUYEN chuyển tiền CT từ 0161000200300 VO HONG DUYEN số 1014131468 CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
40	18/08/2025 17.255	1.007.800.517		79.820.171	TRANSFER 374
41	19/08/2025 16,35		379.000.000	358.820.171	TRAN THI LAN NT

Postal address:
158 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Times (0805) 411504 VCB - VT
Swift BFTV VN/VX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

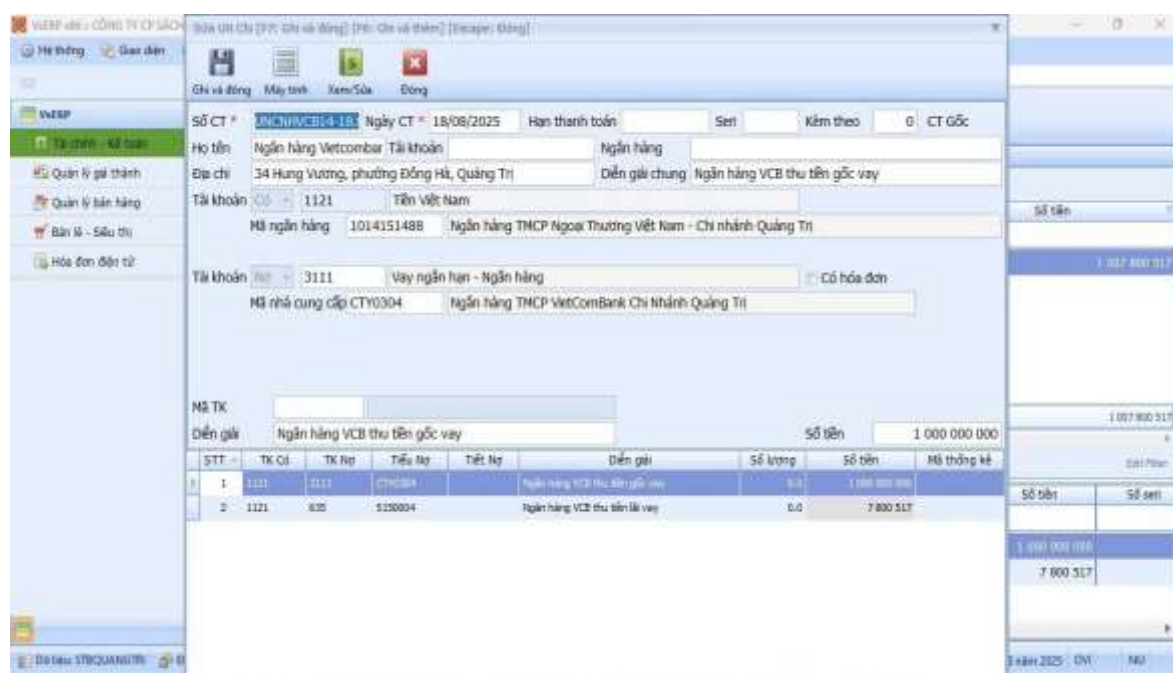
Page 3 of 6

Hình 28: Trích Sao kê của Ngân hàng

Căn cứ vào sao kê của ngân hàng kế toán nhập liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 635.

Khi nhập liệu vào phần mềm: Căn cứ vào sao kê của ngân hàng, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn nhập liệu. Sau đó, chọn mục “Ngân hàng”, chọn “Ủy nhiệm chi”.
- + Tiếp theo, nhập UNCNHVCB14-18.08, chọn UNCNHVCB14-18.08 kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ.



Hình 29: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
UNCNHVCB25-20.05	20/05/2025	Ngân Hàng VCB thu nợ TK 001052412239	635	1121	447.124
...	...	...	...	...	...
UNCNHVCB14-18.08	18/08/2025	Ngân hàng VCB thu tiền lãi vay	635	1121	7.800.517
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 30: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu Sổ Cái TK 635

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 635 Chi phí tài chính

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
UNCNHVCB25-20.05	20/05/2025	Ngân Hàng VCB thu nợ TK00105241 2239	1121	447.124	
...	...	...	...	...	
UNCNHVCB14-18.08	18/08/2025	Ngân hàng VCB thu tiền lãi vay	1121	7.800.517	
...	...	...	...	...	
			Cộng số phát sinh	129.982.284	129.982.284
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	11.023.373	11.023.373
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	129.982.284	129.982.284

Hình 31: Trích mẫu Sổ Cái TK 635

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty

a. Đặc điểm của chi phí bán hàng tại Công ty

Tại công ty, các khoản lương được trả cho nhân viên, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, TNLĐ, cước viễn thông, chi cước internet, trang phục, chi tiền xăng dầu, chi tiền bốc xếp, chi tiền mua nước đóng chai, chi phí quảng cáo, vận chuyển được kế toán công ty kết chuyển vào khoản mục kế toán chi phí bán hàng.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Bảng lương nhân viên bán hàng

+ Hóa đơn quảng cáo, vận chuyển

- + Phiếu chi, hóa đơn chi phí,..
- Sổ kế toán sử dụng
- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái tài khoản 641

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí bán hàng được khởi phát từ việc xác lập các nghiệp vụ nhằm thúc đẩy hiệu quả tiêu thụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng, quảng cáo, vận chuyển và các dịch vụ hạ tầng định kỳ. Sau khi nghiệp vụ phát sinh, kế toán phối hợp với các bộ phận liên quan để thu thập bộ chứng từ gốc bao gồm: Hóa đơn GTGT, Bảng lương và các Phiếu đề nghị thanh toán. Đối với các dịch vụ hạ tầng, kế toán căn cứ vào Sao kê ngân hàng và Giấy báo Nợ từ cơ chế ủy nhiệm chi tự động để làm cơ sở đối soát. Sau khi đối chiếu và xác nhận tính khớp đúng của dữ liệu, kế toán thực hiện thao tác ghi nhận bút toán vào phần mềm Vs.ERP. Việc nhập liệu này đồng thời được hệ thống tự động cập nhật và đồng bộ hóa vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 641, đảm bảo tính liên tục và hệ thống của dữ liệu kế toán.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Dưới đây là 3 nghiệp vụ minh họa về kế toán chi phí bán hàng tại Công ty

- Nghiệp vụ 1: Chi phí lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, TNLĐ cho nhân viên bộ phận bán hàng
- Nghiệp vụ 2: Dịch vụ mua ngoài (Chi tiền mua dầu cho xe bán tải)
- Nghiệp vụ 3: Khấu hao TSCĐ

Nghiệp vụ 1: Chi phí lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, TNLĐ cho nhân viên bộ phận bán hàng

Ngày 31/08/2025, Công ty tính tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho nhân viên bộ phận bán hàng với số tiền là tiền lương: 132.937.035 VNĐ, BHYT: 1.633.961 VNĐ, BHXH: 9.259.110 VNĐ, TNLĐ: 272.328 VNĐ, BHTN: 544.652 VNĐ, KPCĐ: 1.089.307 VNĐ. Sau đó kế toán nhập chứng từ vào phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật dữ liệu vào các sổ liên quan như Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 641

Bảng tính lương cho bộ phận bán hàng

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CBCNV BPBH

Tháng 08 năm 2025

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày công	TỔNG LƯƠNG		Tổng tiền lương	CÁC KHOẢN TRÍCH NHẬP TỪ LƯƠNG			TỔNG TIỀN LƯƠNG BƯỚC NHẬN	Số ngoại phụ thuộc	Số tiền giảm trừ/GIA CẢNH	THU NHẬP TÍNH THUẾ	THUẾ TÍNH	KHẤU TRỪ NH	THU HOÀN TẠM LƯƠNG	SỐ TIỀN CÒN LẠI THỰC NHẬN
				Hệ số	Tiền lương cơ bản theo HS		10,5% BHXH	1% KPCĐ	Đang công								
1	1	1	1	1	1000.000.000					1000.000	0	0	1000.000	1000.000			1000.000
1	Thái Thị Hòa	PPKD	26	2,49	9.611.400	1.009.297	31.507	1.040.794	8.570.606	0	0	0	8.570.606	0	4.657.732		13.228.338
2	Nguyễn Khoa Nam Hải	PPKD	26	2,14	8.260.400	867.342	27.104	894.446	7.365.954	0	0	0	7.365.954	0	4.003.031		11.368.985
3	Nguyễn Lương Tường	TK - LV	26	1,72	6.639.200	697.116	21.785	718.901	5.920.299	0	0	0	5.920.299	0	3.217.389		9.137.688
4	Lê Anh Tú	NVKD-LX	26	1,72	6.639.200	697.116	21.785	718.901	5.920.299	0	0	0	5.920.299	0	3.217.389		9.137.688
5	Bùi Thị Hồng	GBNS 51	26	1,86	7.585.000	794.388	24.825	819.213	6.765.787	0	0	0	6.765.787	0	3.666.527		10.432.315
6	Lê Thị Hà Lan	PGĐNS 51	26	1,9	7.334.000	778.870	24.065	794.135	6.539.865	0	0	0	6.539.865	0	3.574.089		10.093.954
7	Lê Thị Minh Hà	NVNS 25	26	1,72	6.639.200	697.116	21.785	718.901	5.920.299	0	0	0	5.920.299	0	3.217.389		9.137.688
8	Phạm Thị Hồng	NVNS 51	26	1,72	6.639.200	697.116	21.785	718.901	5.920.299	0	0	0	5.920.299	0	3.217.389		9.137.688
9	Tiến Thị Thanh Phương	NVNS 51	26	1,84	7.302.400	745.752	23.365	769.057	6.533.343	0	0	0	6.533.343	0	3.443.858		9.775.202
10	Hương Thị Mai	GBNS 25	26	1,86	7.585.000	794.388	24.825	819.213	6.765.787	0	0	0	6.765.787	0	3.666.527		10.432.315
11	Tiến Thị Kiên Nhân	NVNS 25	26	1,84	7.302.400	745.752	23.365	769.057	6.533.343	0	0	0	6.533.343	0	3.443.858		9.775.202
12	Phạm Ngọc Đình	NVNS 51	26	1,86	6.497.000	672.798	21.025	693.823	5.793.177	0	0	0	5.793.177	0	3.105.135		8.898.312
13	Hương Văn Khánh	NVNS 51	26	1,9	6.176.000	648.480	20.265	668.745	5.507.255	0	0	0	5.507.255	0	2.992.920		8.500.175
14	Nguyễn Thanh Hải	Đạo vệ	30	0,71	4.000.000				4.000.000	0	0	0	4.000.000	0			4.000.000
CỘNG				24,98	97.882.200	9.836.651	307.395	10.144.026	87.538.174	0	0	0	0	0	45.398.861	0	132.937.335

Hình 32: Bảng tính – thanh toán tiền lương cho nhân viên bộ phận bán hàng

Bảng tính BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

BẢNG TÍNH CHI PHÍ BHXH, KPCĐ THÁNG 8/2025														
STT	Họ tên	Ngày sinh	Công việc	Mức lương mới 01/7/2024	Trích BHXH từ DN				Cộng	Khấu trừ người lao động			Cộng	Tổng cộng
					BHXH 17%	TKLĐBN N	BHYT 3%	BHTN 1%		BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%		
II	BÁN HÀNG				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiến Thị Kiên Nhân	12/02/1983	Phó GD NS 25	4.577.000	778.090	22.885	137.310	45.770	91.540	1.075.595	366.160	68.655	45.770	490.585
2	Bùi Thị Hồng	31/05/1977	GD NS 51	4.322.850	734.885	21.614	129.686	43.229	86.457	1.015.870	345.821	64.843	43.229	453.899
3	Hương Thị Mai	04/04/1971	GD NS 25	4.697.000	798.490	23.485	140.910	46.970	93.940	1.103.795	375.760	70.455	46.970	493.185
4	Lê Thị Minh Hà	10/09/1972	Thời kho	4.547.500	773.075	22.738	136.425	45.475	90.950	1.068.663	363.800	68.213	45.475	477.488
5	Phạm Thị Hồng	26/11/1974	NV bán hàng	4.697.000	798.490	23.485	140.910	46.970	93.940	1.103.795	375.760	70.455	46.970	493.185
6	Tiến Thị Thanh Phương	11/04/1985	Phó GD NS 51	4.577.000	778.090	22.885	137.310	45.770	91.540	1.075.595	366.160	68.655	45.770	490.585
7	Lê Thị Hà Lan	05/12/1986	NV PKD	3.887.000	660.790	19.435	116.610	38.870	77.740	913.445	310.990	58.305	38.870	408.135
8	Nguyễn Lương Tường	10/12/1989	Thời kho	3.860.000	656.200	19.300	115.800	38.600	77.200	907.100	308.800	57.900	38.600	405.300
9	Lê Anh Tú	22/08/1996	NV PKD	3.860.000	656.200	19.300	115.800	38.600	77.200	907.100	308.800	57.900	38.600	405.300
10	Nguyễn Khoa Nam Hải	27/06/1995	Phó phòng KD	3.860.000	656.200	19.300	115.800	38.600	77.200	907.100	308.800	57.900	38.600	405.300
11	Thái Thị Hòa	02/11/1982	Phó trưởng PKD	3.860.000	656.200	19.300	115.800	38.600	77.200	907.100	308.800	57.900	38.600	405.300
12	Phạm Ngọc Đình	20/10/1987	NV bán hàng	3.860.000	656.200	19.300	115.800	38.600	77.200	907.100	308.800	57.900	38.600	405.300
13	Hương Văn Khánh	11/12/1996	NV bán hàng	3.860.000	656.200	19.300	115.800	38.600	77.200	907.100	308.800	57.900	38.600	405.300
Cộng				54.465.350	9.259.110	272.327	1.633.961	544.654	1.089.307	12.799.387	4.387.228	816.980	544.654	5.718.862
														18.518.219

Hình 33: Bảng tính chi phí BHXH, KPCĐ cho nhân viên bộ phận bán hàng

Thông tin trên Bảng tính tiền lương được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 641.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng tính tiền lương, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

+ Đăng nhập vào phần mềm

+ Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Tích hợp dữ liệu lương”.

+ Tiếp theo, chọn “Tính lương bộ phận bán hàng tháng 08/2025”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...

+ Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.

The screenshot shows the 'Nhập liệu' (Data Entry) screen in the VMS ERP software. The interface includes a sidebar with navigation options like 'Hệ thống', 'Giao diện', and 'VMS'. The main area contains several input fields for account information, including 'Số CT', 'Ngày CT', 'Hạn thanh toán', 'Serial', 'Kiểm tra', and 'CT Gốc'. Below these are fields for 'Họ tên', 'Địa chỉ', 'Tài khoản', 'Mã chi phí', and 'Mã TK'. A table at the bottom displays transaction details with columns for 'STT', 'TK G', 'TK N', 'Tờ G', 'Tờ C', and various monetary values. The table has 5 rows of data.

Hình 34: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Thông tin trên Bảng tính chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 641.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng tính chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Tích hợp dữ liệu lương”.
- + Tiếp theo, chọn “Tính bảo hiểm xã hội bộ phận bán hàng tháng 08/2025”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.

The screenshot shows the 'Nhập liệu' (Data Entry) screen in the VMS ERP software. The interface includes a sidebar with navigation options like 'Hệ thống', 'Giao diện', and 'VMS'. The main area contains several input fields for account information, including 'Số CT', 'Ngày CT', 'Hạn thanh toán', 'Serial', 'Kiểm tra', and 'CT Gốc'. Below these are fields for 'Họ tên', 'Địa chỉ', 'Tài khoản', 'Mã chi phí', and 'Mã TK'. A table at the bottom displays transaction details with columns for 'STT', 'TK G', 'TK N', 'Tờ G', 'Tờ C', and various monetary values. The table has 5 rows of data.

Hình 35: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Nghiệp vụ 2: Dịch vụ mua ngoài (Chi tiền mua dầu cho xe bán tải)

Ngày 27/08/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị chi tiền dầu cho xe bán tải biển kiểm soát 74C-091.94 hóa đơn 288251 với số tiền là 1.203.718 VNĐ. Hóa đơn 288251

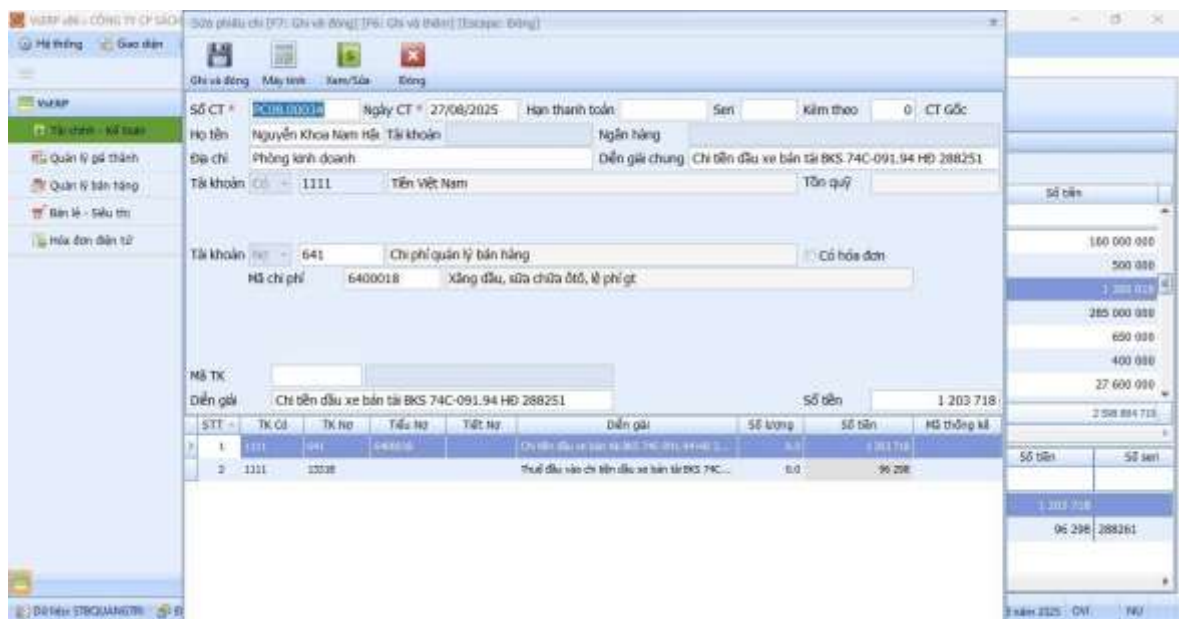
[illegible]

Hình 36: Trích mẫu Hóa đơn GTGT số 288251

Thông tin trên Hóa đơn giá trị gia tăng số 288251 ký hiệu 1K25TCH được kê toán nhập liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 641.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng số 288251, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Tiền mặt”, chọn “Phiếu chi”.
- + Tiếp theo, chọn “Phiếu chi 08.00034”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.



Hình 37: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Nghiệp vụ 3: Khấu hao TSCĐ

Ngày 31/08/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị tính khấu hao TSCĐ tháng 08/2025 cho bộ phận bán hàng với số tiền là 12.205.257 VNĐ.

Bảng tính khấu hao TSCĐ năm 2025 cho bộ phận bán hàng

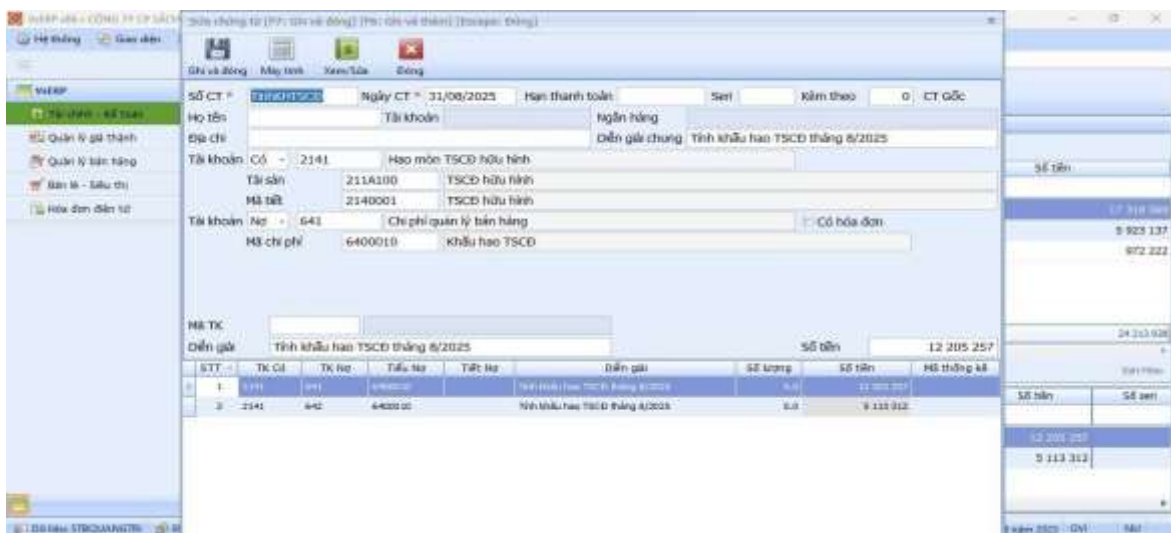
NHÀ T - IAT BÀN GÁO ĐỨC VIỆT NAM													
CÔNG TY CP SÁCH VÀ THỦY QUANG TR													
KẾ HOẠCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH + BẤT ĐỘNG SẢN NĂM 2025													
STT	Mã số	Tên tài sản	Đơn	Giá trị mua ban đầu	Giá trị còn lại theo H	Thay đổi trị giá theo thông tin H		NĂM 2024		NĂM 2025		Năm 2026	
						Nguyên giá	Nguyên giá theo giá trị gốc và chi phí sửa chữa	Giá trị gốc theo H	Giá trị gốc theo H	Giá trị gốc theo H	Giá trị gốc theo H	Giá trị gốc theo H	
A		TÀI SẢN CỐ ĐỊNH											
1		TÀI SẢN BÀN GÁO ĐỨC VIỆT NAM											
2		Tài sản cố định hữu hình											
3	001	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
4	002	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
5	003	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
6	004	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
7	005	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
8	006	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
9	007	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
10	008	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
11	009	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
12	010	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
13	011	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
14	012	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
15	013	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
16	014	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
17	015	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
18	016	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
19	017	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
20	018	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
21	019	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
22	020	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
23	021	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
24	022	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
25	023	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
26	024	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
27	025	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
28	026	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
29	027	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
30	028	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
31	029	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
32	030	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
33	031	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
34	032	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
35	033	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
36	034	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
37	035	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
38	036	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
39	037	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
40	038	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
41	039	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
42	040	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
43	041	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
44	042	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
45	043	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
46	044	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
47	045	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
48	046	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
49	047	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
50	048	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
51	049	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
52	050	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
53	051	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
54	052	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
55	053	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
56	054	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
57	055	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
58	056	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
59	057	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
60	058	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
61	059	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
62	060	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
63	061	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
64	062	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
65	063	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
66	064	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
67	065	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
68	066	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
69	067	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
70	068	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
71	069	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
72	070	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
73	071	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
74	072	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
75	073	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
76	074	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
77	075	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
78	076	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
79	077	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
80	078	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
81	079	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
82	080	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
83	081	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
84	082	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
85	083	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
86	084	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
87	085	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
88	086	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
89	087	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
90	088	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
91	089	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
92	090	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
93	091	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
94	092	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
95	093	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
96	094	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
97	095	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
98	096	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
99	097	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
100	098	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
101	099	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
102	100	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
103	101	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
104	102	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
105	103	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
106	104	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
107	105	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
108	106	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
109	107	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
110	108	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
111	109	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
112	110	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
113	111	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
114	112	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
115	113	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
116	114	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
117	115	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
118	116	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
119	117	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
120	118	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
121	119	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
122	120	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
123	121	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
124	122	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
125	123	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
126	124	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
127	125	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
128	126	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
129	127	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
130	128	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
131	129	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
132	130	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
133	131	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
134	132	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							
135	133	Thiết bị văn phòng	Đ	20	Đ	2.000.000							

Hình 38: Bảng tính khấu hao TSCĐ năm 2025

Thông tin trên Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2025 được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 641.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2025, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Phiếu kế toán”. Sau đó, chọn mục “Khấu hao”.
- + Tiếp theo, chọn “Khấu hao Tài sản cố định” kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.



Hình 39: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
PC01.00003	06/01/2025	Chi tiền dầu xe bán tải BKS 74C-091.94 HD 6020	641	1111	1.181.849
...	...	...	...	...	...
PC08.00034	27/08/2025	Chi tiền dầu xe bán tải BKS 74C-091.94 HD 288251	641	1111	NV2 1.203.718
PC08.00034	27/08/2025	Thuế đầu vào chi tiền dầu xe bán tải BKS 74C-091.94 HD 288251	13318	1111	96.298
...	...	...	...	...	...
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	641	3384	NV1 1.633.961
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	641	3383	9.259.110
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	641	3380	272.328
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	641	3389	544.652
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	641	3382	1.089.307
...	...	...	...	...	...
TinhluongBPBH	31/08/2025	Tính lương BPBH tháng 8/2025	641	3341	NV1 132.937.035
...	...	...	...	...	...
TinhKHTSCĐ	31/08/2025	Tính khấu hao TSCĐ tháng 8/2025	641	2141	NV3 12.205.257
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Hình 40: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu Sổ cái TK 641

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 641 Chi phí bán hàng

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
PC01.00003	06/01/2025	Chi tiền dầu xe bán tải BKS 74C-091.94 HD 6020	1111	1.181.849	
...	...	...	...	...	NV2
PC08.00034	27/08/2025	Chi tiền dầu xe bán tải BKS 74C-091.94 HD 288251	1111	1.203.718	
...	...	...	...	...	
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	3380	272.328	NV1
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	3389	544.652	
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	3383	9.259.110	
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	3382	1.089.307	
TinhBHXHBPBH	31/08/2025	Tính BHXH BP bán hàng tháng 8/2025	3384	1.633.961	
...	...	...	...	...	
TinhluongBPBH	31/08/2025	Tính lương BPBH tháng 8/2025	3341	132.937.035	NV1
...	...	...	...	...	
TinhKHTSCĐ	31/08/2025	Tính khấu hao TSCĐ tháng 8/2025	2147	12.205.257	NV3
...	...	...	...		
			Cộng số phát sinh	3.680.600.897	3.680.600.897
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	879.418.793	879.418.793
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	3.680.600.897	3.680.600.897

Số dư cuối kỳ

Hình 41: Trích mẫu Sổ Cái TK 641

2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

a. Đặc điểm của chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty bao gồm các loại chi phí như: chi phí trả tiền trang phục, trả tiền điện thoại, điện thắp sáng, khấu hao TSCĐ, tiền BHXH, tiền lương cho bộ phận gián tiếp,...

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi,...

- Sổ kế toán sử dụng

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái tài khoản 642

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí quản lý doanh nghiệp được khởi phát từ việc xác lập các nghiệp vụ tài chính gián tiếp như lương bộ phận quản lý, khấu hao tài sản cố định và các dịch vụ hạ tầng định kỳ. Sau khi nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành thu thập và tập hợp các chứng từ gốc liên quan bao gồm: Bảng lương, Bảng tính khấu hao, Hóa đơn GTGT và các hồ sơ đề nghị thanh toán. Đối với các khoản chi vận hành được trích nợ tự động, kế toán căn cứ vào Sao kê ngân hàng và Giấy báo Nợ để làm cơ sở đối chiếu. Sau khi đối chiếu và xác nhận tính khớp đúng của dữ liệu, kế toán thực hiện thao tác ghi nhận bút toán vào phần mềm Vs.ERP. Việc nhập liệu này đồng thời được hệ thống tự động cập nhật và đồng bộ hóa vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 642, đảm bảo tính liên tục và hệ thống của dữ liệu kế toán.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Dưới đây là 3 nghiệp vụ minh họa về kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

- Nghiệp vụ 1: Chi phí lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, TNLĐ cho nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (bộ phận gián tiếp).

- Nghiệp vụ 2: Dịch vụ mua ngoài (Chi tiền tiếp khách)

- Nghiệp vụ 3: Khấu hao TSCĐ

Nghiệp vụ 1: Chi phí lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, TNLĐ cho nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (bộ phận gián tiếp).

Ngày 31/08/2025, Công ty tính tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho

nhân viên bộ quản lý doanh nghiệp với số tiền là tiền lương: 48.076.451 VNĐ, BHYT: 444.974 VNĐ, BHXH: 2.521.517 VNĐ, TNLĐ: 74.162 VNĐ, BHTN: 148.325 VNĐ, KPCĐ: 296.649 VNĐ . Sau đó kế toán nhập chứng từ vào phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật dữ liệu vào các sổ liên quan như Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 642

Bảng tính lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM																	
CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH QUẢNG TRỊ																	
BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CBCNV																	
Tháng 08 năm 2025																	
TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày công	TỔNG LƯƠNG		Tiền lương lương	CÁC KHOẢN TRÍCH NHẬP TỪ LƯƠNG			TỔNG TIỀN LƯƠNG ĐƯỢC NHẬN	TS ngoại quy định	SỐ TIỀN GIẢM TRỪ CHA CẢNH	THU NHẬP TÍNH THUẾ	THUẾ TNCN	KHẤU TRỪ BH	THU HOÀN TẠM ƯƠNG	SỐ TIỀN CÒN LẠI THỰC NHẬN
				Hệ số	Tiền lương tối thiểu theo BS		10,5% BHXH	1% KPCĐ	Tổng cộng								
1	2	3	4	5	6 (5x1,06x0,0000)		7	8 (7x1,01)	9 (9x0,8)	10	11	12 (12x7,5)	13 (13x0,0000)	14	15	16 (16x7,5)	17 (17x7,5)
1	Hoàng Minh Hằng	Giám đốc	26	5,06	19.531.600		2.050.818	64.088	2.114.906	17.416.694	1	15.400.000	2.016.694	100.835	7.152.287		24.468.146
2	Nguyễn Thị Vinh	KTT	26	3,34	12.892.400		1.353.702	42.303	1.396.005	11.496.395	2	19.800.000			4.721.075	3.000.000	13.217.470
3	Trần Thị Lan	PTPHC.TQ	26	2,14	8.260.400		867.342	27.104	894.446	7.365.954		0			3.024.881		10.390.835
CỘNG:				10,54	40.684.400		4.271.862	133.496	4.405.358	36.279.042	3	35.200.000	2.016.694	100.835	14.898.243	3.000.000	48.076.451

Hình 42: Bảng tính – thanh toán lương cho cán bộ nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp

Bảng tính BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

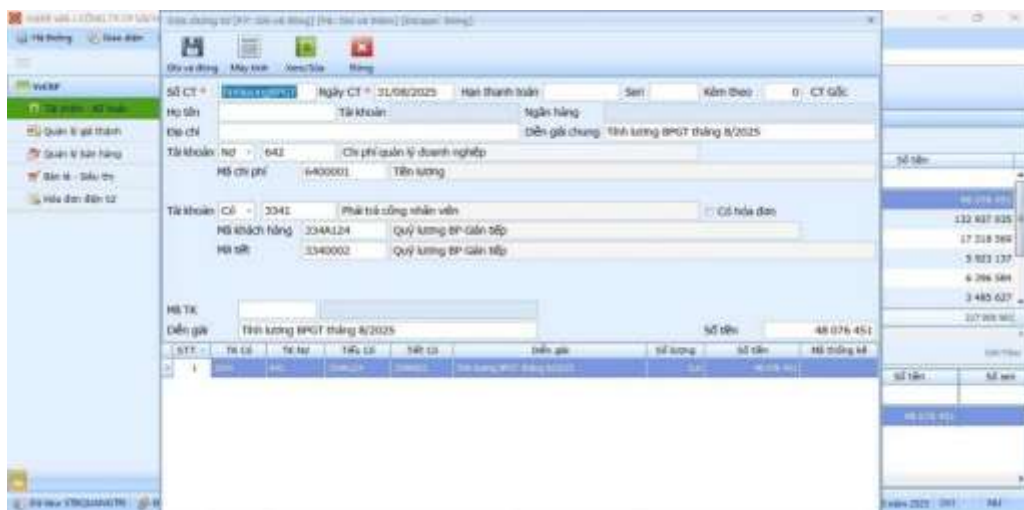
BẢNG TÍNH CHI PHÍ BHXH, KPCĐ THÁNG 8/2025													
STT	Họ tên	Mức lương mới 01/7/2024	Trích BHXH từ DN				Cộng	Khấu trừ người lao động			Cộng	Tổng cộng	
			BHXH 17%	TNLĐBN N	BHYT 3%	BHTN 1%		KPCĐ 2%	BHXH 8%	BHYT 1,5%			BHTN 1%
1	GIÁN TIẾP												
1	Hoàng Minh Hằng	4.547.500	773.075	22.738	136.425	45.475	90.950	1.068.663	363.800	68.213	45.475	477.488	1.546.150
2	Nguyễn Thị Vinh	5.626.950	956.582	28.135	168.809	56.270	112.539	1.322.333	450.156	84.404	56.270	590.830	1.913.163
3	Trần Thị Lan	4.658.000	791.860	23.290	139.740	46.580	93.160	1.094.630	372.640	69.870	46.580	489.090	1.583.720
Cộng		14.832.450	2.521.517	74.162	444.974	148.325	296.649	3.485.626	1.186.596	222.487	148.325	1.557.407	5.043.033

Hình 43: Bảng tính BHYT, KPCĐ cho cán bộ nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp

Thông tin trên Bảng tính tiền lương được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 642.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng tính tiền lương, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Tích hợp dữ liệu lương”.
- + Tiếp theo, chọn “Tính lương bộ phận gián tiếp tháng 08/2025”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.

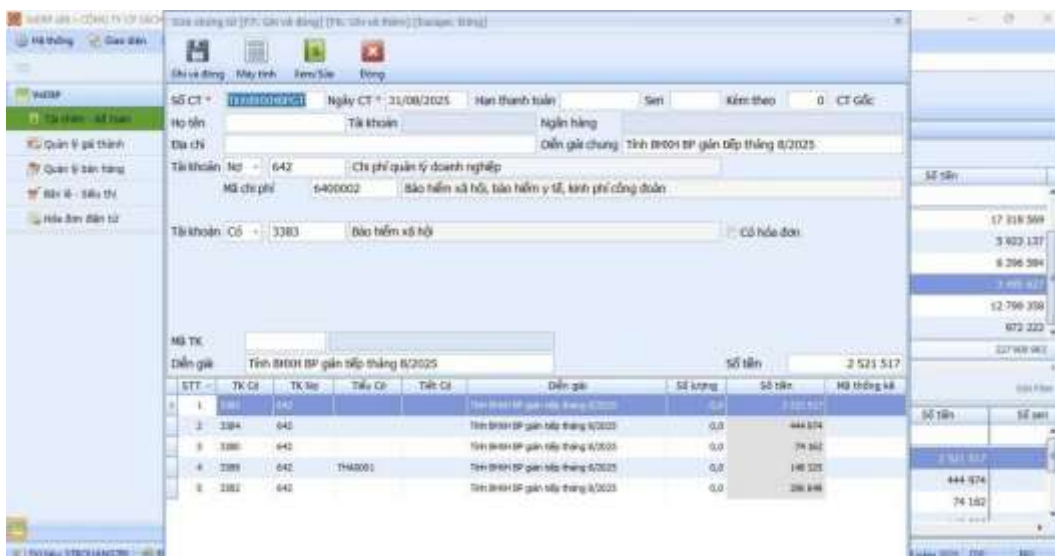


Hình 44: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Thông tin trên Bảng tính các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 642.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng tính các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Tích hợp dữ liệu lương”.
- + Tiếp theo, chọn “Tính Bảo hiểm xã hội bộ phận gián tiếp tháng 08/2025”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.



Hình 45: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Nghiệp vụ 2: Dịch vụ mua ngoài (Chi tiền tiếp khách)

Ngày 22/08/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị chi tiền tiếp khách Hóa đơn 00000414 với số tiền là 2.138.000 VNĐ, trong đó tiền Thuế GTGT là 158.370 VNĐ.

Hóa đơn số 00000414

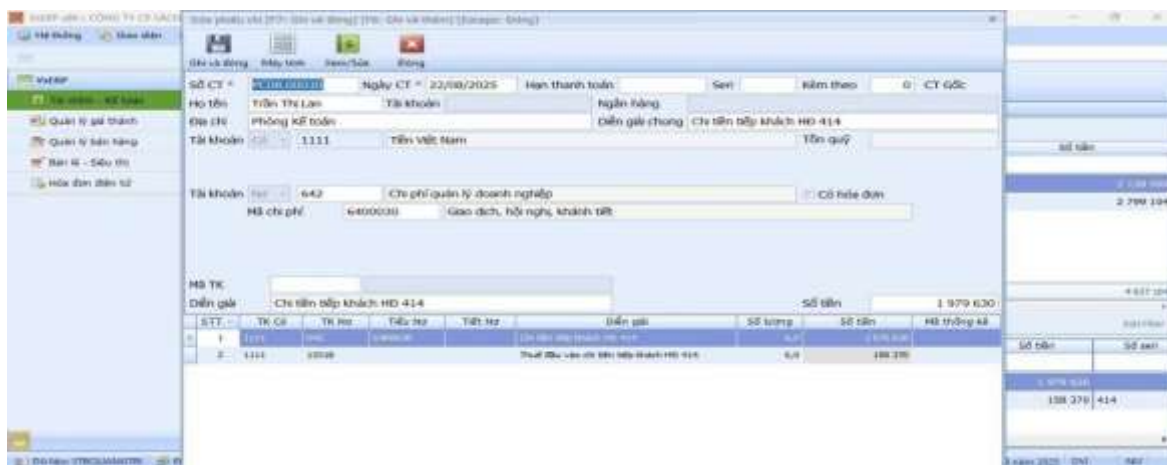
Đơn vị truyền, nhận và cung cấp giá nhận hóa đơn điện tử: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông, MFS: 0106869738, Điện thoại: 1900.1.260								
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (KHÖI TẠO TỪ MÁY TÍNH TIỀN) (VAT INVOICE)								
Ký hiệu (Serial): 1C25MYB Số (Invoice No.): 00000414								
Ngày (Date): 22 tháng (month) 08 năm (year) 2025 Mã CQT: MI-25-NCECE-0020000414								
Đơn vị bán hàng (Seller): Mã số thuế (Tax code): Địa chỉ (Address): Điện thoại (Tel.): Số tài khoản (A/C No.): Ngân hàng (Bank):	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG YÊN BÌNH 3200711567 153 Lê Thường Kiệt, Phường Nam Đồng Hồ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam 02333.599888 3902201009414 Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Đồng Hới							
Họ tên người mua (Buyer): Tên đơn vị (Company's name): Mã số thuế (Tax code): Địa chỉ (Address): Hình thức thanh toán (Payment method): Số tài khoản (A/C No.):	Cần cước công dân (ID Card): Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị 3200135169 Số 51 Lê Lợi, Phường Nam Đồng Hồ, tỉnh Quảng Trị Tiền mặt Số bộ chiếu (Passport No.):							
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Thành tiền sau thuế (Total)
1	Cà khê nằm	can	1	259.259,25	259.259	8%	20.740,74	280.000
2	Mực hấp	đĩa	2	199.074,07	398.148	8%	31.851,85	430.000
3	Đề tài chuẩn	đĩa	2	259.259,25	518.519	8%	41.481,48	560.000
4	Cà bông	tủ	2	60.185,18	120.370	8%	9.629,63	130.000
5	Tôm rùn	đĩa	2	115.740,74	231.481	8%	18.518,52	250.000
6	Rau rừng xào	đĩa	2	60.185,18	120.370	8%	9.629,63	130.000
7	Cánh chua cá	tô	2	87.962,96	175.926	8%	14.074,07	190.000
8	Con nẫu	niêu	9	12.962,96	116.667	8%	9.333,33	126.000
9	Nước suối	chai	7	5.555,55	38.889	8%	3.111,11	42.000
Cộng tiền hàng (Total amount):								1.979.630
Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):								158.370
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):								2.138.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ (Amount in words): Hai triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng								
NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name)					NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name)			
								

Hình 46: Trích mẫu Hóa đơn GTGT số 00000414

Thông tin trên Hóa đơn GTGT số 00000414 được kế toán nhập liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 642.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 00000141 ký hiệu 1C25MYB, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Nhập liệu”. Sau đó, chọn mục “Tiền mặt”, chọn “Phiếu chi”.
- + Tiếp theo, chọn “Phiếu chi 08.00030”, kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.



Hình 47: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Nghiệp vụ 3: Khấu hao TSCĐ

Ngày 31/08/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị tính khấu hao TSCĐ tháng 8 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp với số tiền là 5.113.312 VNĐ.

Bảng tính khấu hao TSCĐ năm 2025 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp

[illegible]

Hình 48: Bảng tính khấu hao TSCĐ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp năm 2025

Thông tin trên Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2025 được kế toán nhập số liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật qua Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 642.

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2025, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

- + Đăng nhập vào phần mềm
- + Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn “Phiếu kế toán”. Sau đó, chọn mục “Khấu hao”.
- + Tiếp theo, chọn “Khấu hao Tài sản cố định” kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: số chứng từ, ngày tháng, số tiền,...
- + Cuối cùng, kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.



Hình 49: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu sổ Nhật ký chung
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị
SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
PC01.00006	07/01/2025	Chi tiền Hội nghị tổng kết HĐ 007	642	1111	7.036.111
...	...	...	...	...	...
PC08.00030	22/08/2025	Thuế đầu vào chi tiền tiếp khách HĐ 414	13318	1111	158.370
PC08.00030	22/08/2025	Chi tiền tiếp khách HĐ 414	642	1111	1.979.630
...	...	...	...	...	...
TinhBHXHBPQT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	642	3382	296.649
TinhBHXHBPQT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	642	3383	2.521.517
TinhBHXHBPQT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	642	3384	444.974
TinhBHXHBPQT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	642	3389	148.325
TinhBHXHBPQT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	642	3380	74.162
...	...	...	...	...	...
TinhluongBPQT	31/08/2025	Tính lương BPQT tháng 8/2025	642	3341	48.076.451
...	...	...	...	...	...
TinhKHTSCĐ	31/08/2025	Tính khấu hao TSCĐ tháng 8/2025	642	2141	5.113.312
					283.012.573.244

Hình 50: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu Sổ cái TK 642

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
PC01.00006	07/01/2025	Chi tiền Hội nghị tổng kết HĐ 007	1111	7.036.111	
...	...	...	...	...	
PC08.00030	22/08/2025	Chi tiền tiếp khách HĐ 414	1111	1.979.630	NV2
...	...	...	...	...	
TinhBHXHBPGT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	3383	2.521.517	NV1
TinhBHXHBPGT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	3384	444.974	
TinhBHXHBPGT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	3382	296.649	
TinhBHXHBPGT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	3389	148.325	
TinhBHXHBPGT	31/08/2025	Tính BHXH BP gián tiếp tháng 8/2025	3380	74.162	
...	...	...	...	...	
TinhluongBPGT	31/08/2025	Tính lương BPBH tháng 8/2025	3341	48.076.451	NV1
...	...	...	...	...	
TinhKHTSCĐ	31/08/2025	Tính khấu hao TSCĐ tháng 8/2025	2141	5.113.312	NV3
...	...	...	...	...	
			Cộng số phát sinh	1.607.677.132	1.607.677.132
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	501.852.002	501.852.002
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	1.607.677.132	1.607.677.132

Số dư cuối kỳ

Hình 51: Trích mẫu Sổ Cái TK 642

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác tại Công ty

a. Đặc điểm của chi phí khác tại Công ty

Chi phí khác của Công ty phát sinh từ lãi chậm nộp thuế.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 “Chi phí khác”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ:

+ Bảng tính lãi chậm nộp thuế

+ Hóa đơn xử phạt, lãi chậm nộp thuế, BHXH,...

+ Phiếu chi, Ủy nhiệm chi

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái tài khoản 811

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí khác tại Công ty được xây dựng dựa trên tính thực tế và sự kịp thời của dòng tiền. Khi phát sinh các nghĩa vụ tài chính như thông báo lãi chậm nộp thuế, kế toán thực hiện chi trả qua hệ thống thuế điện tử và thu thập các chứng từ liên quan. Căn cứ vào Sao kê ngân hàng và Giấy báo Nợ làm chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra và xác thực tính hợp lệ của khoản chi trước khi đưa vào hệ thống xử lý. Sau khi đối chiếu và xác nhận tính khớp đúng của dữ liệu, kế toán thực hiện thao tác ghi nhận bút toán vào phần mềm Vs.ERP. Việc nhập liệu này đồng thời được hệ thống tự động cập nhật và đồng bộ hóa vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 811, đảm bảo tính liên tục và hệ thống của dữ liệu kế toán.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Nghiệp vụ: Ngày 31/10/2025, kế toán tính chi phí lãi chậm nộp thuế tháng 10 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị là 38.561 VNĐ.

Căn cứ vào thông báo lãi nộp chậm thuế kế toán nhập liệu vào phần mềm thì hệ thống sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 811.

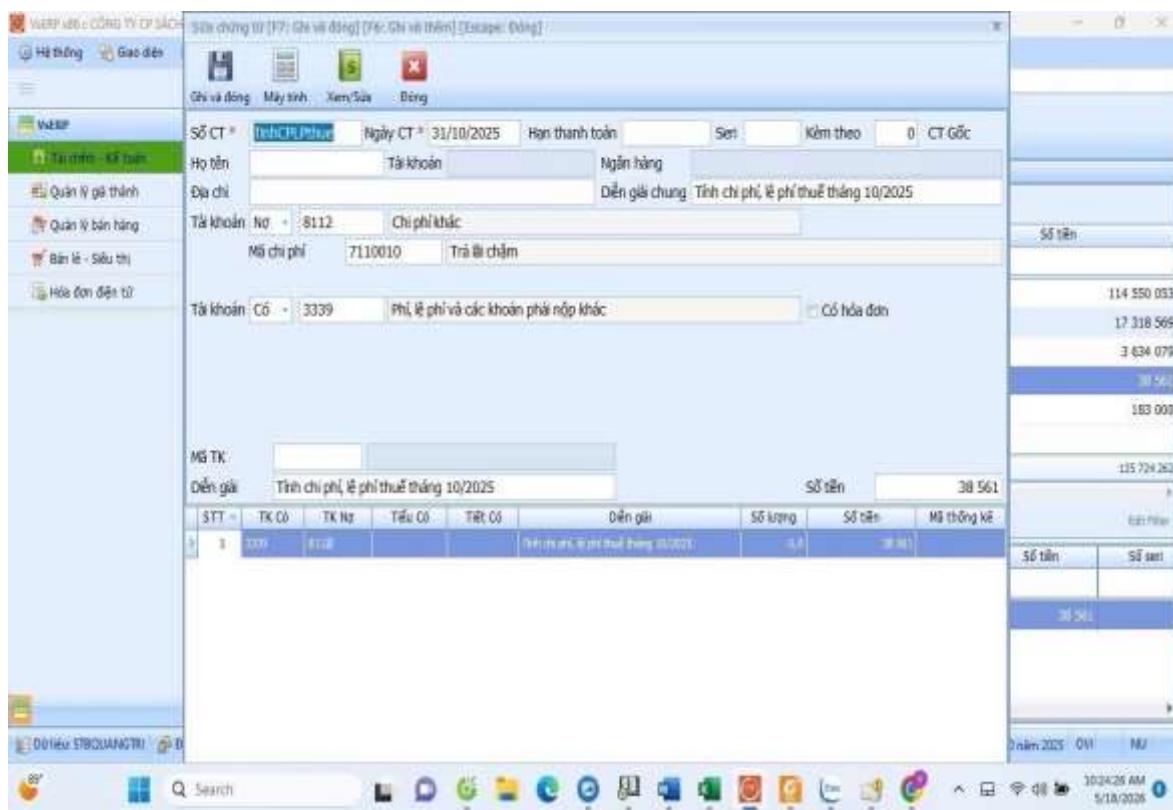
Khi nhập liệu vào phần mềm: Căn cứ vào thông báo lãi nộp chậm thuế, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

+ Đăng nhập vào phần mềm

+ Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “Tài chính – Kế toán”, chọn nhập liệu. Sau đó, chọn mục “Ngân hàng”, chọn “Ủy nhiệm chi”.

+ Tiếp theo, nhập “TinhCPLPthue”, chọn “TinhCPLPthue” kế toán sẽ kiểm tra lại các thông tin: ngày tháng, số tiền,...

+ Cuối cùng kế toán nhấn nút “Ghi và đóng”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ.



Hình 52: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
TinhCPLaichamNT	31/01/2025	Tính chi phí lãi chậm nộp thuế	811	3339	52.327
...	...	...	...	...	...
TinhCPLPthue	31/10/2025	Tính chi phí lãi chậm nộp thuế tháng 10/2025	811	3339	38.561
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 53: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu Sổ Cái TK 811

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 811 Chi phí khác
Năm 2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài khoản	Nợ	Có
TinhCPlaichamNT	31/01/2025	Tính chi phí lãi chậm nộp thuế	3339	52.327	
...	...	...	...		...
TinhCPLPthue	31/10/2025	Tính chi phí lãi chậm nộp thuế tháng 10/2025	3339	38.561	
...	...	...	...		
			Cộng số phát sinh	3.353.645	3.353.645
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	1.645.058	1.645.058
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	3.353.645	3.353.645

Số dư cuối kỳ

Hình 54: Trích mẫu Sổ Cái TK 811

2.2.2.6. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty

a. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

c. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ:

+ Tờ khai quyết toán thuế TNDN

+ Bảng tính thuế

+ Thông báo thuế

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái tài khoản 821

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành được bắt đầu vào thời điểm cuối kỳ kế toán khi xác định nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước. Đầu tiên, kế toán tổng hợp thực hiện rà soát, điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế dựa trên Bảng tính thuế và

Tờ khai quyết toán thuế TNDN. Sau khi xác định chính xác số thuế phải nộp căn cứ theo Thông báo thuế hoặc dữ liệu quyết toán tự tính, bộ hồ sơ chứng từ được trình duyệt để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật thuế hiện hành. Sau khi đối chiếu và xác nhận tính khớp đúng của dữ liệu, kế toán thực hiện thao tác ghi nhận bút toán vào phần mềm Vs.ERP. Việc nhập liệu này đồng thời được hệ thống tự động cập nhật và đồng bộ hóa vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 821, đảm bảo tính liên tục và hệ thống của dữ liệu kế toán.

e. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Nghiệp vụ: Trong năm tài chính 2025, Công ty có kết quả hoạt động kinh doanh là lỗ (Số tiền: 2.458.090.839 VNĐ). Căn cứ theo quy định tại Luật Thuế TNDN hiện hành, Công ty không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế TNDN trong kỳ.

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: ☒ [03] Số lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ

[05] Tỷ lệ (%): 90,00

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC C QUẢNG TRỊ

[07] Mã số thuế: 3200135169

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(2.458.090.839)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1 = B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá trị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8 = B9 + B10 + B11 + B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13 = A1 + B1 - B8)	B13	(2.458.090.839)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(2.458.090.839)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(2.458.090.839)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3 = C3a + C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4 = C1 - C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6 = C4 - C5 = C7 + C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế áp dụng theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 = (C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chính sách ưu đãi mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thủ kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ và lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3 = D1 - D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0

Hình 55: Trích tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN) trang 1/2

5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0	0	0	0	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0					0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHCHN	E5 - Trong đó (13) mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột (14) mục III trên bảng kê 03-6	0	0	0	0	0	
Tổng cộng				0	0	0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Người ký: Hoàng Minh Hằng

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày ký: 26/03/2026

Hình 56: Trích tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN) trang 2/2

PHỤ LỤC 03-1A			
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)			
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam			
STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	36.631.650.329
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	16.629.746
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	16.629.746
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	38.973.034.985
a	Giá vốn hàng bán	[13]	33.684.756.956
b	Chi phí bán hàng	[14]	3.680.600.897
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.607.677.132
5	Chi phí tài chính	[16]	129.982.284
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	129.982.284
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(2.454.737.194)
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	3.353.645
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(3.353.645)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(2.458.090.839)

Hình 57: Trích phụ lục 03-1A Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

PHỤ LỤC 03-2/TNDN					
CHUYỂN LỖ					
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam					
STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0
5	2024	0	0	0	0
Tổng cộng				0	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0
5	2024	0	0	0	0
Tổng cộng				0	

Hình 58: Trích phụ lục 03-2/TNDN chuyển lỗ

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

2.2.3.1. Đặc điểm của kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

- Thời điểm: Công ty áp dụng kết chuyển theo tháng.
- Công ty xác định kết quả theo từng mặt hàng kinh doanh.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Các tài khoản chi tiết theo dõi Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

2.2.3.3. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái TK 911

+ Sổ chi tiết

TK 91111: Xác định kết quả kinh doanh Sách giáo khoa

TK 91112: Xác định kết quả kinh doanh Sách tham khảo

TK 91114: Xác định kết quả kinh doanh Văn phòng phẩm

TK 91117: Xác định kết quả kinh doanh Thiết bị giáo dục

TK 91151: Xác định kết quả kinh doanh Hoạt động tài chính

TK 91181: Xác định kết quả kinh doanh khác

2.2.3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ

Giai đoạn khóa sổ, kế toán đối soát dữ liệu doanh thu và chi phí từ các sổ chi tiết để đảm bảo tính khớp đúng. Tiếp theo, dữ liệu được nhập vào phần mềm Vs.ERP, hệ thống sẽ tự động đồng bộ hóa số liệu sang Siir chi tiết, Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 911. Cuối cùng, phần mềm tự động kích hoạt chức năng kết chuyển để xác định lợi nhuận sau thuế (Lãi: Nợ TK 911/Có TK 421; Lỗ: Nợ TK 421/Có TK 911), hoàn tất cơ sở dữ liệu để lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.5. Nghiệp vụ minh họa phát sinh thực tế tại Công ty

Nghiệp vụ: Kết chuyển doanh thu, chi phí tháng 12.

Trích mẫu Sổ Cái TK 91111, TK 91112, TK 91114, 91117, 91151, 91181

(Phụ lục 3: Trích mẫu Sổ chi tiết TK 911)

Khi nhập liệu: Căn cứ vào Phiếu kế toán trong tháng, kế toán mở phần mềm Vs.ERP mà Công ty đang sử dụng, thực hiện các thao tác như sau:

+ Đăng nhập vào phần mềm

+ Trên giao diện chính của phần mềm, vào danh mục “ Tài chính – Kế toán ”, chọn Nhập liệu. Sau đó, chọn mục “ Kết chuyển”.

+ Tiếp theo, chọn “ Kết chuyển lãi tháng 12 ” , “ Kết chuyển lỗ tháng 12 ”, kế toán kiểm tra lại tất cả các thông tin.

+ Cuối cùng, kế toán nhấn nút “ Ghi và đóng ”, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan.

The screenshot shows the 'Kết chuyển' (Transfer) screen in the accounting software. The interface includes a sidebar with navigation options like 'Hệ thống', 'Giao diện', 'Voucher', 'Tài chính - Kế toán', 'Quản lý giá thành', 'Quản lý bán hàng', 'Bán lẻ - Siêu thị', and 'Hóa đơn điện tử'. The main area contains several input fields for 'Số CT' (31/12/2025), 'Ngày CT' (31/12/2025), 'Hạn thanh toán', 'Số tiền', 'Kiểm theo', and 'CT Gốc'. Below these are fields for 'Họ tên', 'Tài khoản', 'Ngân hàng', 'Địa chỉ', and 'Đến gửi chung'. A table with columns 'STT', 'TK Có', 'TK Nợ', 'Tiểu Có', 'Tiểu Nợ', 'Đến gửi', 'Số lượng', 'Số tiền', and 'Mã thống kê' is visible. The table contains two rows of data. On the right side, there is a vertical list of account numbers and a summary section with 'Số tiền' and 'Số seri'.

Hình 59: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

The screenshot shows the 'Kết chuyển' (Transfer) screen in the accounting software. The interface includes a sidebar with navigation options like 'Hệ thống', 'Giao diện', 'Voucher', 'Tài chính - Kế toán', 'Quản lý giá thành', 'Quản lý bán hàng', 'Bán lẻ - Siêu thị', and 'Hóa đơn điện tử'. The main area contains several input fields for 'Số CT' (31/12/2025), 'Ngày CT' (31/12/2025), 'Hạn thanh toán', 'Số tiền', 'Kiểm theo', and 'CT Gốc'. Below these are fields for 'Họ tên', 'Tài khoản', 'Ngân hàng', 'Địa chỉ', and 'Đến gửi chung'. A table with columns 'STT', 'TK Có', 'TK Nợ', 'Tiểu Có', 'Tiểu Nợ', 'Đến gửi', 'Số lượng', 'Số tiền', and 'Mã thống kê' is visible. The table contains five rows of data. On the right side, there is a vertical list of account numbers and a summary section with 'Số tiền' and 'Số seri'.

Hình 60: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Số chứng từ	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...	...	...	...	...	...
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	91117	641	44.343.610
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	91181	641	36.689.778
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	91111	641	201.409.336
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	91112	641	44.576.355
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	91114	641	49.680.129
KCCPLPthue	31/12/2025	Kết chuyển chi phí, lệ phí thuế tháng 12/2025	91181	8112	1.327.511
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	91112	642	28.264.899
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	91181	642	23.264.192
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	91114	642	31.501.092
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	91111	642	87.077.076
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	91117	642	28.117.321
KCCPTC	31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính	91151	635	3.755.215
KCDTkhac	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu khác tháng 12/2025	5118	91181	155.217.286
KCDTSGK	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu SGK tháng 12/2025	51111	91111	852.068.685
KCDTSTK	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu STK tháng 12/2025	51112	91112	188.581.705
KCDTTBGD	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu TBGD tháng 12/2025	51117	91117	187.597.070
KCDTTC	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính tháng 12/2025	515	91151	2.982.165
KCDTVPP	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu VPP tháng 12/2025	51114	91114	210.173.388
KCGVBĐSDT	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn BĐSĐT tháng 12/2025	91181	6327	5.923.137
KCGVKhac	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn khác tháng 12/2025	91181	63218	3.001.169
KCGVSGK	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán SGK tháng 12/2025	91111	63211	2.155.429.980
KCGVSTK	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán STK tháng 12/2025	91112	63212	171.210.684
KCGVTBGD	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán TBGD tháng 12/2025	91117	63217	75.221.543
KCGVVPP	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán VPP tháng 12/2025	91114	63214	146.855.749
KClai	31/12/2025	Kết chuyển lãi tháng 12/2025	91117	4212	39.914.596
KClai	31/12/2025	Kết chuyển lãi tháng 12/2025	91181	4212	85.011.499
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212	91151	773.050
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212	91117	0
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212	91112	55.470.233
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212	91114	17.863.582
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212	91111	1.591.847.707
...	...	...	...	...	...
					283.012.573.244

Hình 61: Trích mẫu Sổ Nhật ký chung

Trích mẫu Sổ Cái TK 911

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 911 Xác định kết quả kinh doanh

Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	201.409.336	
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	49.680.129	
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	36.689.778	
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	44.576.355	
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	44.343.610	
KCCPLPthue	31/12/2025	Kết chuyển chi phí, lệ phí thuế tháng 12/2025	8112	1.327.511	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	28.117.321	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	31.501.092	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	87.077.076	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	28.264.899	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	23.264.192	
KCCPTC	31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính	635	3.755.215	
KCDTKhac	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu khác tháng 12/2025	5118		155.217.286
KCDTSGK	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu SGK tháng 12/2025	51111		852.068.685
KCDTSTK	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu STK tháng 12/2025	51112		188.581.705
KCDTTBGD	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu TBGD tháng 12/2025	51117		187.597.070
KCDTTC	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính tháng 12/2025	515		2.982.165
KCDTVPP	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu VPP tháng 12/2025	51114		210.173.388
KCGVBĐSĐT	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn BĐSĐT tháng 12/2025	6327	5.923.137	
KCGVKhac	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn khác tháng 12/2025	63218	3.001.169	
KCGVSGK	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán SGK tháng 12/2025	63211	2.155.429.980	
KCGVSTK	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán STK tháng 12/2025	63212	171.210.684	
KCGVTBGD	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán TBGD tháng 12/2025	63217	75.221.543	
KCGVVPP	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán VPP tháng 12/2025	63214	146.855.749	
KClai	31/12/2025	Kết chuyển lãi tháng 12/2025	4212	85.011.499	
KClai	31/12/2025	Kết chuyển lãi tháng 12/2025	4212	39.914.596	
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		773.050
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		55.470.233
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		1.591.847.707
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		17.863.582
			Cộng số phát sinh	40.869.544.774	40.869.544.774
			Lũy kế phát sinh từ đầu quý	8.932.540.804	8.932.540.804
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm	40.869.544.774	40.869.544.774

Hình 62: Trích mẫu Sổ Cái TK 911

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Công ty CP Sách và Thiết bị
Trường học Quảng Trị

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo thông tư
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ
trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2025

Đơn vị tính: Việt Nam
Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	36.631.650.329	49.811.225.611
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			735.670.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		36.631.650.329	49.075.555.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	33.684.756.956	42.240.207.471
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.946.893.373	6.835.347.595
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	16.629.746	141.878.732
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	129.982.284	608.709.005
- Trong đó: Chi phí lãi cá nhân ngắn hạn	23			81.826.695
- Trong đó: Lãi tiền vay Ngân hàng	23.		129.982.284	139.077.756
8. Chi phí bán hàng	24		3.680.600.897	4.302.238.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.607.677.132	1.585.618.296
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(2.454.737.194)	480.660.787
11. Thu nhập khác	31			1.815.000
12. Chi phí khác	32		3.353.645	20.802.498
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.353.645)	(18.987.498)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.458.090.839)	461.673.289
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		103.283.353
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.458.090.839)	358.389.936
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Hình 63: Trích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Công tác tổ chức và quản lý chung

- Tổ chức bộ máy quản lý: Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy đơn giản, gọn nhẹ phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty nhưng vẫn đảm bảo công việc hiệu quả ở từng bộ phận, phân chia công việc, phù hợp với năng lực, trình độ của từng bộ phận, từng người trong Công ty.

- Nhân viên đoàn kết, giúp đỡ nhau trong công việc đảm bảo mỗi duy trì liên quan chặt chẽ để đạt hiệu quả công việc cao nhất.

3.1.1.2. Công tác tổ chức kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán : Bộ máy kế toán của Công ty phù hợp với tình hình thực tế về quy mô hoạt động, loại hình kinh doanh.

- Bộ máy kế toán của Công ty đơn giản, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, đội ngũ kế toán làm việc có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm tốt, kế toán trưởng làm việc lâu năm có kinh nghiệm thực tế, sử dụng thành thạo tin học văn phòng và phần mềm kế toán về nghiệp vụ kế toán.

- Hình thức kế toán: Hình thức ghi sổ Công ty sử dụng là nhật ký chung phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty cũng như dễ dàng, thuận tiện hơn trong việc sử dụng phần mềm, giúp giảm bớt khối lượng ghi chép, quá trình tính toán, ghi chép không bị giới hạn về khả năng lưu trữ, mỗi nhân viên đều trang bị một máy tính, làm việc độc lập và khả năng đảm bảo tính bảo mật cao, mọi thông tin đều được kế toán trưởng quản lý chặt chẽ.

- Hệ thống tài khoản sử dụng: Doanh nghiệp áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ tài chính, hệ thống tài khoản được lập đầy đủ. Hơn nữa, doanh nghiệp còn mở tài khoản rất chi tiết để theo dõi cụ thể từng loại mặt hàng mà doanh nghiệp đang có. Đây là một điều rất đáng khen ngợi.

- Hệ thống sổ sách chứng từ kế toán: Công ty đã tuân thủ quy định về chính sách kế toán, các nghiệp vụ, chứng từ sổ sách sử dụng dựa trên thông tư 200/2014/TT-BTC. Sổ kế toán được sử dụng để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh.

- Phần mềm kế toán áp dụng: Công ty đang sử dụng phần mềm Vs.ERP nên

công việc được thực hiện hiệu quả hơn. Việc ghi chép nhanh chóng, dễ dàng, chính xác, chỉ cần thao tác nhập liệu vào phần mềm thì có thể in ra đầy đủ báo cáo, sổ sách liên quan.

- Hệ thống báo cáo kế toán: Hệ thống báo cáo kế toán tài chính được Công ty xây dựng đầy đủ đáp ứng yêu cầu kiểm tra hoạt động kinh doanh của đơn vị cũng như của cơ quan nhà nước.

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Công tác tổ chức và quản lý chung

- Áp lực từ tính mùa vụ và quản lý nhân sự cao điểm: Do bộ máy quản lý được tổ chức theo hướng tinh gọn, đơn giản nên số lượng nhân sự khá ít. Mô hình này vận hành tốt trong điều kiện bình thường nhưng dễ gây quá tải vào mùa cao điểm (Quý II và Quý III - thời điểm chuẩn bị năm học mới). Việc thiếu hụt nhân sự quản lý trung cấp dẫn đến tình trạng cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc, dễ gây chậm trễ trong khâu điều phối hàng hóa hoặc xử lý các sự cố phát sinh tại địa phương.

- Rủi ro quản lý hàng tồn kho từ chính sách đổi mới giáo dục: Việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới với nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau khiến công ty gặp khó khăn trong công tác dự báo nhu cầu thị trường. Sự thay đổi lựa chọn bộ sách của các trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tạo ra rủi ro tồn kho lỗi thời lớn. Các đầu sách cũ rất khó thanh lý, gây ứ đọng vốn và nguy cơ tổn thất tài chính cho doanh nghiệp.

- Mô hình kinh doanh chậm đổi mới và áp lực cạnh tranh gay gắt từ thị trường: Các cửa hàng vẫn vận hành theo lối truyền thống, cơ sở vật chất chưa hiện đại và danh mục sản phẩm còn nặng tính giáo khoa, thiếu các phân khúc lợi nhuận cao. Đồng thời, công ty chịu sức ép lớn từ các nhà sách tư nhân có chiết khấu linh hoạt và sự bùng nổ của các sàn thương mại điện tử như TikTok Shop, Shopee.

3.1.2.2. Công tác tổ chức kế toán

a. *Hạch toán sai quy trình đối với các khoản chiết khấu:* Doanh nghiệp đang áp dụng phương thức trừ trực tiếp chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán trên hóa đơn mà không theo dõi riêng qua TK 521 (Các khoản giảm trừ doanh thu) và TK 635 (Chi phí tài chính). Việc này làm mất đi tính minh bạch của thông tin kế toán, gây khó khăn cho việc kiểm soát chi phí và phân tích hiệu quả các chính sách bán hàng.

b. *Chính sách giá cứng nhắc, thiếu công cụ kích cầu:* Việc duy trì giá bìa cố định và hoàn toàn không có chính sách chiết khấu, ưu đãi cho khách hàng nhỏ lẻ làm giảm năng lực cạnh tranh, khiến doanh nghiệp khó tối ưu hóa doanh thu từ phân khúc tệp khách hàng này.

c. *Sai sót trong việc xử lý chênh lệch giữa Kế toán và Thuế*: Doanh nghiệp bỏ sót các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế tại chỉ tiêu B4 trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Tờ khai 03/TNDN). Sai sót này làm "phình to số lỗ ảo" được chuyển kỳ sau, dẫn đến rủi ro bị cơ quan thuế truy thu và xử phạt hành chính do khai sai căn cứ tính thuế.

d. *Sự bất nhất trong chuẩn hóa danh mục nhân sự liên thông*: Việc lộn xộn, thiếu đồng nhất về danh sách họ tên và thứ tự giữa bảng lương và bảng tính bảo hiểm gây ra rủi ro về tính toàn vẹn dữ liệu. Sự đứt gãy trong cấu trúc định danh này buộc doanh nghiệp phải đối soát thủ công, gây lãng phí nguồn lực và dễ phát sinh sai sót trọng yếu khi quy mô nhân sự mở rộng. Đây là rào cản trực tiếp ngăn chặn khả năng tự động hóa và đồng bộ hóa thông tin trong lộ trình chuyển đổi số của đơn vị.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

3.2.1. Công tác tổ chức và quản lý chung

- Giải pháp khắc phục áp lực mùa vụ và tối ưu hóa nhân sự:

Xây dựng lực lượng nhân sự thời vụ: Thiết lập mạng lưới cộng tác viên hoặc nhân sự bán thời gian (sinh viên, lao động tự do) cho giai đoạn cao điểm (Quý II và Quý III) để giảm tải cho bộ máy chính thức.

- Giải pháp giảm thiểu rủi ro tồn kho từ chính sách đổi mới giáo dục:

+ Áp dụng mô hình quản trị tồn kho linh hoạt: Chuyển dịch từ chiến lược "mua hàng tích trữ" sang "mua hàng vừa đủ". Thương lượng với các nhà xuất bản về điều khoản hỗ trợ đổi trả hoặc ký gửi đối với các đầu sách biến động cao.

+ Ứng dụng mô hình cung ứng linh hoạt theo điểm đặt hàng: Thay vì nhập hàng số lượng lớn một lần dựa trên dự báo, doanh nghiệp chuyển sang chiến lược chia nhỏ các đợt cung ứng. Thực hiện nhập trước một lượng hàng an toàn vừa đủ cho đợt cao điểm đầu tiên, sau đó theo dõi tốc độ tiêu thụ thực tế để kích hoạt các lệnh đặt hàng bổ sung với thời gian giao hàng ngắn, nhằm triệt tiêu nguy cơ thừa hàng khi thị trường thay đổi lựa chọn bộ sách.

- Giải pháp hiện đại hóa mô hình kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh:

+ Tối ưu hóa hệ sinh thái sản phẩm quanh Sách giáo khoa: Duy trì vị thế chủ đạo của Sách giáo khoa để giữ chân luồng khách hàng ổn định, đồng thời thực hiện chiến lược “ bán chéo ” với đồ chơi trí tuệ, văn phòng phẩm cao cấp và sách tham khảo. Phát triển các gói combo " Ngày hội đến trường" tích hợp đầy đủ tiện ích nhằm tăng giá trị đơn hàng và cải thiện biên lợi nhuận trên mỗi khách hàng.

+ Chuyển đổi nhà sách thành điểm đến trải nghiệm và số hóa: Nâng cấp không

gian vật lý theo hướng tích hợp khu vực đọc sách, cà phê và tổ chức workshop giáo dục để tăng thời gian lưu trú của khách hàng. Đồng thời, tận dụng tệp khách mua SGK không lồ để điều hướng sang các gian hàng chính hãng trên Shopee, TikTok Shop, giúp duy trì tương tác và doanh số trong cả những giai đoạn thấp điểm.

3.2.2. Công tác tổ chức kế toán

a. Hạch toán sai quy trình đối với các khoản chiết khấu:

Cần hạch toán tách rời giữa phần doanh thu bán hàng hóa với chiết khấu thương mại, thanh toán để phản ánh đúng bản chất kinh tế của từng giao dịch theo chuẩn mực kế toán, giúp "số liệu biết nói" trong việc đánh giá mức độ trung thành của khách hàng và hiệu quả dòng tiền.

Ví dụ minh họa: Em hạch toán tách rời giữa phần doanh thu bán hàng hóa với chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán ở nghiệp vụ 1.

➤ Ngày 30/06/2025, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị xuất hàng hóa theo hóa đơn số 00000655 trang 42, 43, 44 cho Nhà sách Hồng Duyên với số tiền là 14.466.000 đồng, chiết khấu 1.927.420 đồng, khách hàng đã thanh toán trước toàn bộ số tiền.

Tổng cộng	914	Tiền hàng	14.466.000
Chiết khấu bán hàng: 13,32 %		Tiền chiết khấu	1.927.420
Tổng tiền hàng (Chưa có thuế GTGT):			12.538.580
Thuế suất thuế GTGT: KCT		Tiền thuế GTGT:	0
		Tổng số tiền thanh toán (có thuế GTGT):	12.538.580
Số tiền viết bằng chữ : Mười hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng			

Đơn vị tính: đồng

Thực tế tại Công ty	Đề xuất
Hạch toán :	Hạch toán:
Nợ TK 13117 12.538.580	- Doanh thu bán hàng (i)
Có TK 51111 12.538.580	Nợ TK 13117 14.466.000
Có TK 333114 0	Có TK 51111 14.466.000
	Có TK 333114 0
	- Chiết khấu thương mại (ii)
	Nợ TK 521 1.493.440
	Có TK 13117 1.493.440
	- Chiết khấu thanh toán (iii)
	Nợ TK 635 433.980
	Có TK 13117 433.980

Giải thích:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00000655 trang 42, 43, 44 và Chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu cho khách hàng là đối tác (*Phụ lục 1: Chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu cho khách hàng là đối tác*).

(i) Doanh thu bán hàng là 14.466.000 đồng nhưng số tiền thực tế ghi nhận trên sổ sách sau khi trừ chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán là 12.538.580 đồng.

(ii) Chiết khấu thương mại là 1.493.440 đồng

Tách chiết khấu thương mại

Tên mặt hàng (STT các mặt hàng ở Hóa đơn GTGT 00000655 trang 42,43,44)	Thành tiền trước chiết khấu	Mức chiết khấu thương mại	Thành tiền sau chiết khấu thương mại
1,2	660.000 + 690.000 Tổng: 1.350.000	8%	108.000
3,6,7,8,9,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24, 25,26,27,28, 29,34	220.000 + 1.050.000 + 1.280.000 + 1.092.000 + 635.000 + 552.000 + 510.000 + 252.000 + 180.000 + 717.000 + 306.000 + 276.000 + 274.000 + 272.000 + 160.000 + 600.000 + 180.000 + 160.000 + 300.000 Tổng: 9.016.000	9%	811.440
4,5,10,11,12, 13,14,15,21, 30,31,32,33	220.000 + 280.000 + 570.000 + 270.000 + 360.000 + 240.000 + 340.000 + 300.000 + 440.000 + 162.000 + 198.000 + 320.000 + 400.000 Tổng: 4.100.000	14%	574.000
Tổng	14.466.000		1.493.440

(iii) Chiết khấu thanh toán là 433.980 đồng ($14.466.000 \times 3\%$) do khách hàng thanh toán trước toàn bộ số tiền nên được hưởng chiết khấu là 3% trên tổng giá trị hàng hóa.

b. Chính sách giá cứng nhắc, thiếu công cụ kích cầu:

Thiết kế chương trình “Thẻ thành viên tích điểm”. Cụ thể, việc triển khai hệ thống “Thẻ thành viên tích điểm” là một giải pháp chiến lược nhằm tối ưu hóa quan hệ khách hàng mà không làm ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu. Giải pháp này giúp công ty duy trì được giá trị thương hiệu và sự ổn định của giá bìa niêm yết, đồng thời tạo động lực tâm lý thôi thúc khách hàng quay trở lại để sử dụng số điểm đã tích lũy cho những lần mua sắm tiếp theo. Quan trọng hơn, thông qua quá trình đăng ký thành viên, bộ phận kế toán và kinh doanh có thể thu thập được hệ thống dữ liệu định danh khách hàng (tên, số điện thoại, sở hữu hành vi mua sắm). Đây là nguồn nguyên liệu quý giá để kế toán quản trị thực hiện phân tích phân khúc thị trường, từ đó đưa ra các dự báo chính xác về nhu cầu hàng hóa theo mùa vụ - như cao điểm sách giáo khoa hay văn phòng phẩm - giúp tối ưu hóa lượng hàng tồn kho và giảm thiểu chi phí vốn. Đồng thời, việc cá nhân hóa công tác chăm sóc khách hàng dựa trên dữ liệu thành viên sẽ giúp công ty xây dựng được tệp khách hàng trung thành, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh thị trường bán lẻ sách đang ngày càng khốc liệt.

Thẻ thành viên tích điểm minh họa



Hình 64: Thẻ thành viên tích điểm

Dù bước đầu còn những hạn chế về mặt kinh nghiệm, nhưng với tinh thần cầu thị, em luôn chủ động học hỏi và trao đổi trực tiếp với các anh chị khi gặp những nghiệp vụ mới hoặc chưa rõ. Đồng thời, em luôn ý thức chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định của Công ty cũng như giữ gìn đạo đức nghề nghiệp. Những trải nghiệm thực tế này không chỉ giúp em củng cố kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện tư duy cẩn trọng, tính kiên trì và tác phong làm việc trách nhiệm.

c. Sai sót trong việc xử lý chênh lệch giữa Kế toán và Thuế:

Khoản chi phí lãi nộp chậm thuế là chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (3.353.645 VND) bắt buộc phải được bóc tách và khai báo tăng thu nhập chịu thuế tại chi tiêu B4, kể cả khi doanh nghiệp đang lỗ. Khi đưa số liệu này vào,

các chỉ tiêu liên quan trên tờ khai sẽ thay đổi như sau:

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu trên tờ khai 03/TNDN	Số liệu cũ	Số liệu đề xuất sửa
B4	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	0	3.353.645
B1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	0	3.353.645
B14	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(2.458.090.839)	(2.454.737.194)
B13	Tổng thu nhập chịu thuế	(2.458.090.839)	(2.454.737.194)
C1 = B14	Thu nhập chịu thuế	(2.458.090.839)	(2.454.737.194)

d. Sự bất nhất trong chuẩn hóa danh mục nhân sự liên thông:

Để khắc phục tình trạng lộn xộn trong quản lý danh mục và tạo tiền đề cho việc tự động hóa đồng bộ thông tin, em đề xuất thay đổi phương thức định danh nhân sự theo bảng so sánh dưới đây:

Thực tế tại Công ty		Đề xuất	
STT	Họ và tên	STT	Họ và tên
1	Trần Thị Kiên Nhân	1	Thái Thị Hòa
2	Bùi Thị Hồng	2	Nguyễn Khoa Nam Hậu
3	Hoàng Thị Mai	3	Nguyễn Lương Tương
4	Lê Thị Minh Hà	4	Lê Anh Tú
5	Phạm Thị Hưng	5	Bùi Thị Hồng
6	Trần Thị Thanh Phương	6	Lê Thị Hà Lam
7	Lê Thị Hà Lam	7	Lê Thị Minh Hà
8	Nguyễn Lương Tương	8	Phạm Thị Hưng
9	Lê Anh Tú	9	Trần Thị Thanh Phương
10	Nguyễn Khoa Nam Hậu	10	Hoàng Thị Mai
11	Thái Thị Hòa	11	Trần Thị Kiên Nhân
12	Phạm Ngọc Đình	12	Phạm Ngọc Đình
13	Hoàng Văn Khánh	13	Hoàng Văn Khánh

KẾT LUẬN

Sau thời gian nghiên cứu lý luận kết hợp với quá trình khảo sát thực tế tại đơn vị, đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị” đã hoàn thành toàn bộ các mục tiêu đặt ra. Khóa luận tốt nghiệp đã phản ánh trung thực mối quan hệ giữa lý thuyết chuẩn mực kế toán và thực tiễn vận hành tài chính tại doanh nghiệp thông qua ba kết quả cốt lõi:

Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa toàn diện cơ sở lý thuyết về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và quy trình khóa sổ, xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, tạo nền tảng vững chắc để đối chiếu với thực tế.

Về mặt thực trạng: Khóa luận đã mô tả chi tiết bức tranh kế toán tài chính năm 2025 của đơn vị. Đồng thời, nhận diện chính xác các nút thắt lớn như: áp lực gánh nặng nhân sự mang tính mùa vụ, rủi ro tồn kho từ chính sách đổi mới giáo dục, và sai sót nghiệp vụ trong việc xử lý chênh lệch Kế toán - Thuế khi bỏ sót chi phí không được trừ tại chỉ tiêu B4 trên Tờ khai thuế TNDN.

Về giải pháp hoàn thiện: Trên cơ sở khoa học, đề tài đã đề xuất hệ thống khuyến nghị mang tính khả thi cao. Từ việc điều chỉnh kỹ thuật số liệu trên Tờ khai thuế (Mẫu 03/TNDN) nhằm triệt tiêu rủi ro pháp lý, ứng dụng mô hình cung ứng theo điểm đặt hàng tối ưu để giảm rủi ro lỗi thời, cho đến chiến lược phát triển kênh phân phối đa kênh. Các giải pháp này kỳ vọng sẽ góp phần tối ưu hóa hiệu quả quản trị tài chính cho doanh nghiệp.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do giới hạn về kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy cô trong Hội đồng để đề tài được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, giảng viên hướng dẫn - Cô Lê Thị Cẩm Giang, cùng tập thể phòng Kế toán - Tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị đã tạo điều kiện và hỗ trợ em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.
2. Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp
3. Tài liệu, chứng từ thật thực tế, sổ sách của công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 05 năm 2026

ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi tên là: Nguyễn Thị Thu Hoài, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ Có, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ Không, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

• Các công cụ AI đã sử dụng:

.....

.....

.....

• Mục đích sử dụng AI (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....

.....

.....

• Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:

.....

.....

.....

.....

• Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng là đối tác

CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH QUẢNG TRỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/STB – HĐLPH Quảng Trị, ngày 04 tháng 4 năm 2025

HỘI NGHỊ PHÁT HÀNH SÁCH QUẢNG TRỊ NĂM 2024
(Triển khai tại cuộc họp đại lý ngày 04/4/2024)

Thời gian hội nghị: 01 buổi từ 08 giờ 30 ngày 04 tháng 4 năm 2025

Địa điểm: Tại Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH NĂM 2023 CỦA CÔNG TY:

I. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH SÁCH CÁC LOẠI NĂM 2024:

- Năm 2024 Công ty CP Sách và TBTH Quảng Trị đã phát hành hơn 3,1 Triệu bản sách các loại, đáp ứng nhu cầu cho học sinh trong toàn tỉnh,
- Doanh thu bán hàng đạt 49,8 tỷ/47,6 tỷ. tăng 2,2 tỷ so với năm 2023.
- Tổng sản lượng sách phát hành qua đại lý năm 2024 đạt 523.911/889.482 bản, với doanh số 9,026/14,73 tỷ đồng, giảm hơn 365.571 ngàn bản, doanh số giảm hơn 5,7 tỷ so với năm 2023

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHÁT HÀNH QUA CÁC KÊNH BÁN HÀNG NĂM 2024

STT	Đại lý	Sách giáo khoa		Sách bổ trợ		Sách TK TC		Tổng cộng	
		Số bản	Doanh thu (ngàn đ)	Số bản	D. Thu (ngàn đ)	Số bản	D. Thu (ngàn đ)	Số bản	Doanh thu (ngàn đ)
1	Thanh Vân	68.553	1.022.613	24.183	285.954	13.064	484.747	105.800	1.793.315
2	NS Minh Hiếu	49.416	715.937	43.345	487.679	27.676	1.189.148	120.437	2.392.765
3	NS Minh Lài	40.214	570.518	26.068	294.628	8.376	369.619	74.658	1.234.766
4	NS 35 Lê Quý Đôn	13.970	198.705	11.468	126.214	2.102	95.866	27.540	420.786
5	NS Huy Lan	29.932	430.014	23.942	274.155	7.217	286.281	61.091	990.451
6	NS Lao Bảo	20.886	305.303	13.977	154.340	5.540	202.752	40.403	662.396
7	NS Thanh Lớn	2.769	40.265	3.437	41.658	1.209	55.467	7.415	137.390
8	NS Hồng Duyên	17.566	271.301	10.835	128.734	5.108	228.505	33.509	628.540
9	NS Sinh Mai	14.242	208.976	9.055	101.984	2.327	95.276	25.624	406.237

11	Fahasa	17.523	237.797	8.754	92.146	1.157	29.652	27.434	359.595
Cộng Đại lý		275.071	4.001.429	175.064	1.987.492	73.776	3.037.313	523.911	9.026.241
12	TT Huế (ĐC)	32.522	439.859	11.174	134.772	9.884	389.455	53.580	964.087
13	Quảng Bình (ĐC)	338.210	4.284.351	130.024	1.317.979	87.916	3.709.306	556.150	9.311.636
Cộng điều chuyển		370.732	4.724.210	141.198	1.452.751	97.800	4.098.761	609.730	10.275.723
NS 51 Lê Lợi		161.285	2.425.079	99.942	1.238.375	293.943	4.661.423	555.170	8.324.879
NS 25 Trần Hưng Đạo		243.368	3.538.743	154.675	1.825.876	84.063	2.088.395	482.106	7.453.015
VP Công ty		583.995	8.260.480	262.522	2.827.033	100.625	3.943.978	947.142	15.031.493
Cộng Công ty		988.648	14.224.302	517.139	5.891.284	478.631	10.693.796	1.984.418	30.809.387
Tổng cộng		1.634.451	22.949.941	833.401	9.331.527	650.207	17.829.870	3.118.059	50.111.351

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC PHÁT HÀNH NĂM 2024:

1. Về ưu điểm:

- Năm 2024 là năm cuối cùng thực hiện thay sách theo chương trình GDPT mới năm 2018 Công ty cũng chủ động sửa chữa kho theo quy định của PCCC, nhập hàng và triển khai công tác phát hành đảm bảo cung ứng đủ sách, đáp ứng nhu cầu cho các đại lý, các đối tác trên địa bàn.

- Công ty đã thực hiện việc bán hàng nâng chiết khấu thu tiền ngay trước mùa vụ phát hành, đã đưa lại lợi ích cho các đại lý và giúp các đại lý chủ động nguồn hàng và nâng cao sức cạnh tranh giữ chân khách hàng.

- Thị trường Sách giáo khoa tại Quảng Trị, tại hội nghị đại lý được thống nhất quy định mức CK bán lẻ trên địa bàn, đã mang lại lợi ích cho cả công ty và đại lý

- Tổng số lượng bản sách các loại Công ty phát hành qua đại lý năm 2023 như sau:

+ SGK các đại lý phát hành được: 275.071 bản (năm 2023 – 458.960 bản), giảm hơn 183.88960 bản, chiếm tỷ lệ 60% so với năm 2023,

+ SBT các đại lý phát hành được 175.064 bản (năm 2023 – 330.422 bản), giảm 155.358 bản so với năm 2023, đạt tỷ lệ 52 % tổng số phát hành SBT của năm 2023

+ STK, TC các Đại lý phát hành được 73.776 bản (năm 2023 – 100.100 bản), giảm 26.324 bản, đạt tỷ lệ 73,7% so với năm 2023

=> Qua bảng thống kê chúng ta có thể thấy được tỷ lệ phát hành các mảng sách trên địa bàn năm 2024 vẫn được duy trì, tuy nhiên doanh số có bị giảm sút nhiều so với năm 2023 (cụ thể 5,7 tỉ đồng)

2. Về nhược điểm:

- Sự phối kết hợp của một số đại lý đối với Công ty cũng chưa thật sự tốt, số lượng các mảng sách phát hành thiếu đồng bộ (như SGK và sách bài tập, Tiếng Anh của NXBGD, của ĐTP....)

- Học sinh cấp 2 và 3 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị học nhiều bộ sách (cánh điều,

kết nối, chân trời, TA NXBGD, TADTP) nên việc phát hành của Công ty cũng như Đại lý gặp nhiều khó khăn.

- Việc Công ty đầu mối của NXBGDVN giao sách thiếu đồng bộ (không đầy đủ các tên sách), chính sách đặt kế hoạch và buộc nhận hết kế hoạch sách đặt cũng tạo áp lực công nợ, tồn kho cho Công ty.

- Việc Công ty nâng chiết khấu bán hàng thu tiền ngay để giúp đại lý nâng cao lợi ích trong kinh doanh thì Đại lý lại dùng tỷ lệ này nâng chiết khấu bán hàng đã làm cho thị trường mất ổn định

III. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH VÀ THANH TOÁN CÔNG NỢ:

- Các đại lý cơ bản đã thực hiện thanh toán đúng như hợp đồng đã ký.
- Việc thanh toán Công nợ đúng thời hạn của các đại lý giúp công ty giải quyết được áp lực công nợ với công ty đầu mối, và tăng uy tín của công ty với các đối tác
- Tuy nhiên năm 2024 một số đại lý do áp lực tồn kho lớn nên đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ công nợ đối với công ty,

PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH SÁCH PHỤC VỤ NĂM HỌC 2025 – 2026

A. THÔNG TIN VỀ SÁCH GIÁO KHOA PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025:

I. Thông tin về việc sử dụng và giá sách giáo khoa

- Đối với SGK và sách tiếng anh vẫn thực hiện như các năm trước
- SGK phục vụ năm học 2025 – 2026 của tất cả các bộ sách được điều chỉnh về chung một giá, sách của NXBGDVN năm 2024 đã giảm nên chỉ giảm nhẹ một số tựa sách với tỷ lệ giảm không đáng kể, còn sách của Cánh Diều giảm giá bình quân 24%
- Đối với sách giáo khoa phát hành năm 2024 còn tồn kho NXBGD và sách cánh diều đều không thực hiện việc bù đắp chi phí giảm giá, NXBGD chỉ thực hiện việc phát tem để các đơn vị tự dán và giảm giá theo quy định.
- Năm 2025 NXBGDVN và các công ty Đầu mối tiếp tục thực hiện việc giảm thêm 1% chiết khấu SGK; sách cánh diều giảm 4% sách giáo khoa đối với các công ty địa phương

B. CHỦ TRƯỞNG VỀ SỬ DỤNG VÀ PHÁT HÀNH SGK:

I. ĐỐI VỚI SÁCH GIÁO KHOA VÀ SÁCH BÀI TẬP CÁC LOẠI:

- Tiếp tục ổn định thị trường SGK và SBT các loại như năm học 2023 - 2024
- Thời điểm phát hành SGK bắt đầu thực hiện từ 15/3/2024
- Công nợ: Các NXB cho công ty được nợ 30 ngày kể từ ngày công ty nhận sách hoặc xuất hóa đơn (tùy theo điều kiện nào đến trước)

VỀ QUY ĐỊNH ĐỐI TÁC PHÁT HÀNH VÀ CHIẾT KHẤU:

1. Đối tác: Công ty CP Sách TBTH Quảng Trị là đối tác phát hành sách và các sản phẩm của NXBGD trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

2. Về quy định tỷ lệ chiết khấu:

2.1. NXBGD Việt Nam quy định tỷ lệ chiết khấu tối đa bán cho Công ty trên toàn Quốc như sau:

+ Sách giáo khoa: 13%; sách bài tập 18%, Sách tiếng anh 18%

2.2. Công ty Vepic quy định tỷ lệ chiết khấu tối đa bán cho các công ty

+ Sách giáo khoa: 13%; SBT: 18% (thanh toán đúng hạn và nộp tiền trước ngày 01/3 thì được cộng thêm 1,5 tiền thưởng đối với sách giáo khoa và 3% tiền thưởng đối với SBT)

2.3. Sách tiếng anh mới của NXBGDVN 15%. Sách tiếng anh ĐTP CK 10%,

2.4. Năm 2025 NXBGDVN bãi bỏ quy định thưởng chiết khấu làm công tác thị trường, chiết khấu bán ra do các đơn vị tự quyết định, và định hướng duy trì tỷ lệ Chiết khấu bán lẻ chung cho cả SGK và SBT từ **0 - 3%**.

C. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ CƠ CHẾ PHÁT HÀNH NĂM 2025 CỦA CÔNG TY:

- Năm 2025 Công ty tiếp tục củng cố, duy trì kênh phát hành SGK, SBT, STK, qua hệ thống đại lý, kênh trường học có nhu cầu; và kênh bán lẻ tại các nhà sách của Công ty

- Công ty cùng phối hợp với các đại lý trên địa bàn giữ vững và ổn định thị trường, giữ mối quan hệ khách ai nấy bán, không nâng CK để giành khách, không bán sách ngoài luồng, sách in lậu, ...

- Các đại lý phải thực hiện việc đặt hàng tại Phòng kế hoạch của Công ty và Sách theo đơn hàng được Công ty giao tại kho của đại lý (hoặc đại lý tự nhận tại kho Công ty).

- Để tạo cơ sở pháp lý trong việc xây dựng hệ thống phát hành của mình, Công ty sẽ thiết kế và in giấy chứng nhận đại lý thuộc hệ thống phát hành của Công ty,

- Công ty luôn giữ vững quan điểm hợp tác, không xung đột, không đối thủ, không đối đầu trong kinh doanh, tất cả các đối tượng kinh doanh cùng mặt hàng là bạn hàng là đối tác, để cùng nhau hợp tác, cùng nhau phát triển “Buôn có bạn bán có phường” có như vậy ai cũng cùng mạnh lên và cùng phát triển, ko ai triệt con đường sống của ai hết

- Để tránh tình trạng dây dưa công nợ và bị các đối tác khác chiếm dụng vốn, từ năm 2025 công ty chỉ thực hiện phương thức bán hàng thu tiền ngay (không bán nợ)

(thông qua hình thức nâng chiết khấu công thêm theo từng giai đoạn nhằm hỗ trợ lãi tiền vay cho khách hàng)

I. CHIẾT KHẤU PHÁT HÀNH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024:

- 1. SGK của NXBGDVN: CKTTĐH: 8%
- 2. SBT của NXBGDVN: CKTTĐH: 10%
- 3. SGK Cánh Diều: CKTTĐH: 11%
- 4. SBT cánh Diều: CKTTĐH: 16%
- 5. TA – NXBGDV: CKTTĐH: 13%
- 6. TA – ĐTP: CKTTĐH: 8%
- 7. Sách tài liệu địa phương: CKTTĐH: 8%
- 8. Sách buổi 2 khác: CKTTĐH: 25%
- 9. SGV (NXB -Cánh diều): CKTTĐH: 5%
- 10. Bộ đồ dùng: (Từ lớp 1 – Lớp 5) CKTTĐH: 22%

Lưu ý: các đại lý thanh toán không đúng hạn 20 ngày sẽ bị giảm 1% chiết khấu nêu trên

II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH MUA HÀNG TRẢ TIỀN TRƯỚC (trên tổng giá trị thanh toán) THEO CÁC MỐC THỜI GIAN (Cụ thể như sau):

Phương án 1:

TT	Tên hàng hóa	Mức CK chung	TT Trước 20/4/2025 (nhận sách tại thời điểm bất kỳ)	TT. từ 21/4 – sau (trả tiền ngay)	Ghi chú
1	SGK -NXBGD	7%	(+3%) = 10%	(+1%) = 8%	
2	SBT -NXBGD	10%	(+4%) = 14%	(+1) = 11%	
3	SGK – Cánh diều	9%	(+3%) = 12%	(+1) = 10%	
4	SBT – Cánh Diều	16%	(+3%) = 19%	(+1) = 17%	
5	STA -NXBGD	11%	(+3%) = 14%	(+1) = 12%	
6	STA – ĐTP	7%	(+2%) = 9%	(+1) = 8%	
7	SGV NXB, CD	5%	(+2%) = 7%	(+1) = 6%	
8	Bộ đồ dùng các loại (GD &CD)	21%	(+3%) = 24%	(+1) = 23%	

Phương án 2: (Hiện Công ty đang áp dụng phương án này)

TT	Tên hàng hóa	Mức CK chung	TT Trước 20/4/2025 (nhận sách tại thời điểm bất kỳ)	TT. từ 21/4 – sau (trả tiền ngay)	Ghi chú
1	SGK -NXBGD	7%	(+3%) = 10%	(+1%) = 8%	
2	SBT -NXBGD	8%	(+3%) = 11%	(+1) = 9%	
3	SGK – Cánh điều	9%	(+3%) = 12%	(+1) = 10%	
4	SBT – Cánh Điều	14%	(+3%) = 17%	(+1) = 15%	
5	STA -NXBGD	9%	(+3%) = 12%	(+1) = 10%	
6	STA – ĐTP	7%	(+3%) = 10%	(+1) = 8%	
7	SGV NXB, CD	5%	(+3%) = 8%	(+1) = 6%	
8	Bộ đồ dùng các loại (GD &CD)	21%	(+3%) = 24%	(+1) = 22%	

Lưu ý:

- Tỷ lệ % chiết khấu tăng thêm được tính trên tổng giá trị thanh toán (số tiền mua hàng trước), riêng đối với trường hợp mua hàng trả tiền ngay thì được cộng thêm 1% giá bìa (trường hợp đặc biệt mua nợ thì thực hiện theo mức chiết khấu chung và hạn mức bán nợ không quá 50 Triệu đồng/ 01 đại lý)

- Chính sách tăng chiết khấu(+n%) mua hàng trả tiền trước, hoặc tăng CK mua hàng trả tiền ngay “+(n-1) %” là phần ưu đãi (hỗ trợ) giúp Đại lý trả lãi tiền vay để mua hàng của Công ty, các đại lý không dùng chính sách này để nâng chiết khấu nhằm cạnh tranh với các đại lý khác trên địa bàn

- Trường hợp đặc biệt, Các đại lý gặp khó khăn về tài chính, không tham gia mua hàng trả tiền trước (hoặc trả tiền ngay) thì sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán theo mức chiết khấu chung với thời hạn thanh toán công nợ là 20 ngày, và định mức công nợ không quá 100 triệu đồng/ 01 đại lý

- Các đại lý nộp tiền về công ty để mua hàng trước, nếu không nhận hết hàng, sẽ được công ty hoàn trả lại số tiền trên sau khi kết thúc mùa vụ, chậm nhất công ty phải thanh toán hoàn số dư xong trong ngày 31/12 hằng năm./.

3. Tổ chức phát hành, phương thức giao hàng và thời hạn thanh toán:

3.1. Tổ chức phát hành:

- Thời gian tổ chức phát hành sách giáo khoa, bài tập các lớp sẽ thực hiện ngay sau phiên họp triển khai công tác phát hành sách phục vụ năm học 2025-2026 của công ty (04/4/2024)

- Đối với SGK, SBT các lớp Cánh Điều sẽ triển khai phát hành ngay theo bản đặt vì hiện nay đã đầy đủ sách

- Đối với sách của NXBGDVN Công ty sẽ triển khai phát hành ngay sau khi có sách, (hiện nay chỉ còn số sách tồn kho của năm trước chứ sách mới chưa có)

3.2. Phương thức phát hành và Thời gian nhận hàng:

- + Các đại lý có nhu cầu mua hàng có đơn hàng gửi về công ty, công ty lên bảng kê và số tiền thanh toán gửi đại lý, đại lý chuyển tiền vào TK công ty, thì công ty sẽ thực hiện đóng gói và vận chuyển về giao cho đại lý chậm nhất sau 2 ngày có đơn đặt hàng

- + Các đơn hàng ngày từ đầu vụ phải đảm bảo trên 70 thùng công ty mới giao hàng, dưới số lượng trên các đại lý tự vận chuyển,

- + Công ty chỉ bán nguyên thùng, không thực hiện đóng gói lẻ theo đơn đặt hàng của khách hàng, trường hợp đặc biệt các đại lý muốn công ty đóng lẻ, tùy theo số lượng đặt hàng công ty sẽ giảm 1- 2% chiết khấu để bù đắp tiền công đếm và đóng gói

II. CÔNG TÁC BÌNH ỔN THỊ TRƯỜNG:

Do năm 2024 các đơn vị có nhận sách ngoài luồng về bán và không tuân thủ quy định chiết khấu bán lẻ đã được thống nhất tại phiên họp đại lý ngày 04/04/2024, do vậy Năm 2025 này Công ty không quy định chính sách chiết khấu bán lẻ chung trên địa bàn, các đại lý tùy theo điều kiện thị trường của vùng mình để tự đưa ra chiết khấu bán lẻ phù hợp

III. CÁC CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI:

1. Tổ chức ký kết hợp đồng: Công ty và các đại lý cùng ký kết hợp đồng mua bán SGK, SBT, STA và các sản phẩm khác, cam kết thực hiện bán chiết khấu đúng quy định.

2. Kế hoạch đặt hàng và phương thức giao nhận:

- Các Đại lý lập kế hoạch đặt hàng gửi cho Công ty, Công ty căn cứ bản đặt ra bảng kê xuất hàng và chịu trách nhiệm vận chuyển và giao hàng tại địa chỉ do đại lý yêu cầu.

- Việc bốc dỡ hàng hóa mỗi bên chịu một đầu (được ghi rõ trong hợp đồng mua bán), nếu Đại lý không hợp tác trong việc bốc dỡ hàng hóa Công ty có quyền từ chối giao hàng cho đại lý, và các đơn hàng từ đó về sau Đại lý phải thực hiện việc nhận hàng tại công ty và thanh toán tiền ngay trước khi nhận hàng, đồng thời tự chịu chi phí vận chuyển.

- Các đơn hàng của đại lý trước ngày 30/7/2024 phải đảm bảo trên 70 thùng,

sau 30/7 phải đảm bảo trên 30 thùng Công ty mới chịu trách nhiệm vận chuyển và giao hàng tận nơi cho các đại lý; các đại lý đặt hàng theo từng thời điểm mà không đạt số lượng theo quy định nói trên thì các đại lý phải tự chịu vận chuyển.

IV. CHÍNH SÁCH CHIẾT KHẤU TĂNG THÊM ĐỐI VỚI STA, STK, TỰ CHỌN:

1. Chính sách này chỉ áp dụng đối với việc phát hành STK, TC và được tính tỷ lệ% trên tổng giá trị thanh toán của các đại lý đối với Công ty:

- Tăng thêm CK với mức 0,1% trên tổng giá trị thanh toán cho Công ty đối với các Đại lý đạt mốc thanh toán tiền sách tham khảo, tự chọn từ 350 triệu đến 550 triệu đồng

- Tăng thêm CK với mức 0,15% trên tổng giá trị thanh toán cho Công ty đối với các Đại lý đạt mốc thanh toán tiền STK, TC từ trên 550 triệu đồng đến 750 triệu đồng

- Tăng thêm CK với mức 0,2% trên tổng giá trị thanh toán cho Công ty đối với các Đại lý đạt mốc thanh toán tiền STK, TC từ trên 750 triệu đồng đến 950 triệu đồng.

- Tăng thêm CK với mức 0,25% trên tổng giá trị thanh toán cho Công ty đối với các Đại lý đạt mốc thanh toán tiền STK, TC từ trên 950 triệu đồng đến 1.150 triệu đồng.

- Tăng thêm CK với mức 0,3% trên tổng giá trị thanh toán cho Công ty đối với các Đại lý đạt mốc thanh toán tiền STK, TC trên 1.150 triệu đồng đến 1.350 triệu đồng.

- Tăng thêm CK với mức 0,35% trên tổng giá trị thanh toán cho Công ty đối với các Đại lý đạt mốc thanh toán tiền STK, TC từ trên 1.350 triệu đồng đến 1.550 triệu đồng; ...

2. Các khoản tăng chiết khấu doanh số phát hành STA, STK, TC này được thực hiện theo Quyết định của Giám đốc công ty, và các đại lý nhận khoản chiết khấu doanh số tăng thêm này tại phiên họp Đại lý vào tháng 3 (hoặc tháng 4) năm 2025

V. CÔNG TÁC PHỤC VỤ CỦA CÔNG TY:

- Công ty cam kết sẽ cung ứng đủ sách theo kế hoạch đặt hàng và giữ vững tỷ lệ chiết khấu trong suốt cả mùa vụ đối với các đại lý, chỉ giảm chiết khấu đối với các đại lý khi công ty hết kế hoạch và bị NXBGDVN giảm chiết khấu.

- Công ty sẽ tổ chức giám sát việc thực hiện bán chiết khấu theo quy định tại phiên họp đại lý này, Công ty có quyền ngừng cấp hàng theo hợp đồng đối với các đại lý vi phạm các quy định về **công nợ** và các nội dung đã được thống nhất tại cuộc họp này.

Kết luận: Trên đây là các quy định và chính sách chiết khấu phát hành của Công ty áp dụng cho các Đại lý của Công ty trong năm 2024. Kính đề nghị các đại lý thực hiện nghiêm túc và cùng phối hợp với Công ty trong việc giữ vững thị trường sách giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./.

Công ty rất mong nhận được những ý kiến thảo luận, đóng góp của Quý Đại lý./.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Quốc Huy

Phụ lục 2: Bảng kê chi tiết số 00000655
CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG TRỊ

Mã số thuế: **3200135169**
Số HĐTC: **655**
Ngày: **30/06/2025**

BẢNG KÊ XUẤT KHO

Họ tên người mua hàng: **(DLY007) Nhà sách Hồng Duyên**
Địa chỉ: **82 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam**
Xuất tại kho: **(GK) Kho sách giáo khoa**
Số ngày nợ: **0**

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Bản bó	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	G0PH3Q001G24	Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - Lớp 3	0x160+30	22.000	30	660.000 (11)
2	G0PH4U001G24	Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - Lớp 4	0x154+30	23.000	30	690.000 (11)
3	G1HHYT003h24	Kết nối - Chuyên đề học tập Toán 11	0x76+20	11.000	20	220.000 (12)
4	G1BHYT001h24	Kết nối - BT Toán 11/1	0x72+10	22.000	10	220.000 (17)
5	G1BH9I001H24	Kết nối - BT Tin học 9	0x106+20	14.000	20	280.000 (17)
6	G1HH2V002h25	Kết nối - Tiếng việt 2/2	0x52+50	21.000	50	1.050.000 (12)
7	G1HH3V001h25	Kết nối -	1x64+0	20.000	64	1.280.000 (12)

		Tiếng việt 3/1				
8	G1HH3V002h25	Kết nối - Tiếng việt 3/2	1x60+0	18.200	60	1.092.000 (12)
9	G1HH4T002h25	Kết nối - Toán 4/2	0x74+50	12.700	50	635.000 (12)
10	G1BH4T002h25	Kết nối - VBT Toán 4/2	0x84+30	19.000	30	570.000 (17)
11	G2BH6C001m24	Chân trời - BT Công nghệ 6	0x200+30	9.000	30	270.000 (17)
12	G1BH6M001h25	Kết nối - BT Mĩ thuật 6	0x156+30	12.000	30	360.000 (17)
13	G3BH6R001a25	Kết nối - BT Âm nhạc 6	0x240+30	8.000	30	240.000 (17)
14	G1BH7V001h23	Kết nối - BT Ngữ văn 7/1	0x92+20	17.000	20	340.000 (17)
15	G1BH7V002h25	Kết nối - BT Ngữ văn 7/2	0x94+20	15.000	20	300.000 (17)
16	G1HH7V001h25	Kết nối - Ngữ văn 7/1	0x52+30	18.400	30	552.000 (12)
17	G1HH7V002h25	Kết nối - Ngữ văn 7/2	0x63+30	17.000	30	510.000 (12)
18	G3HH7R001a25	Kết nối - Âm nhạc 7	0x126+30	8.400	30	252.000 (12)
19	G1HH7G001h25	Kết nối - Giáo dục công dân 7	0x90+20	9.000	20	180.000 (12)
20	G2HH7K001m24 *	Chân trời - Khoa học tự nhiên 7	0x42+30	23.900	30	717.000 (12)
21	G2BH7K001m25	Chân trời - BT Khoa học tự nhiên 7	0x72+20	22.000	20	440.000 (17)
22	C2HH6E001D25	Cánh diều - Giáo dục thể chất 6	0x86+20	15.300	20	306.000 (12)
23	C2HH7E001D25	Cánh diều - Giáo dục thể chất 7	0x78+20	13.800	20	276.000 (12)
24	C2HH8E001D25	Cánh diều -	0x82+20	13.700	20	274.000 (12)

		Giáo dục thể chất 8				
25	C2HH9E001D25	Cánh điều - Giáo dục thể chất 9	0x100+20	13.600	20	272.000 (12)
26	G1HHYS002h25	Kết nối - Chuyên đề học tập Lịch sử 11	0x150+20	8.000	20	160.000 (12)
27	G1HHYC001h25	Kết nối - Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí	0x66+30	20.000	30	600.000 (12)
28	G1HHYL002h25	Kết nối - Chuyên đề Vật lý 11	0x140+20	9.000	20	180.000 (12)
29	G1HHYH002h25	Kết nối - Chuyên đề học tập Hóa học 11	0x150+20	8.000	20	160.000 (12)
30	G1BHZL001H24	Kết nối - BT Vật lý 12	0x90+9	18.000	9	162.000 (17)
31	G1BHZL001h25	Kết nối - BT Vật lý 12	0x82+11	18.000	11	198.000 (17)
32	G1BHZT001H24	Kết nối - BT Toán 12/1	0x100+20	16.000	20	320.000 (17)
33	G1BHZH001H24	Kết nối - BT Hóa học 12	0x80+20	20.000	20	400.000 (17)
34	G3HH7Q001a25	Kết nối - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	0x136+30	10.000	30	300.000 (12)

Lưu ý khi nhận hàng: - Mọi vấn đề phát sinh liên quan đến hóa đơn vui lòng liên hệ PKD 0233.3850.405 - Sau 3 ngày kể từ ngày nhận hàng, công ty không xử lý bất kỳ phát sinh nào liên quan đến phiếu	Tổng cộng :	(2+32)=3 4	914	14.466.000đ
	Chiết khấu:		13,32%	1.927.420đ
	Tổng tiền thanh toán (không có thuế GTGT):			12.538.580đ
	Thuế GTGT:		0%	0đ

xuất hàng này (thừa, thiếu, hư hỏng, ...)

Trân trọng cảm ơn!

Tổng tiền thanh toán:

12.538.580
đ

Quảng Trị, Ngày
30/06/2025

Người nhận

**Thủ
kho**

**Phòng Kế hoạch Kinh
doanh**

Người lập phiếu

Lê Thị Hà Lam
0944 083 567

Phụ lục 3: Trích mẫu Sổ chi tiết TK 911

Trích mẫu Sổ Cái TK 9111

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị					
SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
Số hiệu tài khoản: 91111 Xác định kết quả kinh doanh SGK					
Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025					
Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
KCCPBH	31/01/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	139.124.962	
KCCPQL	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý	642	83.652.340	
KCDTSGK	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu SGK	51111		171.441.630
KCGVSGK	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn SGK	63211	136.190.310	
KClo	31/01/2025	Kết chuyển lỗ tháng 1/2025	4212		187.525.982
...	...	...	...	...	...
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	201.409.336	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	87.077.076	
KCDTSGK	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu SGK tháng 12/2025	51111		852.068.685
KCGVSGK	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán SGK tháng 12/2025	63211	2.155.429.980	
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		1.591.847.707
		Cộng số phát sinh		33.101.710.296	33.101.710.296
		Lũy kế phát sinh từ đầu quý		6.868.731.001	6.868.731.001
		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		33.101.710.296	33.101.710.296
		Số dư cuối kỳ			

Hình 1: Trích mẫu Sổ Cái TK 91111

Trích mẫu Sổ Cái TK 91112

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị					
SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
Số hiệu tài khoản: 91112 Xác định kết quả kinh doanh STK					
Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025					
Số dư đầu:					
Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
KCCPBH	31/01/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	30.917.765	
KCCPQL	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý	642	18.780.519	
KCDSTK	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu STK	51112		38.489.812
KCGVSTK	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn STK	63212	35.383.413	
KClo	31/01/2025	Kết chuyển lỗ tháng 1/2025	4212		46.591.885
...	...	...	...	...	...
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	44.576.355	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	28.264.899	
KCDSTK	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu STK tháng 12/2025	51112		188.581.705
KCGVSTK	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán STK tháng 12/2025	63212	171.210.684	
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		55.470.233
		Cộng số phát sinh		2.377.896.110	2.377.896.110
		Lũy kế phát sinh từ đầu quý		912.944.845	912.944.845
		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		2.377.896.110	2.377.896.110
		Số dư cuối kỳ			

Hình 2: Trích mẫu Sổ Cái TK 91112

Trích mẫu Sổ Cái TK 91114

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 91114 Xác định kết quả kinh doanh văn phòng phẩm

Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
KCCPBH	31/01/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	73.736.864	
KCCPQL	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý	642	44.790.320	
KCDTVPP	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu VPP	51114		91.745.705
KCGVVPP	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn VPP	63214	60.246.852	
KClo	31/01/2025	Kết chuyển lỗ tháng 1/2025	4212		87.028.331
...	...	...	...	...	...
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	49.680.129	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	31.501.092	
KCDTVPP	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu VPP tháng 12/2025	51114		210.173.388
KCGVVPP	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán VPP tháng 12/2025	63214	146.855.749	
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		17.863.582
		Cộng số phát sinh		3.418.494.028	3.418.494.028
		Lũy kế phát sinh từ đầu quý		688.825.884	688.825.884
		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		3.418.494.028	3.418.494.028
		Số dư cuối kỳ			

Hình 3: Trích mẫu Sổ Cái TK 91114

Trích mẫu Sổ Cái TK 91117

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 91117 Xác định KQKD Thiết bị Giáo dục

Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
KCCPBH	31/01/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	11.079.407	
KCCPQL	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý	642	4.292.152	
KCDTTBGD	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu TBGD	51117		6.583.526
KCGVTBGD	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn TBGD	63217	4.581.745	
KClo	31/01/2025	Kết chuyển lỗ tháng 1/2025	4212		13.369.778
...	...	...	...	...	...
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	44.343.610	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	28.117.321	
KCDTTBGD	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu TBGD tháng 12/2025	51117		187.597.070
KCGVTBGD	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn xuất bán TBGD tháng 12/2025	63217	75.221.543	
KClai	31/12/2025	Kết chuyển lãi tháng 12/2025	4212	39.914.596	
		Cộng số phát sinh		560.040.996	560.040.996
		Lũy kế phát sinh từ đầu quý		267.097.747	267.097.747
		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		560.040.996	560.040.996
		Số dư cuối kỳ			

Hình 4: Trích mẫu Sổ Cái TK 91117

Trích mẫu Sổ Cái TK 91151

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 91151 Xác định KQ hoạt động tài chính

Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
KCCPTC	31/01/2025	Kết chuyển chi phí tài chính	635	9.728.408	
KCDTTC	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		40.740
KClo	31/01/2025	Kết chuyển lỗ tháng 1/2025	4212		9.687.668
---	---	---	---	---	---
KCCPTC	31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính	635	3.755.215	
KCDTTC	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính tháng 12/2025	515		2.982.165
KClo	31/12/2025	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		773.050
		Cộng số phát sinh		138.026.545	138.026.545
		Lũy kế phát sinh từ đầu quý		11.023.373	11.023.373
		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		138.026.545	138.026.545
		Số dư cuối kỳ			

Hình 5: Trích mẫu Sổ Cái TK 91151

Trích mẫu Sổ Cái TK 91181

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Số hiệu tài khoản: 91181 Xác định KQKD Khác

Từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025

Số dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số chứng từ	Ngày		Mã tài	Nợ	Có
KCCPBĐSDT	31/01/2025	Kết chuyển chi phí BĐSĐT	6327	19.610.151	
KCCPlaichamNT	31/01/2025	Kết chuyển chi phí lãi chậm nộp thuế	8112	52.327	
KClo	31/01/2025	Kết chuyển lỗ tháng 1/2025	4212		19.662.478
---	---	---	---	---	---
KCCPBH	31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12/2025	641	36.689.778	
KCCPLPthuế	31/12/2025	Kết chuyển chi phí, lệ phí thuế tháng 12/2025	8112	1.327.511	
KCCPQL	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý tháng 12/2025	642	23.264.192	
KCDTKhac	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu khác tháng 12/2025	5118		155.217.286
KCGVBĐSDT	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn BĐSĐT tháng 12/2025	6327	5.923.137	
KCGVKhac	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn khác tháng 12/2025	63218	3.001.169	
KClai	31/12/2025	Kết chuyển lãi tháng 12/2025	4212	85.011.499	
		Cộng số phát sinh		1.273.376.799	1.273.376.799
		Lũy kế phát sinh từ đầu quý		183.917.954	183.917.954
		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		1.273.376.799	1.273.376.799
		Số dư cuối kỳ			

Hình 6: Trích mẫu Sổ Cái TK 91181